

INTERNATIONAL BESTSELLER

Yu Dan

Confucius from the Heart

孔
子

Tinh hoa

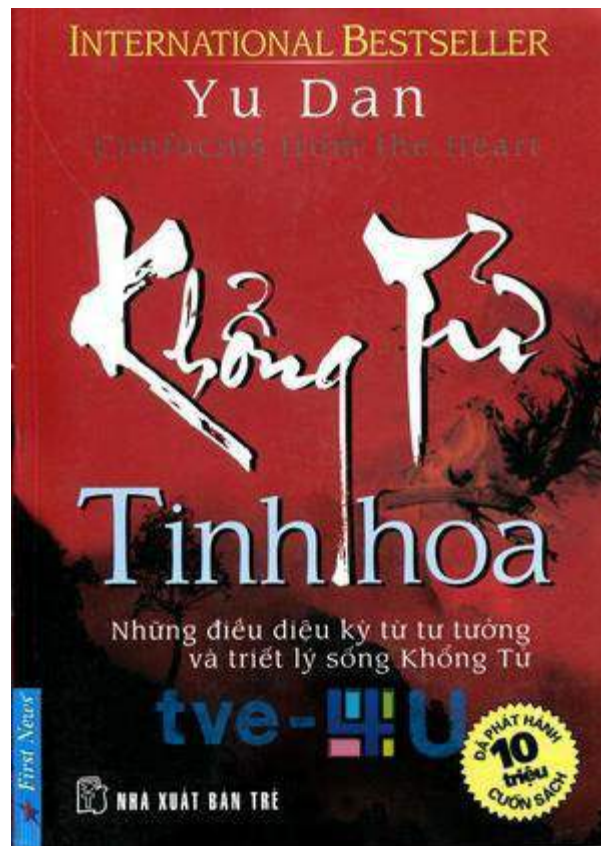
Những điều diệu kỳ từ tư tưởng
và triết lý sống Khổng Tử



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



KHÔNG TỬ TINH HOA



Tác giả: **Vu Đan**

Dịch giả: **Hoàng Phú Phương, Mai Sơn**

Công ty phát hành: **First News - Trí Việt**

Nhà xuất bản: **NXB Trẻ**

Kích thước: **14.5 x 20.5 cm**

Số trang: **176**

Ngày xuất bản: **12/2009**

Giá bìa: **48.000^d**

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Cuốn sách này được giới thiệu ở đây nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!

Còn nếu bạn có khả năng hãy mua ủng hộ nha!

Giới thiệu

Khổng Tử và học thuyết Nho gia có ảnh hưởng rất lớn đối với các nền văn hóa Á Đông, trong đó có Việt Nam. Bao nhiêu thế hệ trí thức Việt Nam đã tiếp thu và ứng dụng triết lý của ông. Còn ngày nay, sự minh triết trong tư tưởng Khổng Tử có thể giúp gì cho chúng ta khi đối diện với vô số vấn đề của cuộc sống hiện đại?

Vu Đan, với niềm say mê và am hiểu về Khổng Tử cộng với tầm nhìn của một nhà nghiên cứu thông thái, đã làm cho mọi người sửng sốt khi vén mở những bí mật ẩn chứa trong tư tưởng Khổng Tử. Đó là những bí mật có thể giúp ta đứng vững trong thực tại, hiểu được thế giới sôi động mà chúng ta đang sống, giúp ta tận hưởng một cuộc đời phong phú và trọn vẹn.

Giản dị, trực tiếp và hừng khởi, bà gạt bỏ cách tiếp cận sùng kính của các học giả khác và cho thấy những chân lý mà Khổng Tử giới thiệu với chúng ta luôn là những chân lý dễ nắm bắt nhất, chỉ cho chúng ta một cách sống hạnh phúc theo đúng nhu cầu tinh thần của mình.

Những gì chúng ta có thể học hỏi từ Khổng Tử hôm nay không phải là môn “Khổng học” do Hán Vũ Đế lập ra; không phải là “Khổng giáo” long trọng, cao quý, nặng nghi thức bên cạnh Đạo giáo và Phật giáo; cũng chẳng phải học thuyết Khổng Tử của các học giả, đầy luận chứng sâu xa và mang tính bác học khuôn phép mà là những bài học, những chân lý giản dị mà mỗi người tâm đắc và đều có thể tiếp nhận.

Những chân lý đó đi vào lòng người tự nhiên nhất như chính là tiếng gọi từ bên trong tâm tưởng của mỗi chúng ta. Dù thời gian trôi qua và thế giới có đổi thay thế nào đi nữa thì những giá trị tinh túy nhất của Khổng Tử luôn mãi sống với thời gian.

Mục lục

Lời Tựa

Phần I: ĐẠO CỦA TRỜI VÀ ĐẤT

Phần II: ĐẠO CỦA TÂM VÀ HỒN

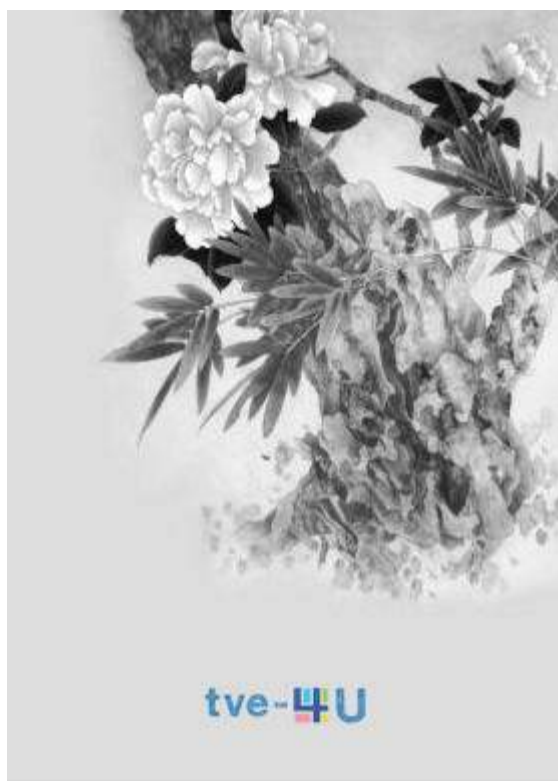
Phần III: THỂ ĐẠO

Phần IV: ĐẠO BẰNG HỮU

Phần V: ĐẠO CỦA CHÍ HƯỚNG

Phần VI: ĐẠO NHÂN SINH

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ VU ĐAN



tve-4U

Lời Tựa

Cách đây hơn 2.500 năm, các học trò của nhà tư tưởng và triết học Khổng Tử đã cố gắng tìm tòi ghi lại từng mảnh rời rạc và từng câu chuyện rời rạc về cuộc đời và những lời dạy của ông. Những ghi chép, phần lớn dựa trên những bài thuyết giảng, sau này được tổng hợp lại thành sách “Luận Ngữ”.

Cách đây hơn hai ngàn năm, Hoàng đế Vũ của nhà Hán loại bỏ một trăm trường phái triết học khác để ủng hộ Khổng Tử, thực chất là biến nước Trung Hoa thành một nhà nước Khổng giáo.

Cách đây một ngàn năm, Vương An Thạch, tước Giời Phủ, tể tướng đầu tiên của nhà Tống, tước hào cho rằng ông có thể điều hành được thế giới này chỉ với một nửa cuốn Luận Ngữ.

Từ những điều đó, chúng ta có thể thấy vai trò cực kỳ quan trọng của Khổng Tử trong sinh hoạt chính trị và xã hội thời cổ đại, cũng như sự kính trọng mà người xưa dành cho những lời dạy được góp nhặt lại của ông.

Nhưng ý nghĩa thực hành của tư tưởng Khổng Tử trong xã hội và cuộc sống của chúng ta ngày nay là gì?

Có lần, trong một thị trấn nhỏ nổi tiếng với những suối nước nóng ở miền bắc Trung Quốc, tôi đọc thấy dòng chữ “Vấn Bệnh Tuyên” (Suối vấn bệnh). Người ta nói rằng bất cứ ai ngâm mình vào nước ở đây sẽ lập tức hiểu được nguồn gốc bệnh tật của mình: người bị viêm khớp sẽ có cảm giác ngứa ran ở các khớp xương; người có vấn đề về dạ dày sẽ cảm thấy nóng trong bao tử, trong khi người mắc bệnh về da sẽ cảm thấy một cơn nóng bừng lan khắp trên da, như thể một lớp da đang được tẩy sạch, như lớp da bị lột bỏ của con ve sầu.

Theo tôi, minh triết của Khổng Tử chính là một nguồn suối ấm áp, sống động như vậy. Và tôi cũng cho phép mình đắm chìm trong nguồn suối đó, rồi thể nghiệm nó bằng chính con người và máu thịt của mình, như hàng ngàn, hàng vạn người, hơn hai nghìn năm qua đã mê mải đắm mình trong dòng suối đó và trải nghiệm những tặng vật của nó.

Người tốt sẽ nhìn thấy sự thiện hảo trong đó, và người minh triết thấy sự minh triết. Có lẽ giá trị của cuốn sách kinh điển này không nằm ở các lễ nghi và sự tôn sùng gây nên nỗi kính sợ, mà nằm ở tính toàn diện và sự linh hoạt của nó; nằm ở sự minh triết mà rất nhiều người ở nhiều thời đại đã tự mình thấm nhuần để rồi từng cuộc đời và từng cá nhân, tuy lĩnh hội nó theo những cách khác nhau và đi theo những con đường khác nhau, cuối cùng đều có thể đạt đến cùng một mục đích.

Người Trung Quốc có câu: “Chân lý không bao giờ ở xa những người bình thường”, và điều này chắc chắn đúng khi chúng ta tiếp cận với sự minh triết của Khổng Tử. Theo tôi, các bậc hiền nhân không bao giờ dùng những câu trích dẫn tối tăm trong kinh sách để làm mọi người e ngại, cũng không chắt

đây trong tác phẩm của họ những cách nói khác thường và những từ ngữ khó hiểu dễ gây khó khăn cho người tìm đến. Khổng Tử nói: “Ta đang nghĩ đến việc từ bỏ lời nói”. Tử Cống vội hỏi: “Nếu thầy không nói nữa, học trò của thầy lấy gì truyền đạt?”. Khổng Tử nói, điềm đạm và giản dị: “Trời có nói gì đâu? Thế mà bốn mùa cứ thay nhau, vạn vật sinh hóa. Trời có nói gì đâu?”^[1].

Những chân lý giản dị về thế giới này có thể đi vào tâm hồn mọi người bởi vì chúng chưa bao giờ là sự áp đặt, mà là một tiếng gọi từ bên trong đánh thức từng trái tim và linh hồn. Những người tìm thấy ích lợi từ minh triết của Khổng Tử có thể trải nghiệm khoảnh khắc khai minh tuyệt vời, khi sự nhận thức đột nhiên chảy tràn qua họ. Khi chúng ta đọc Luận Ngữ trong dòng chảy cuộc sống hôm nay thì mọi thứ bỗng trở nên rõ ràng với chúng ta, và Khổng Tử chắc hẳn đang mỉm cười lặng lẽ nhìn về chúng ta xuyên qua nhiều thế kỷ.

Những gì chúng ta có thể học hỏi từ Khổng Tử hôm nay không phải là môn “Khổng học” do Hán Vũ Đế lập ra; không phải là “Khổng giáo” long trọng, cao quý, nặng nghi thức bên cạnh Đạo giáo và Phật giáo; cũng chẳng phải học thuyết Khổng Tử của các học giả, đầy luận chứng sâu xa và mang tính bác học khuôn phép.

Những gì chúng ta có thể thu nhận được từ Luận Ngữ của Khổng Tử là những chân lý giản dị mà mỗi người tâm đắc và đều có thể tiếp nhận.

Nửa đêm, 16 tháng 11, 2006

Vu Đan

Phần I: ĐẠO CỦA TRỜI VÀ ĐẤT



Bạn không nên nghĩ rằng minh triết của Khổng Tử là quá cao siêu và xa vời, hoặc là một điều gì mà con người ngày nay chỉ có thể sùng kính ngược nhìn.

Những chân lý về thế giới này lúc nào cũng dễ hiểu và giản dị, hết như mặt trời mọc mỗi ngày ở phương đông, như mùa xuân gieo hạt và mùa thu gặt hái.

Những chân lý mà Khổng Tử đem đến cho chúng ta luôn luôn là những chân lý dễ nắm bắt nhất.

Chân lý ấy dạy cho chúng ta cách sống một cuộc sống hạnh phúc theo nhu cầu tinh thần của chính mình.

Minh triết của Khổng Tử có thể giúp chúng ta đạt được hạnh phúc tinh thần trong thế giới hiện đại, giúp chúng ta làm quen với nhịp sống hàng ngày và cảm nhận những gánh nặng riêng để biết chúng ta đang ở đâu trong cuộc đời này.

Thỉnh thoảng chúng ta có thể nghĩ rằng những gì chúng ta đọc là thiếu tính lô-gíc. Rất nhiều câu nói tập trung vào chỉ một vấn đề, không có nhiều đoạn văn dài hơi, và gần như mọi thứ chúng ta tìm ra đều đơn giản và ngắn ngủi.

Khổng Tử nói: “Trời có nói gì đâu? Thế mà bốn mùa cứ thay nhau, vạn vật cứ sinh hóa. Trời có nói gì

đâu?” (Luận Ngữ, chương XVII, tiết 18), ý rằng: Xem kia, trời ở trên đầu ta, uy nghiêm và lặng lẽ, không bao giờ nói một lời, thế mà bốn mùa cứ vùn xoay mãi mãi, và tạo vật cứ sinh sôi nảy nở chung quanh ta. Vậy trời có cần nói nữa không?

Những gì chúng ta tìm thấy nơi Không Tử là cách suy nghĩ dung dị và gần gũi. Chính với thái độ này mà Không Tử gieo ảnh hưởng đến các học trò của ông.

Không Tử có ba ngàn học trò, bảy mươi hai người trong số đó là những người uyên thâm và đức hạnh hiếm có. Mỗi người trong số này là một hạt giống, và sau đó mỗi người đến lượt mình lại đi gieo hạt giống mình triết và nhân sinh quan rộng khắp.

Đó là lý do vì sao ở Trung Quốc người ta gọi Không Tử là nhà hiền triết. Hiền triết là những người tài giỏi và có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong thời đại mình. Họ đem đến cho chúng ta sự xác quyết và niềm tin. Những người như vậy chỉ có thể là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên, xuất hiện từ chính trong cuộc sống của chúng ta, chứ không phải từ trên trời rơi xuống.

Cảm thức về sự phát triển tự nhiên, cân bằng này có thể được tìm thấy trong truyền thuyết Trung Hoa kể chuyện Bàn Cổ phân chia trời - đất để tạo lập thế giới. Sự phân chia này không phải là đột biến, như trong truyền thuyết sáng thế phương Tây, theo đó mọi người có thể nghĩ rằng Bàn Cổ sẽ dùng một cái rìu khổng lồ thình lình chẻ trời và đất ra làm đôi, sau đó một nguồn sáng chói lóa chiếu soi khắp mọi nơi, và vạn vật xuất hiện. Đó không phải là phong cách truyện kể Trung Hoa.

Kiểu truyện kể mà người Trung Hoa quen thuộc là kiểu truyện kể trong Tam Ngũ Lịch Kỷ (Lịch sử Trung Hoa cổ đại), bao gồm những chuyện kể mang tính chất thần thoại về sự khai thiên lập địa. Ở đây chúng ta thấy sự khai thiên lập địa là một tiến trình rất dài, êm đềm, thông thả và đầy những dự báo:

Thuở trời đất hỗn mang còn như lòng trắng và lòng đỏ một cái trứng khổng lồ suốt mười tám ngàn năm. Bàn Cổ sinh ra và lớn lên giữa cái trứng đó. Bầu trời và mặt đất bắt đầu tách làm đôi. Ông lấy những chất trong và sáng tạo ra Trời, những chất đục và tối tạo ra Đất. Theo đó, bản chất Dương thuần khiết trở thành trời, bản chất Âm nặng nề trở thành đất. Bàn Cổ sống giữa trời và đất, mỗi ngày có chín sự biến đổi, một vị thần ở trên trời và một hiền nhân ở dưới đất. Mỗi ngày Bàn Cổ cao thêm một

[2]
trượng¹, bầu trời cao thêm một trượng, mặt đất cũng dày thêm một trượng. Khi ông được mười tám ngàn tuổi, bầu trời cao vô định, mặt đất sâu vô định, và Bàn Cổ lớn vô định.

Trời và đất tách làm đôi, không phải theo cách một vật thể cứng gãy làm đôi, mà là một sự tách rời từ từ của hai bản chất: bản chất dương nhẹ nhàng, thuần khiết bay lên, trở thành bầu trời, bản chất âm nặng nề chìm xuống, trở thành mặt đất.

Nhưng đó chưa phải là kết thúc sự phân chia giữa trời và đất. Tiến trình đó chỉ mới bắt đầu.

Hãy để ý người Trung Hoa quan sát những biến đổi như thế nào. Hãy nhìn Bàn Cổ, người ở giữa trời và đất trải qua “chín sự biến đổi trong một ngày”: hết như đứa bé sơ sinh với những biến đổi nhỏ xíu,

tình vì đang diễn ra.

Có một giai đoạn trong những biến đổi đó mà truyện kể gọi là “một vị thần ở trên trời, một hiền nhân ở dưới đất”, nghĩa là Bàn Cổ trở thành một sinh thể thông thái và mạnh mẽ ở cả hai vương quốc (Trời và Đất).

Đối với nước Trung Hoa, ý tưởng làm chủ cả hai vương quốc này là phương cách tồn tại lý tưởng, một sự tồn tại mà loài người chúng ta khao khát hướng tới: bầu trời là nơi chủ nghĩa lý tưởng trải rộng đôi cánh của nó và bay tự do, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của luật lệ và những trở ngại của thế giới hiện thực; còn khả năng giữ vững đôi chân trên mặt đất là để chúng ta có thể tiến bước trong thế giới hiện thực.

Chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa hiện thực là bầu trời và mặt đất của chúng ta.

Nhưng những biến đổi của Bàn Cổ vẫn đang diễn ra và câu chuyện của chúng ta còn tiếp tục.

Sau khi trời và đất tách rời, mỗi ngày bầu trời cao thêm một trượng, mặt đất dày thêm một trượng, và Bàn Cổ lớn thêm một trượng theo với bầu trời.

Quá trình biến đổi vẫn tiếp tục trải qua mười tám ngàn năm, cho đến sau cùng “bầu trời cao vô định, mặt đất sâu vô định, và Bàn Cổ lớn vô định”.

Nói cách khác, loài người bình đẳng với bầu trời và mặt đất: trời, đất và người được coi như Tam Tài - ba sự vật vĩ đại và quan trọng như nhau, nhờ đó mà thế giới được tạo lập.

Khổng Tử nhìn thế giới theo cách này: con người đáng tôn trọng và con người nên tôn trọng chính mình.

Khi đọc Luận Ngữ của Khổng Tử, chúng tôi thấy rằng Khổng Tử rất ít khi nghiêm ngặt và cứng rắn với học trò của mình, ông thường nói chuyện với họ một cách thoải mái, nhã nhặn, dường như chỉ là những gợi ý để họ có thể tự suy ngẫm. Tất cả chúng ta đều đã nhìn thấy các thầy giáo quở trách học trò, bảo chúng không được làm điều này điều nọ. Đó là khi người thầy không phải là chính mình. Một người thầy xuất sắc thực sự phải giống như Khổng Tử, ôn hòa trao đổi quan điểm với học trò của mình, cùng nhau đạt đến điểm cốt lõi là làm sao cho Tam Tài - trời, đất và người (Thiên, Địa, Nhân) - cùng phát triển toàn vẹn.

Tinh thần thoải mái, thông thả, tự tại này và thái độ khiêm cung, kính cẩn là điều mà tất cả chúng ta nên khao khát đạt tới. Luận Ngữ của Khổng Tử là hiện thân của lý tưởng này.

Mục tiêu tối hậu của chúng ta là thấm nhuần những lời dạy của Khổng Tử để hợp nhất Trời, Đất và Người trong một chỉnh thể trọn vẹn, để mang đến cho chúng ta sức mạnh vô hạn.

Chúng ta thường nói: một dân tộc muốn tồn tại và phồn vinh, thì phải có Thiên thời, Địa lợi, Nhân

hòa.

Và chúng ta vẫn đang theo đuổi sự cân bằng hài hòa này nên trong thời đại ngày nay, những tư tưởng của Khổng Tử vẫn có thể dẫn dắt chúng ta.

Chúng ta có thể rút ra được sức mạnh to lớn từ đó, một sức mạnh bắt nguồn từ sâu xa tư tưởng của Khổng Tử. Chính từ sức mạnh này mà Mạnh Tử, một trong những triết gia vĩ đại khác của Trung Quốc, người kế thừa Khổng Tử và khai triển sâu hơn những ý tưởng của ông, được biết đến như “đức quân tử”.

Chỉ khi những tinh túy của Trời, Đất và Vạn vật kết hợp lại trong tâm hồn con người, thì chúng mới có thể đạt được sự mạnh mẽ như bản thể của chúng ta.

Chúng ta nên hiểu “thiên nhân hợp nhất” như thế nào? Là ý nói con người và thế giới tự nhiên trong sự hòa điệu hoàn hảo.

Chúng ta đang nỗ lực tạo ra một xã hội hài hòa, nhưng sự hài hòa đích thực là gì? Nó không chỉ là sự hài hòa bên trong một ngôi nhà nhỏ, cũng không phải chỉ là những quan hệ chân thành giữa mọi người. Nó còn phải bao gồm toàn bộ thế giới tự nhiên, là chung sống và phát triển hài hòa hạnh phúc trên trần gian này. Mọi người phải cảm thấy trân trọng thế giới tự nhiên và sẵn lòng thuận theo nhịp điệu của nó.

Đây là một thứ sức mạnh. Nếu chúng ta biết cách trau rèn sức mạnh này và dựa vào nó, thì chúng ta sẽ có thể có được trí tuệ cao rộng của Khổng Tử.

Dù nội tâm còn nhiều băn khoăn, nhưng thái độ của Khổng Tử với cuộc đời là cực kỳ bình thản. Đó là vì ông có sức mạnh sâu xa bên trong, cảm nhận được sức mạnh của những điều ông xác tín.

Tử Công, học trò Khổng Tử, có lần hỏi Khổng Tử những điều kiện nào cần thiết để có một đất nước thanh bình và một chính quyền ổn định. Câu trả lời của Khổng Tử rất giản dị. Chỉ có ba điều kiện: vũ khí đầy đủ, lương thực đầy đủ và lòng tin của dân chúng.

Thứ nhất, cơ cấu bên trong của nhà nước phải mạnh mẽ, nó phải có đủ sức mạnh quân sự để tự bảo vệ. Thứ hai, nó phải có đủ nguồn cung cấp, để dân chúng được ăn no mặc ấm.

Thứ ba, dân chúng phải tin tưởng vào quốc gia.

Người học trò này lúc nào cũng có những câu hỏi lạ lùng. Tử Công nói rằng ba điều kiện là quá nhiều: Xin thầy cho biết, nếu phải bỏ bớt đi một điều kiện, thầy sẽ bỏ điều kiện nào trước tiên?

Khổng Tử đáp: “Bỏ vũ khí”. Chúng ta có thể không cần đến sự bảo vệ quân sự.

Tử Công lại hỏi: Nếu phải bỏ thêm một điều kiện nữa, thầy sẽ bỏ điều kiện nào?

Khổng Tử đáp: “Bỏ lương thực”. Chúng ta sẵn sàng không ăn.

Khổng Tử tiếp: “Cái chết luôn ở bên ta từ khi chào đời, nhưng khi không có niềm tin, dân chúng sẽ không có gì để nương tựa”.

Không có lương thực chắc chắn sẽ dẫn đến cái chết, nhưng từ xưa đến nay đã từng có ai không phải chết? Vì thế chết không phải là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Điều tồi tệ nhất trong mọi điều là sự sụp đổ và tan vỡ của lòng tin, khi công dân của một quốc gia quay lưng lại với tổ quốc của mình.

Về phương diện vật chất, một cuộc sống hạnh phúc không gì khác hơn là một loạt những mục tiêu đạt được; nhưng sự an bình và ổn định thực sự đến từ bên trong, từ sự chấp nhận những gì chi phối chúng ta. Điều này không đến từ đâu khác ngoài niềm tin.

Đó là quan niệm của Khổng Tử về chính quyền. Ông tin rằng chỉ sức mạnh của niềm tin thôi cũng đã đủ để giữ đoàn kết quốc gia.

Trong thế kỷ 21, chúng ta thấy rằng việc sử dụng tiêu chí đơn giản GNP^[3] để đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân ở các nước là không đầy đủ. Bạn phải nhìn vào tiêu chí GNP với ý nghĩa Tổng hạnh phúc quốc gia.

Nói cách khác, để đánh giá một quốc gia có thực sự giàu mạnh hay không, bạn không nên chỉ nhìn vào tốc độ và quy mô tăng trưởng của quốc gia đó, bạn nên nhìn sâu hơn vào cảm xúc trong tâm hồn của mỗi người dân bình thường. Tôi có cảm thấy an toàn không? Tôi có hạnh phúc không? Tôi có thực sự hòa hợp với cuộc đời tôi đang sống không?

Vào cuối thập niên 1980, Trung Quốc tham gia vào một cuộc khảo sát quốc tế, theo đó hạnh phúc của toàn dân lúc bấy giờ chỉ vào khoảng 64%.

Năm 1991 lại khảo sát một lần nữa. Chỉ số hạnh phúc đã tăng lên, khoảng 73%. Đây là hệ quả từ sự cải thiện mức sống và tất cả những cải cách đang được thực hiện lúc bấy giờ.

Nhưng trong lần thứ ba, năm 1996, chỉ số hạnh phúc đã giảm xuống còn 68%.

Đây là vấn đề gây khó xử. Nó cho thấy rằng ngay cả khi xã hội phát triển về vật chất và văn hóa, người dân thụ hưởng những thành quả của xã hội đó nhưng vẫn mang cảm giác bối rối rất phức tạp.

Chúng ta hãy quay trở lại với 2.500 năm trước, và xem các bậc hiền triết, hiền minh trong thời kỳ đó sống và làm việc như thế nào.

Khổng Tử rất yêu mến người học trò tên là Nhan Hôi. Có lần Khổng Tử khen Nhan Hôi: “Hôi thật đáng khen!

Sống ở một nơi tồi tàn với một cái chén ăn cơm và cái muống uống nước - nơi mà hầu hết mọi người không chịu đựng nổi, nhưng Hôi không để cho hoàn cảnh đó ảnh hưởng đến niềm vui của mình. Hôi thật đáng khen!” (Luận Ngữ, VI, 9).

Gia đình Nhan Hôi rất nghèo. Họ không bao giờ đủ ăn, đủ mặc, và sống trong một khu hẻm nhỏ tối tăm, ẩm đạm. Đối với mọi người, một cuộc sống khó khăn như thế là không thể chịu nổi, nhưng Nhan Hôi vẫn có thể tìm thấy hạnh phúc với những gì mình có.

Có lẽ nhiều người sẽ nói: “Cuộc sống là như thế, dù giàu hay nghèo, tất cả chúng ta đều phải sống với những gì mình có”.

Điều thực sự đáng khâm phục về Nhan Hôi không phải là ông có thể chịu đựng được những điều kiện sống khắc nghiệt, mà là thái độ của ông với đời sống. Khi mọi người thở dài cay đắng và phàn nàn về cuộc sống khó khăn, thì Nhan Hôi vẫn sống rất lạc quan.

Chúng ta thấy rằng chỉ những người thực sự ngộ đạo mới có thể tránh bị cột chặt vào vật chất trong đời sống và giữ được sự điềm tĩnh và thư thái từ đầu đến cuối, không màng danh lợi cá nhân.

Dĩ nhiên, không ai muốn sống một cuộc đời gian khổ, nhưng chúng ta cũng không thể giải quyết các vấn đề tinh thần nếu quá lệ thuộc vào những thứ vật chất mình đang sở hữu.

Ở nước Trung Hoa hiện đại, cuộc sống vật chất đang ngày càng được cải thiện rõ rệt, nhưng điều đó cũng làm rất nhiều người ngày càng thất vọng. Bởi vì rất dễ nhận ra trong xã hội có một tầng lớp người đột nhiên cực kỳ giàu có, nên luôn có một cái gì đó khiến cho người bình thường cảm thấy bất công.

Thực vậy, những gì chúng ta đang đề cập ở đây có thể thể hiện trên hai mặt: một là hướng ngoại, mở rộng đến vô hạn thế giới của chúng ta; và hai là hướng nội, đào sâu đến vô tận để khám phá nội tâm.

Chúng ta luôn mất quá nhiều thời gian nhìn ra thế giới bên ngoài và dành quá ít thời gian để nhìn vào tâm hồn và soi thấu thế giới nội tâm của mình.

Khổng Tử cũng từng nói về bí mật của hạnh phúc, đó là làm thế nào để tìm thấy sự yên bình trong chính mình.

Mọi người hy vọng được sống một cuộc đời hạnh phúc, nhưng hạnh phúc chỉ là một cảm giác, nó chẳng liên quan gì đến giàu sang hay nghèo túng, mà chỉ liên quan đến nội tâm.

Khổng Tử dạy cho các học trò cách tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống. Triết lý này đã được lưu truyền qua bao đời và gieo ảnh hưởng sâu sắc đến rất nhiều học giả cũng như các nhà văn, nhà

thơ nổi tiếng.

Một lần Tử Cống hỏi thầy Không Tử: “Nghèo mà không quy lụy, giàu mà không kiêu ngạo. Thầy nghĩ gì về câu nói này?”. Thử tưởng tượng một người nào đó rất nghèo nhưng không khúm núm trước những người giàu có, hoặc một người rất giàu và đầy quyền lực nhưng không kiêu kỳ hay ngạo mạn. Chúng ta nghĩ gì về người đó?

Không Tử trả lời ông ta rằng điều đó tốt, nhưng chưa đủ. Có một tư cách khác, cao quý hơn: “Nghèo mà vui Đạo, giàu mà giữ Lễ”.

Tư cách cao quý này đòi hỏi một người không chỉ phải chấp nhận cái nghèo một cách坦然 nhiên, không luôn cúi van xin ơn huệ, mà còn phải có hạnh phúc nội tâm êm đềm, sáng tỏ. Đó là thứ hạnh phúc không thể bị tước đoạt bởi cuộc sống nghèo túng bên ngoài. Quyền hành và của cải cũng sẽ không làm cho một người như vậy kiêu ngạo hay bê tha: họ vẫn sẽ tao nhã và lịch sự, vui vẻ và hài lòng. Một người như vậy có thể vừa không bị làm đường lạc lối bởi cuộc sống xa hoa, vừa giữ được lòng tự trọng và hạnh phúc nội tâm. Một người như thế thực sự có thể gọi là quân tử.

Từ quân tử, xuất hiện thường xuyên trong Luận Ngữ, mô tả mẫu người lý tưởng của Không Tử, người mà bất cứ ai trong chúng ta, bất luận giàu nghèo, đều có thể trở thành. Cho đến thời đại ngày nay, chúng ta vẫn dùng từ này như một chuẩn mực cho tư cách cá nhân. Khi những tư tưởng của Không Tử được lưu truyền qua các thế hệ, chúng tạo nên những khuôn chuẩn quân tử, họ xuất hiện xuyên suốt lịch sử chúng ta và là người để chúng ta học hỏi khi nỗ lực trở thành người quân tử trong cuộc sống của riêng mình.

[4]

Đào Tiềm, nhà thơ lớn thời Đông Tấn, là một khuôn chuẩn như thế. Ông giữ một chức quan nhỏ là huyện lệnh Bành Trạch trong 83 ngày và đã từ chức vì một chuyện rất nhỏ.

Nghe kể rằng các quan trên phái người đến điều tra công việc của ông và bắt ông phải mặc áo thụng thắt lưng để chào người phái viên ấy, giống như ngày nay chúng ta mặc áo vét đeo cà vạt để tỏ sự tôn trọng với các vị lãnh đạo đến thăm.

Cặp mắt ta thấy quá nhiều chữ, nhưng lại thấy quá ít tâm và hồn.

Nhưng Đào Tiềm nói: “Ta sao có thể vì năm đấu gạo mà phải chịu còng lưng, vòng tay thờ bộn tiểu nhân ấy”. Nói cách khác, ông không thích phải khúm núm chỉ vì chút bổng lộc. Và thế là ông treo ấn từ quan mà về.

Ông nói: “Bởi vì tâm hồn ta đã trở thành nô lệ cho thân thể ta, ta cảm thấy u sầu và đau khổ”. Ông cảm thấy rằng chỉ để ăn ngon hơn một chút, ở chỗ tiện nghi hơn một, ông buộc phải tự hạ mình, quy lụy và cầu cạnh.

Trong cái nhìn của người hiện đại, việc bằng lòng sống nghèo nàn trong khi vẫn giữ những nguyên

tắc của mình thường hàm ý một cái gì đó thiếu năng nổ tháo vát.

Mọi người đang làm việc vất vả để phát triển sự nghiệp của mình trước sự cạnh tranh khốc liệt, và có vẻ như việc một người kiếm được bao nhiêu tiền, uy tín nghề nghiệp (hoặc thiếu nó) ra sao, đã trở thành dấu hiệu quan trọng nhất của thành công.

Nhưng cuộc cạnh tranh càng khốc liệt, chúng ta càng cần phải điều chỉnh cái nhìn và mối quan hệ của chúng ta với người khác. Với quan niệm đó, chúng ta ăn ở thế nào trong xã hội hiện đại đây? Có quy tắc nào hướng dẫn chúng ta không?

Ông không sẵn lòng sống một cuộc sống như thế: “Ta biết rằng ta không thể quay trở lại quá khứ của ta, nhưng ta biết tương lai của chính ta và ta có thể theo đuổi nó.” - và thế là một lần nữa ông về lại vùng quê yêu dấu của mình.

Tử Công lại hỏi Khổng Tử một câu cực kỳ quan trọng: “Có một từ nào có thể hướng dẫn chúng ta ăn ở trong suốt cuộc đời không? Thầy có thể cho con một từ để con có thể dùng cho đến cuối đời mà lúc nào cũng thấy được lợi ích của nó không?”.

Khổng Tử đáp: “Nếu có một từ như vậy, có lẽ đó là chữ Thứ”.

Nhưng chữ này nói lên điều gì? Khổng Tử tiếp: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”. Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác, nên suy từ lòng mình ra để biết lòng người. Nếu một người có thể thực hiện điều này trong suốt đời mình, thì như thế đã đủ.

Khổng Tử là nhà hiền triết thực sự - ông sẽ không bắt bạn phải nhớ quá nhiều những gì ông dạy, và thỉnh thoảng chỉ một chữ thôi là tất cả những gì bạn cần.

Tăng Tử, một học trò của Khổng Tử, có lần nhận xét: “Phương pháp của Thầy chủ yếu dựa vào việc làm tốt hết sức mình và dùng bản thân mình để đo lường người khác. Tất cả chỉ có vậy”. Tinh túy trong sự truyền dạy của Khổng Tử có thể cô đọng trong hai chữ “Thành” và “Thứ”. Nói một cách dễ hiểu, bạn phải là chính bạn, nhưng đồng thời bạn phải nghĩ về người khác.

Với chữ Thứ, Khổng Tử muốn nói rằng bạn không được ép buộc người ta làm những điều ngược lại ý muốn của họ, bạn cũng không được làm những điều gây tổn hại cho người khác, bạn phải làm hết sức để đối xử với họ bằng sự khoan dung.

Nhưng thường thì nói dễ hơn làm. Thông thường, khi có điều gì bất công hay bất xứng xảy ra, chúng ta không thể không mãi miết nghĩ ngợi về nó. Và khi làm như thế, chúng ta liên tục bị tổn thương.

Có một câu chuyện thú vị trong Phật giáo như sau:

Hai nhà sư rời chùa, xuống núi đi khát thực. Khi đến bên bờ sông, họ nhìn thấy một cô gái đang bối rối vì không biết cách nào đi qua sông. Người sư già bảo cô gái: “Tôi sẽ công cô qua sông”. Và ông

đưa lưng công cô gái qua sông.

Nhà sư trẻ đứng sững vì kinh ngạc. Anh không dám hỏi điều gì. Họ tiếp tục đi bộ thêm hai mươi dặm ^[5]. Cuối cùng, không nén được nữa, nhà sư trẻ hỏi nhà sư già: “Thưa thầy, chúng ta là những kẻ tu hành, chúng ta phải sống thanh sạch, sao thầy lại công một cô gái qua sông?”.

Bằng lòng khoan dung với người khác, bạn thực sự đang mở rộng hơn tấm lòng mình.

Nhà sư già điềm tĩnh đáp: “Anh nhìn thấy ta đưa cô ấy qua sông và đặt cô ấy xuống bờ bên kia rồi mà. Sao anh còn mang cô ấy trong đầu anh thêm hai mươi dặm nữa mà không chịu đặt xuống?”.

Những gì Khổng Tử dạy chúng ta không phải chỉ là chúng ta nên tự mình thực hiện điều gì hay bỏ qua điều gì, mà chúng ta còn phải làm mọi thứ có thể để giúp đỡ những người cần đến. Đó cũng là những gì chúng ta muốn nói trong câu danh ngôn “Bàn tay trao tặng hoa hồng bao giờ cũng vương lại mùi hương”: cho có thể mang lại nhiều hạnh phúc hơn là nhận.

Lời răn của câu chuyện này cũng chính là những gì Khổng Tử dạy chúng ta: khi đến lúc buông bỏ mọi thứ, thì hãy buông bỏ. Bằng lòng khoan dung với người khác, bạn thực sự đang mở rộng hơn tấm lòng mình.

Còn một từ thứ ba, ngoài “Thành” và “Thứ”, nằm ngay trong cốt lõi của học thuyết Khổng Tử là chữ “Nhân”.

Có lần, học trò của Khổng Tử là Phàn Trì hỏi thầy một cách tôn kính rằng: “Thế nào là Nhân?”. Khổng Tử đáp bằng hai từ: “Thương người”. Thương người khác là Nhân.

Phàn Trì lại hỏi: “Thế thì cái gì được gọi là Trí?”. Khổng Tử đáp: “Biết người”. Việc hiểu người khác được gọi là Trí. Yêu và quan tâm đến người khác là Nhân; hiểu người khác là Trí. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Vậy, con đường nào là tốt nhất để trở thành một người có một trái tim biết yêu thương và nhân ái?

Khổng Tử nói: “Người nhân hễ muốn tự lập lấy mình thì cũng lo mà thành lập cho người; hễ muốn cho mình thông đạt thì cũng lo làm cho người được thông đạt; hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với mọi người chung quanh mình thế ấy. Đó là phương pháp phải thi hành để trở nên người nhân đức vậy.” (Luận Ngữ, VI, 28).

Nếu bạn muốn mình tiến bộ, thì hãy nghĩ đến việc làm sao để giúp người khác cũng tiến bộ; nếu bạn muốn đạt được ý hướng riêng của mình, thì hãy lập tức nghĩ đến việc làm sao để giúp người khác cũng đạt được các ý hướng riêng của họ. Bạn có thể làm được điều này, bắt đầu bằng những điều nhỏ bé gần bên bạn, đối xử với người khác như bạn muốn đối xử với chính bản thân mình. Đây là con đường để sống theo đức nhân và sự công chính.

Trong cuộc sống, bất kỳ ai trong chúng ta cũng có thể nhận thấy tình trạng thất nghiệp, hôn nhân đổ vỡ bất ngờ, sự phản bội không thể lường trước của một người bạn, hoặc bị ai đó gần gũi với ta bỏ rơi, và chúng ta có thể xem nó như cái gì đó nghiêm trọng hoặc không quan trọng. Không có bất kỳ tiêu chuẩn khách quan nào đánh giá những điều như vậy cả.

Ví dụ, nếu bạn bị đứt tay, một vết cắt khá sâu, thì liệu chuyện ấy được tính như một vết thương nghiêm trọng hay một vết thương xoàng? Một cô gái trẻ, nhạy cảm, mảnh mai có lẽ sẽ làm um lên vì một chuyện như thế trong cả một tuần lễ; nhưng một người đàn ông trẻ, cứng rắn, mạnh mẽ có lẽ chẳng chú ý gì nhiều đến nó.

Vì vậy, việc ta sẽ chọn vai trò là một “cô gái trẻ” mảnh mai hay một “người đàn ông trẻ” cứng rắn là hoàn toàn phụ thuộc vào chúng ta.

Nếu bạn có một quan điểm khoáng đạt, bạn sẽ luôn có khả năng giữ các sự việc vào đúng tầm của chúng.

Tôi nhớ có một câu chuyện trong cuốn giáo khoa tiếng Anh bậc đại học của tôi kể về một ông vua hàng ngày suy ngẫm về ba câu hỏi tối hậu: Ai là người quan trọng nhất trên thế giới? Điều gì là quan trọng nhất trong mọi thứ? Thời điểm nào là thời điểm quan trọng nhất?

Ông đặt ba câu hỏi này cho cả triều thần. Ông rất buồn lòng vì không ai có thể đưa ra câu trả lời.

Đến một ngày, ông quyết định vi hành đến một vùng xa xôi và xin ngủ nhờ trong nhà của một ông lão.

Nửa đêm, ông giật mình thức dậy vì tiếng huyền náo bên ngoài và ông thấy một người đàn ông máu me đầy mình đang lao vào nhà ông lão.

Người đàn ông nói: “Có người truy đuổi tôi, họ muốn bắt tôi!”. Ông lão đáp: “Thế thì hãy trốn vào đây một lúc” rồi giấu người đàn ông đi.

Nhà vua sợ quá nên không ngủ được. Một lúc sau ông thấy lính tráng tìm theo dấu vết ừa đến. Quân lính hỏi ông lão có thấy ai đi ngang qua không. Ông lão nói: “Tôi không biết, chẳng có ai khác ở đây cả”.

Sau khi đám lính đi xa. Người đàn ông bị đuổi bắt lúc nãy vội cảm ơn rồi ra đi. Ông lão đóng cửa và trở vào ngủ.

Ngày hôm sau, vị vua hỏi ông lão: “Tại sao ông không sợ khi che giấu người đàn ông đó vậy? Ông không sợ gặp rắc rối ư? Có thể mất mạng như chơi ấy chứ! Thế mà ông lại để hắn đi dễ dàng như vậy. Ông không hỏi xem hắn là ai sao?”.

Ông lão điềm tĩnh nói rằng: “Trong thế giới này, người quan trọng nhất là người đang cần được giúp

đờ trước mặt ngài; điều quan trọng nhất là giúp đỡ người ấy, và thời điểm quan trọng nhất là ngay lúc ấy, ngài không thể chần chừ, thậm chí không thể chần chừ một giây phút nào cả”.

Đột nhiên nhà vua sáng rõ ra: ba câu hỏi triết lý mà ngài đã suy ngẫm từ bấy lâu nay đã được giải đáp. Câu chuyện này còn có thể được dùng như một ghi chú cho việc đọc Không Tử.

Điều quan trọng nhất về những người như Không Tử hay bất kỳ nhà tư tưởng vĩ đại nào ở Trung Quốc cũng như trên thế giới, trong quá khứ và hiện tại, là họ rút ra những chân lý và các nguyên tắc từ những kinh nghiệm thực tế của riêng họ trong cuộc sống mà mọi người đều có thể áp dụng được.

Những chân lý đơn giản ấy chúng ta không tìm thấy trong những bộ sách kinh điển, những văn thư khổng lồ của người xưa - nơi mà bạn cần phải có một kính lúp và một cuốn từ điển đồ sộ thì mới đọc được, và bạn có thể phải bỏ cả đời nghiên cứu miệt mài mới hiểu.

Các bậc hiền nhân đích thực hẳn sẽ không nói chuyện trên trời hoặc nói với một phong cách nghiêm khắc đầy bí ẩn. Họ đã truyền lại cho ta cuộc sống của họ, làm sinh động kinh nghiệm của cuộc sống con người, thông qua mọi thay đổi to lớn, bao quát mà thế giới đã đi qua, để chúng ta có thể vẫn cảm thấy sự ấm áp và gần gũi của nó. Từ hàng ngàn năm nay, họ vẫn đang mỉm cười với ta, dõi theo chúng ta trong im lặng khi chúng ta tiếp tục thu hoạch được những giá trị từ các trải nghiệm của họ.

Không Tử mang lại cho ta các chân lý đơn giản, các chân lý này sẽ giúp ta phát triển Tâm và Hồn, đồng thời cho phép ta đưa ra các lựa chọn đúng đắn khi thực hiện chuyến du hành vào cuộc đời. Bước đi đầu tiên của chuyến du hành ấy là phải có một thái độ đúng đắn.



Phần II: ĐẠO CỦA TÂM VÀ HỒN



Sống trên đời, chúng ta khó tránh khỏi những việc gây hối tiếc và thất vọng. Có thể ta thiếu sức mạnh để thay đổi những điều đó, nhưng chúng ta vẫn có thể thay đổi được chính thái độ của ta khi đối mặt với những trở ngại ấy.

Một trong những điều quan trọng nhất về Khổng Tử là ông dạy chúng ta biết cách đối mặt với sự tiếc nuối và giữ lấy một tinh thần thanh thản.

Nhưng liệu sự hiện minh cách nay 2.500 năm ấy có thực sự gỡ được những mối tơ lòng của con người ngày nay không?

Trong suốt một đời chúng ta tồn tại trên hành tinh này, làm sao cuộc sống của ta có thể thoát khỏi những hối tiếc, nỗi thất vọng? Trong cuộc sống, chúng ta luôn nhận thấy có điều này hay điều khác không diễn ra như mình mong muốn.

Khổng Tử có ba ngàn học trò, trong đó có bảy mươi hai người trí đức hiếm có, và mỗi người trong số họ đều có những mối bận lòng riêng. Vậy, họ đã nhìn những sự hối tiếc của cuộc sống con người như thế nào?

Một ngày nọ, học trò của Khổng Tử là Tư Mã Ngưu lo rầu than rằng: “Người ta đều có anh em, chỉ có một mình ta thì không?”.

Tư Hạ, bạn học, khuyên: “Thương ^[6] này từng nghe Phu Tử ^[7] dạy rằng: “Chết sống có số, giàu sang ở Trời. Bậc quân tử lúc nào cũng thành kính tự tu, không phạm điều lỗi lầm; đối với người thì giữ khiêm cung và xử hạp lễ. Thế nên bốn bề đều là anh em cả. Vậy bậc quân tử cần chi phải lo ngại chẳng có anh em?” (Luận Ngữ, XII, 5).

Ta có thể hiểu câu nói này ở nhiều mức độ khác nhau. Vì sống và chết, giàu và sang, cũng như tất cả những gì giống thế đều bị quy định bởi số phận, chúng vượt khỏi sự kiểm soát của chúng ta. Ta phải học cách chấp nhận chúng và sống hài hòa với số phận của chúng ta.

Nhưng nhờ việc trau dồi cách nhìn của mình, chúng ta có thể giữ được một tâm hồn chân thành và kính cẩn, để giảm thiểu những sai trái trong lời nói và việc làm, để đảm bảo ta đối xử với người khác hòa nhã và tôn kính.

Nếu bạn có thể làm tốt việc làm người của mình, thì tất cả mọi người trên thế giới sẽ yêu mến và tôn trọng bạn như một người anh em.

Vì thế, nếu bạn là một người quân tử chân chính, có học thức, thì tại sao lại lo rầu mình không có anh em?

Dù những câu nói này do học trò của Khổng Tử nói lại, nhưng chúng đại diện cho một trong những giá trị mà Khổng Tử ủng hộ.

Trước hết, bạn phải dám đối mặt với những thất vọng trong cuộc sống, và chấp nhận chúng. Bạn không nên theo đuổi mãi điều hối tiếc, than van số phận và hỏi đi hỏi lại rằng tại sao nó lại xảy đến với mình - điều này chỉ có thể làm tăng thêm nỗi đau của bạn.

Thứ hai, bạn phải làm hết sức có thể để đền bù cho sự hối tiếc ấy, bằng cách bắt đầu thực hiện những điều bạn có thể làm được.

Vì sự hối tiếc đôi khi lại bị thổi phồng hơn so với tính chất thực của nó. Và kết quả sẽ là gì? Như Tagore ^[8], một nhà thơ Ấn Độ, đã nói: “Nếu bạn trào nước mắt khi mất mặt trời, bạn cũng sẽ mất luôn cả các vì sao”.

Biết chấp nhận những phần không vừa ý của cuộc đời và đền bù cho những thiếu sót ấy bằng nỗ lực của riêng mình, chính là thái độ mà Khổng Tử đã dạy chúng ta khi đối mặt với những điều hối tiếc trong cuộc đời.

Nếu một người không thể chấp nhận những hối tiếc ấy, thì sẽ dẫn đến những hậu quả nào trong

tương lai?

Trong một tạp chí cũ mà tôi từng đọc, có câu chuyện kể về một nữ vận động viên quần vợt người Anh, Gem Gilbert, như sau:

Khi còn nhỏ, Gem đã chứng kiến một thảm kịch. Một ngày, cô cùng mẹ đi đến nha sĩ theo lệ thường. Cô nghĩ rằng cô và mẹ sẽ sớm về nhà, nhưng vì một biến chứng gì đó mà mẹ cô đã chết ngay trên ghế nha sĩ.

Cô không bao giờ quên được ký ức ảm đạm này và dường như cô không thể làm được gì để xóa bỏ nó. Thế là cô không bao giờ đi đến nha sĩ nữa.

Nhiều năm sau, cô trở thành một tay vợt danh tiếng và giàu có. Rồi một ngày, cô bị đau răng khủng khiếp đến mức không còn chịu được nữa. Gia đình cô cuối cùng cũng thuyết phục được cô phải làm điều gì đó. “Hãy gọi một nha sĩ đến nhà. Chúng ta không cần phải đến phòng khám, nha sĩ của con sẽ đến đây, chúng ta sẽ ngồi lại với con, con còn sợ gì nữa?”. Và thế là họ gọi một nha sĩ đến nhà cho cô.

Nhưng điều không mong đợi đã xảy ra: sau khi nha sĩ sửa soạn dụng cụ và chuẩn bị khám răng, ông quay lại và thấy rằng Gem Gilbert đã chết.

Đây là sức mạnh của nỗi ám ảnh trong tâm lý. Một sự hối tiếc riêng lẻ về một sự việc đã bị thôi phồng quá mức đến nỗi nó lơ lửng trên đầu bạn, tác động đến toàn bộ cuộc đời bạn. Nếu cuộc sống của bạn bị ám ảnh vì những điều hối tiếc mà bạn không thể thoát ra được, thì thực sự nó có thể gây hại cho bạn về thể chất cũng như cảm xúc.

Vì ta không thể tránh được những điều hối tiếc trong đời, nên thái độ của ta đối với những hối tiếc ấy là cực kỳ quan trọng. Mỗi thái độ khác nhau có thể dẫn đến một chất lượng cuộc sống hoàn toàn khác biệt.

Lại có một câu chuyện khác: Một cô gái mồ côi cha sống trong một thị trấn nhỏ. Cô và mẹ phải nương tựa vào nhau, sống đạm bạc qua ngày bằng nghề thủ công. Cô chịu đựng những điều giằng xé nội tâm khủng khiếp. Cô luôn cảm thấy tủi thân vì chưa từng có một bộ quần áo đẹp nào để mặc, cũng không có đồ nữ trang để đeo.

Vào dịp lễ Giáng sinh khi cô tròn 18 tuổi, mẹ cô đã đưa cho cô một ít tiền và nói cô hãy tự đi mua cho mình một món quà.

Việc ấy quả thực vượt xa khỏi những giấc mơ điên rồ nhất của cô, nhưng cô vẫn không đủ can đảm để làm điều đó một cách tự nhiên. Khi đi đến cửa hàng, tay nắm chặt chiếc ví, cô tìm đường tránh đám đông và đi nép sát vào tường. Trên đường đi, cô nhìn cuộc sống tốt đẹp của mọi người và than thầm: “Mình chẳng thể chường mặt ra ở đây, mình là cô gái nghèo hèn nhất ở cái thị trấn này”. Cũng lúc ấy, cô nhìn thấy chàng trai trẻ mà cô đã thầm thương trộm nhớ, cô buồn rầu tự nhủ không biết ai là người bạn nhảy với chàng ở buổi khiêu vũ tối nay.

Và thế rồi, sau khi rón rén tránh mặt mọi người suốt quãng đường, cô cũng đến được cửa hiệu. Khi bước vào bên trong, đập ngay vào mắt cô là một bộ cài tóc cực đẹp.

Khi cô còn sững sờ đứng đó, nhân viên cửa hàng đến nói với cô: “Chị có mái tóc vàng dễ thương quá! Chị thử cài một bông hoa xanh nhạt này xem, trông chị sẽ rất đẹp đây!”. Cô nhìn bảng giá - một con số gần bằng số tiền cô có. Cô e dè: “Tôi không đủ tiền, chị đừng phiền nha”. Nhưng nhân viên cửa hàng lúc ấy đã gài chiếc kẹp lên tóc cô.

Người nhân viên mang đến cho cô một cái gương. Nhìn mình trong gương, cô rất đỗi ngạc nhiên. Cô chưa bao giờ thấy gương mặt mình bừng lên vẻ đẹp và sức sống mạnh mẽ như lúc này; cô cảm thấy như thể bông hoa ấy đã biến cô thành một thiên thần! Không do dự, cô lấy hết tiền ra mua nó. Choáng váng vì sự phấn khích, cô lấy tiền thừa, xoay mình và lao ra ngoài. Cô va vào một ông già vừa mới bước vào cửa. Cô nghĩ cô nghe thấy tiếng ông ta gọi cô, nhưng cô không còn tâm trí để nghĩ đến điều ấy và cô lao vút đi, đôi chân nhẹ tênh như bay.

Trước khi nhận ra mình đang làm gì, cô đã chạy một mạch ra đường chính của thị trấn. Cô thấy mọi người sững sờ nhìn theo hướng cô chạy và cô nghe họ nói: “Tôi chưa từng thấy một cô gái nào xinh đẹp đến nhường này trong thị trấn. Con ai đấy nhỉ?”. Cô lại gặp cậu trai mà cô thầm thích và cô rất ngạc nhiên khi cậu ta gọi cô lại và nói: “Anh có vinh hạnh được mời em làm bạn nhảy tại buổi khiêu vũ Giáng sinh không?”.

Cô không thể tin nổi. Cô vô cùng vui sướng. Cô nghĩ, mình sẽ quay lại cửa hàng và mua thêm một cái gì đó be bé với số tiền còn dư này. Và với ý nghĩ đó, cô phấn khởi chạy thật nhanh trở lại cửa hiệu.

Ngay khi cô bước qua cửa, người đàn ông già mỉm cười nói với cô: “Tôi biết cô sẽ quay lại! Vì khi cô đụng vào tôi, chiếc kẹp hoa của cô đã rơi xuống! Bây giờ tôi đợi cô quay lại lấy nó!”.

Câu chuyện kết thúc ở đây. Cây kẹp tóc xinh xắn thực sự không bù đắp cho những thiếu thốn trong cuộc đời cô gái ấy, nhưng, chính sự tự tin chớm nở của cô đã tạo ra sự khác biệt.

Vậy sự tự tin ấy đến từ đâu? Nó đến từ cảm giác thực tế và vững vàng của một nội tâm thanh thản. Một trạng thái ung dung, không vội vã chính là dấu hiệu của một bậc quân tử chân chính.

Học trò của Khổng Tử là Tư Mã Ngưu có lần hỏi Ngài thế nào là quân tử?

Khổng Tử đáp: “Bậc quân tử thì không lo, không sợ”. Tư Mã Ngưu hỏi tiếp: “Không lo, không sợ, đủ gọi là quân tử sao?”.

Có lẽ ông nghĩ rằng tiêu chuẩn ấy là quá thấp. Khổng Tử nói: “Tự xét lấy mình, thấy mình chẳng mấy may tà ác thì còn lo, sợ nỗi gì?” (Luận Ngữ, XII, 4).

Ngày nay, chúng ta có thể dùng một câu châm ngôn thông thường để diễn giải ý nghĩa câu nói của

Khổng Tử như sau: “Nếu lương tâm của bạn trong sáng, bạn sẽ không lo sợ bị gõ cửa lúc nửa đêm”.

Vậy thì, làm thế nào chúng ta có được một nội tâm mạnh mẽ có thể giúp ta sống không lo âu, không do dự và không sợ hãi?

Nếu muốn có nội tâm mạnh mẽ, bạn phải bình tâm trước mọi sự được mất, nhất là về mặt vật chất. Những người quan tâm quá nhiều đến việc được mất đôi khi bị Khổng Tử xem như là “kẻ tiểu nhân”, và bị gọi là “thấp hèn”, hay nói khác đi, là những người có đầu óc bản tiện và thuộc loại tầm thường.

Khổng Tử từng nói rằng: “Người có thể để loại tiểu nhân ấy lo chuyện đại sự quốc gia chẳng?”. Không. Khi những kẻ như thế không giành được lợi lộc, họ sẽ than phiền về việc không đạt được lợi lộc ấy; khi họ đạt được cái mà họ muốn, họ lại lo sợ mất nó. Vì lo sợ mất nó, họ sẽ không bao giờ ngừng bảo vệ cái mà họ có và cố gắng thủ lợi nhiều hơn nữa.

Lòng dũng cảm chân chính là gì? Nó khác với sự liều lĩnh khinh suất như thế nào? Khổng Tử đã nói thế nào về lòng dũng cảm?

Một người bị ám ảnh vì lợi lộc và những thiệt hại cá nhân không bao giờ có thể có một tâm hồn rộng mở, hay một tinh thần thanh thản, không lo sợ và cũng không thể có lòng dũng cảm thật sự.

Khổng Tử có một học trò tên Tử Lộ, một người rất bốc đồng và quan tâm nhiều đến lòng dũng cảm.

Có lần, Khổng Tử than rằng: “Đạo ta, người chẳng chịu thi hành. Hay là ta bỏ hết mà đi, thả bè lênhênh trên mặt biển còn hơn? Đi theo ta, chắc chỉ có mình trò Do [Tử Lộ] mà thôi?” (Luận Ngữ, V, 6).

Tử Lộ nghe được điều ấy, lấy làm khoái chí lắm. Nhưng Khổng Tử nói thêm rằng: Ta nói điều này vì ngoài lòng dũng cảm ra, Tử Lộ chẳng có gì hết. Yêu mến lòng dũng cảm là một đặc trưng của con người Tử Lộ, nhưng sự dũng cảm của Tử Lộ lại là loại nông cạn, thiếu suy nghĩ.

Nhưng vào ngày khác, Tử Lộ lại hỏi thầy rằng: “Quân tử có chuộng lòng dũng cảm chẳng?”. Khổng Tử đáp: “Quân tử nên chuộng nghĩa hơn hết. Quân tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn. Tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì làm đũa trộm cắp.” (Luận Ngữ, XVII, 22).

Khổng Tử nói: “Ăn cơm thô, uống nước lã, có cánh tay mà gỏi đầu, ở trong cảnh đạm bạc như vậy, người có đạo đức cũng lấy làm vui. Chứ do nơi những hành vi bất nghĩa mà trở nên giàu có và sang trọng, thì ta coi cảnh ấy như mây nổi” (Luận Ngữ, VII, 15).

Điều này có nghĩa là việc một người quân tử đánh giá cao lòng dũng cảm là không sai, nhưng đó là loại lòng dũng cảm có điều tiết và được kiểm chế; nó có một điều kiện quyết định đứng trên nó, đó là “Nghĩa”. Chỉ có sự dũng cảm nào đặt Nghĩa lên hàng đầu mới là lòng dũng cảm chân chính. Còn ngược lại, một người quân tử có thể sử dụng sự dũng cảm của họ để làm loạn, và một kẻ tiểu nhân thì có thể trở thành một kẻ trộm cướp.

Bạn hãy thử nghĩ về điều này xem, nếu những kẻ trộm cướp đột nhập vào nhà để cướp bóc, thậm chí giết người, bạn có thể nói đó là những người dũng cảm hay không? Do đó, sự dũng cảm mà không có Nghĩa là một thứ nguy hại nhất trên đời.

Nhưng, “Nghĩa” là gì và làm sao ta biết cái gì là đúng, cái gì là sai?

Khổng Tử nói rằng: “Người nào biết ước thúc lấy mình, biết nương theo quy củ mà làm, thì ít lầm lạc, thất bại” (Luận Ngữ, IV, 22). Nói khác đi, nếu một người có sự tự chủ trong nội tâm thì họ sẽ ít phạm sai lầm trong suốt cuộc đời.

Nếu một người có thể thực sự làm được việc “Tự xét mình mỗi ngày 3 lần” (Luận Ngữ, I, 4), nếu bạn có thể thực sự đạt đến trạng thái mà “Thấy ai hiền đức, mình nên tự xét mình để cố gắng cho bằng người. Thấy ai chẳng hiền, mình nên tự xét, đừng bắt chước theo họ” (Luận ngữ, IV, 17), thì bạn sẽ đạt được sự tự chủ. Có khả năng suy ngẫm về những thất bại của mình và dám dũng cảm sửa chữa sai lầm, đó là lòng dũng cảm chân chính mà Khổng Tử và các học trò của Ngài theo đuổi.

Nhiều năm sau, Tô Thức ^[9] đã mô tả sự dũng cảm mà ông gọi là “lòng dũng cảm vĩ đại” như sau:

Người xưa gọi một con người là dũng cảm và có tài năng xuất chúng khi người đó có sự tự chủ vượt trên những người thường. Đó là những điều mà con người không thể làm được. Khi một người bình thường cảm thấy xấu hổ, họ rút gươm ra và lao vào đánh nhau; điều này không đủ gọi là dũng cảm. Có những người có lòng dũng cảm vĩ đại trên thế giới, đó là những người khi bị tấn công bất ngờ thì không lo sợ, khi bị chê trách vô cớ thì không nổi giận. Đó là vì chí của những người ấy rất cao vời và họ nuôi dưỡng những khao khát thanh tao và cao quý.

Như Tô Thức đã nói, lòng dũng cảm chân chính có một “sự tự chủ vượt trên những người thường”. Họ

có thể chịu đựng được việc bị làm nhục cay đắng công khai, giống như Hàn Tín ^[10] khi xưa đã chịu chui qua háng một người nơi phố chợ chứ không bỏ phí hai mạng người trong cuộc chiến một mất một còn. Nhưng điều này không ngăn ông đạt được thành công vang dội trên chiến trường, giành được hàng loạt chiến thắng quyết định. Một người như ông hẳn sẽ không bao giờ phản ứng dựa trên một sự dũng cảm bốc đồng trong giây phút nào đó chỉ để có được một khoảnh khắc thỏa mãn ngắn ngủi. Đó là vì ông có một lòng tự tin được lý trí điều khiển, và một tinh thần điềm tĩnh, kiên định; những điều này có được là vì ông có một tinh thần phóng khoáng và những khao khát thanh cao và cao quý.

Tô Thức mô tả một người như vậy là người “khi bị tấn công bất ngờ thì không lo sợ, khi bị chê trách vô cớ thì không nổi giận”. Trạng thái tinh thần ấy rất khó đạt được. Chúng ta có thể cố gắng trở thành những con người có đạo đức, có học thức và không xúc phạm người khác; nhưng khi bị người khác vô cớ xúc phạm, làm sao mà ta có thể không nổi giận được?

Ví dụ, nếu một người bị đánh đập tàn nhẫn, vô cớ và bất ngờ vào thứ hai, đến thứ ba người ấy kể đi kể lại cho bạn nghe chuyện mình bị đánh, thì đến thứ tư, người ấy sẽ chìm vào trong một trạng thái ảm

đậm, và không muốn gặp ai hay đi đâu nữa; đến thứ năm thì người ấy sẽ bắt đầu cãi cộ với gia đình của mình vì những chuyện vặt vãnh... Điều ấy có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là mỗi lần bạn kể lại chuyện mình bị đánh thì cũng giống như bạn bị đánh lại lần nữa. Thậm chí sau khi sự việc qua đi, bạn vẫn bị nó tác động mỗi ngày.

Khi có chuyện không may xảy ra, cách xử lý tốt nhất là hãy để nó trôi qua càng nhanh càng tốt. Chỉ bằng cách này, bạn mới có thể có nhiều thời gian rảnh rỗi để làm những điều có ý nghĩa hơn, như vậy bạn mới có cuộc sống thoải mái và có nhiều cảm xúc tốt đẹp.

Thường Tô Thức và hòa thượng Phật Ấn vẫn hay đàm đạo với nhau. Lão hòa thượng là một con người chân thật, đơn giản, do đó Tô Thức thường hay trêu chọc ông ta. Tô Thức thường rất khoái chí khi thắng được lão hòa thượng về những chuyện vặt và khi về nhà ông thường kể lại cho cô em gái của mình là Tô tiểu muội nghe.

Có nhiều sự việc trong cuộc đời xảy ra không như những gì ta mong muốn. Đôi khi, chúng vô lý và không công bằng. Có thể chúng ta không thể thay đổi chúng, nhưng ta có thể thay đổi tình cảm và thái độ của riêng mình đối với chúng. Nếu nhìn nhận sự việc theo cách này, ta có thể nói rằng người ta có thể nhìn thấy mọi điều trong chính tâm hồn của họ. Câu chuyện sau đây của Tô Thức và hòa thượng Phật Ấn sẽ cho thấy điều ấy.

Một ngày nọ, Tô Thức và lão hòa thượng ngồi đàm đạo.

Tô Thức hỏi: “Này, nhìn xem tôi giống ai?”.

Lão hòa thượng đáp: “Trông anh giống như một ông Phật”.

Tô Thức nghe thấy thế, ông cười lăn cười bò và nói với lão hòa thượng rằng: “Còn ông biết tôi nghĩ ông giống cái gì không? Giống như một đồng phân bò”.

Lão hòa thượng không những không giận gì cả mà còn cười.

Tô Thức về nhà, huyênh hoang điều này với Tô tiểu muội.

Cô em gái chỉ cười nhạt và nói với anh rằng: “Làm sao mà anh có thể nói chuyện với sự hiểu biết thấp đến thế? Anh biết những vị chân tu thường quan tâm gì nhất không? Đó là về việc nhìn thấy tâm hồn và bản chất của mọi việc. Lão hòa thượng nói anh giống như Đức Phật, điều đó cho thấy rằng Phật luôn hiện hữu trong tâm của ông ấy, vì thế bất cứ điều gì ông ta thấy cũng giống như Phật cả. Còn anh lại nói ông ta giống như một đồng phân bò, vậy hãy thử hình dung trong tâm anh là gì nào?”.

Điều này có ý nghĩa với mỗi một người chúng ta. Hãy nghĩ xem: chúng ta đều cùng sống chung trên một hành tinh, nhưng một số người sống một cuộc sống âm áp, hạnh phúc, trong khi những người khác thì rên rỉ, than vãn suốt ngày. Cuộc sống của chúng ta có thực sự khác nhau đến vậy không?

Thực sự, cuộc đời trong mắt chúng ta cũng giống như một nửa chai rượu. Một người bi quan hẳn sẽ nói rằng: “Tệ quá! Chai rượu ngon gì mà chỉ còn có nửa chai!”, trong khi một người lạc quan sẽ nói rằng: “Tuyệt làm sao! Một chai rượu ngon đến thế này mà còn cả nửa chai!”. Sự khác nhau duy nhất là ở thái độ của chúng ta.

Trong xã hội cạnh tranh khốc liệt như ngày nay, đây là thời điểm quan trọng hơn lúc nào hết trong lịch sử để duy trì một trạng thái tinh thần tích cực.

Chúng ta hãy nghe lời Khổng Tử: “Bậc quân tử bao giờ trong bụng cũng坦然 nhiên lòng rộng, tiểu nhân bao giờ trong bụng cũng âu lo ngay ngáy.” (Luận Ngữ, VII, 36). Điều này có nghĩa: tinh thần của người quân tử luôn bình thản, vững vàng và dũng cảm, sự thanh thản và hạnh phúc của họ đến một cách tự nhiên từ bên trong; trái lại, điều bạn thấy nơi kẻ tiểu nhân là một bộ mặt bên ngoài của thái độ ngạo mạn và tự cho mình quan trọng; bởi vì tinh thần của họ bao giờ cũng âu lo trước mọi việc, chẳng lúc nào yên.

Khổng Tử từng nói rằng: “Người có nhân, chẳng bao giờ lo rầu; có trí, chẳng bao giờ lầm lạc; có dũng, chẳng bao giờ sợ sệt.” (Luận Ngữ, XIV, 30). Nhưng Khổng Tử rất khiêm nhường. Ông nói rằng ba việc đó - không bao giờ lo rầu, không bao giờ lầm lạc và không bao giờ sợ sệt - là những điều mà chính ông cũng chưa bao giờ thấy mình đạt đến được.

Khi chúng ta nói “Người có Nhân thì chẳng bao giờ lo rầu”, nghĩa là gì?

Có nghĩa là, người nào đó có một trái tim vĩ đại, tràn đầy lòng Nhân và có đức hạnh, tức có tấm lòng khoan dung và độ lượng, người ấy sẽ không bao giờ để tâm đến những chuyện nhỏ và không nổi xung lên vì chúng. Vì thế, người ấy có thể tránh được việc tranh giành những món lợi và những thất bại nhỏ nhoi. Chỉ duy có loại người này mới có thể thực sự đạt đến sự yên bình nội tâm và thoát khỏi những nghi ngờ, sợ hãi.

Khi chúng ta nói “Người có Trí thì không bao giờ lầm lạc”, nghĩa là gì?

Năm mươi năm trước, có lẽ hầu hết người Trung Quốc cả đời chỉ làm duy nhất một loại công việc, hầu như không ai nghe đến chuyện li dị và họ có thể sống vui vẻ trong cùng một mảnh sân nhỏ từ thời trẻ đến khi già. Điều khiến người ta phiền lòng là cuộc đời họ dễ đoán trước và họ biết họ có ít lựa chọn đến như thế nào.

Nhưng ngày nay, chúng ta đều phiền lòng không phải vì không có lựa chọn mà là có quá nhiều lựa chọn. Những trở ngại và rối loạn, bất an xuất hiện vì xã hội của chúng ta phát triển quá nhanh và cuộc sống của chúng ta quá sung túc đủ đầy.

Chúng ta không thể tác động gì lên thế giới bên ngoài; tất cả những gì chúng ta có thể làm là cải thiện năng lực lựa chọn của chính mình. Khi chúng ta biết cách đưa ra các lựa chọn như thế nào, biết cách chấp thuận hoặc bác bỏ các vấn đề, những lo âu và bức bối cũng sẽ không còn nữa. Đây là điều mà Khổng Tử có ý nói qua câu “Người có Trí thì không bao giờ lầm lạc”.

Còn khi ta nói “Người có Dũng thì không bao giờ sợ sệt”, nghĩa là gì?

Chúng ta có thể nói một cách dễ hiểu rằng: “Khi hai người khỏe mạnh đấm đá nhau, thì người dũng cảm nhất sẽ luôn thắng”. Hay nói khác đi, khi bạn có đủ lòng dũng cảm và kiên trì, bạn sẽ có đủ sức mạnh để vươn mình lên phía trước, khi đó bạn sẽ không còn sợ sệt nữa.

Khi một người quân tử chân chính đạt được đức Nhân - Trí - Dũng trong nội tâm, hẳn nhiên tất cả những lo âu, do dự và sợ sệt của họ sẽ tan biến đi.

Có lần tôi đọc được một câu chuyện trong cuốn sách của tác giả người Nhật Daisetsu Suzuki. Chuyện kể về một người pha trà nổi tiếng sống ở thời Edo, làm việc cho một vị chủ nhân quyền quý. Như ta đã biết, Nhật Bản xem việc thưởng trà như một phần của Thiền học, trong đó nghi lễ uống trà và sự thiền định là hai bộ phận của một toàn thể.

Một ngày nọ, người chủ lên kinh đô để buôn bán. Ông không nỡ để người pha trà ở lại, vì thế ông nói với anh: “Đi với ta, để ta có thể uống trà nhà người pha mỗi ngày”.

Nhưng Nhật Bản thời ấy rất nguy hiểm. Bọn cướp và các ronin ^[11] lang thang khắp vùng, thường là mối đe dọa với người dân.

Người pha trà rất sợ. Ông nói với người chủ rằng: “Tôi không biết dùng vũ khí, nếu tôi gặp nguy hiểm giữa đường, tôi phải làm sao đây?”.

Người chủ nói: “Hãy mang gươm vào và ăn mặc giống một samurai”.

Người pha trà không có lựa chọn nào khác. Ông thay quần áo của một samurai và đi cùng chủ lên kinh đô.

Một ngày, người chủ ra ngoài làm ăn, nên người pha trà đi dạo một mình. Đúng lúc đó, một tên ronin tiến đến gần và thách thức ông, hẳn nói: “Ta thấy ngươi là một chiến binh, vậy hãy sử dụng kỹ năng của ngươi để đấu với ta xem”.

Người pha trà nói: “Tôi không biết đánh đấm gì cả, tôi chỉ là một kẻ pha trà”.

Tên ronin nói: “Mày không phải là một samurai, nhưng mày lại ăn mặc như vậy. Nếu mày còn chút xấu hổ hoặc lòng tự trọng nào, thì hãy nên chết dưới lưỡi gươm của ta!”.

Người pha trà nghe thấy ông hét cả đầu, nhưng rõ ràng là không thể thoát được, cuối cùng ông nói: “Thư thả cho tôi một vài giờ, để tôi có thể hoàn thành nhiệm vụ mà chủ tôi giao phó. Chiều nay, chúng ta sẽ gặp lại tại bờ ao”.

Tên ronin suy nghĩ và đồng ý, rồi nói thêm: “Nhớ đến đó, không thì biết tay tao”.

Người pha trà hồi hải chạy thẳng đến trường dạy võ thuật nổi tiếng nhất ở kinh đô. Ông tìm gặp người samurai lãnh đạo và nói với ông ta: “Tôi van ngài, hãy dạy tôi cách chết danh dự như một samurai!”.

Người samurai lãnh đạo vô cùng ngạc nhiên. Ông nói: “Người ta đến đây tìm cách để sống, còn anh là người đầu tiên đến để tìm cách chết. Tại sao anh lại làm vậy?”.

Người pha trà kể lại cuộc đụng độ với tên ronin, rồi nói: “Tôi chỉ biết mỗi việc pha trà, nhưng hôm nay tôi phải dính vào cuộc chiến sống còn này. Tôi xin ngài, hãy dạy tôi phải làm sao. Tất cả những gì tôi muốn là được chết với một chút danh dự mà thôi”.

Người samurai lãnh đạo nói: “Rất tốt, hãy pha cho ta một cốc trà, rồi ta sẽ dạy anh phải làm gì”.

Người pha trà rầu rĩ: “Đây có lẽ là lần pha trà cuối cùng của tôi trong cuộc đời này”.

Ông pha trà với sự tập trung cao độ, chậm rãi theo dõi nước suối lấy từ núi sỏi lên trong ấm, rồi đặt các lá trà vào, rửa sạch trà, lọc trà và rót trà, mỗi lần một ít. Rồi ông cầm ly trà bằng cả hai tay trao nó cho người samurai lãnh đạo.

Người samurai lãnh đạo đã xem toàn bộ tiến trình pha trà ấy. Ông nhấp thử một ngụm và nói: “Đây là ly trà ngon nhất mà ta được uống trong cả cuộc đời mình. Ta có thể nói ngay với anh rằng anh không cần phải chết”.

Người pha trà vội hỏi: “Ngài sẽ dạy tôi điều gì chẳng?”.

Người samurai lãnh đạo nói: “Tôi không cần dạy anh điều gì cả. Khi anh đối mặt với tên ronin đó, tất cả những gì anh phải làm là hãy nhớ đến trạng thái tinh thần khi anh pha trà. Anh không cần thêm bất kỳ điều gì khác nữa”.

Sau khi người pha trà nghe điều này, ông đi đến chỗ hẹn. Tên ronin đã đợi ông ở đó và ngay khi người pha trà đến, hắn liền rút gươm ra: “Giờ thì mày đến rồi, bắt đầu đấu nào”.

Người pha trà đã suy nghĩ đến những điều mà vị samurai vĩ đại kia nói trên suốt đường đi, nên ông đối mặt với tên ronin bằng đúng trạng thái tinh thần mà ông có khi pha trà.

Ông tập trung ánh mắt lên đối thủ, rồi chậm rãi cởi nón và đặt nó ngay ngắn bên cạnh mình. Rồi ông cởi áo choàng ngoài ra, từ tốn gấp lại, xếp nó gọn gàng dưới chiếc nón; rồi ông cởi dây áo, cột ống tay áo trong của ông với cổ tay của mình một cách chắc chắn; ông cũng làm như vậy với gấu quần dài. Ông chỉnh trang phục cho trận chiến từ đầu đến chân, trong suốt thời gian đó vẫn giữ thái độ hết sức bình thản.

Trong lúc ấy tên ronin bắt đầu lo lắng. Càng nhìn, hắn càng mất bình tĩnh vì không thể đoán được kỹ

năng sử dụng vũ khí của đôi thủ cao thâm đến mức độ nào. Cái nhìn từ cặp mắt và nụ cười của đôi thủ càng lúc càng khiến hắn cảm thấy mất tự tin.

Khi người pha trà chỉnh xong y phục, động tác cuối cùng của ông là rút thanh gươm từ vỏ ra kêu rin rít và khua lên trong không khí. Rồi ông dừng lại ở đó, vì ông không biết phải làm gì nữa.

Ngay lúc ấy, tên ronin quỳ phục xuống và van xin: “Xin hãy tha mạng cho tôi, tôi lạy ngài! Trong suốt cuộc đời mình, tôi chưa bao giờ thấy một tay kiếm nào có phong thái đỉnh đạc như ngài!”.

Phải chăng chiến thắng của người pha trà thực sự là nhờ vào kỹ năng chiến đấu? Không, đó chính là lòng dũng cảm trong trái tim ông, là sự tự tin, điềm tĩnh, thanh thản trong chính nội tâm ông. Đó là thái độ mà ông có được khi làm việc.

Kỹ thuật và kỹ năng không phải là vấn đề quan trọng nhất. Để hiểu trọn vẹn những sự việc vượt khỏi kỹ năng đơn thuần, chúng ta cần sử dụng đến trái tim [tâm] và phần tinh nhạy của thể giới bên trong [hồn] của ta.

Chúng ta có thể thấy rằng các tiêu chuẩn cư xử mà Không Tử đưa ra không chỉ là sự phê phán nghiêm khắc về thể giới quanh ta; mà còn chỉ ra cách sử dụng hiệu quả thời gian và sức lực có giới hạn của chúng ta, chuyển sự phê phán của ta vào bên trong, hướng đến trái tim và tâm hồn của riêng ta.

Tất cả chúng ta đều nên nghiêm khắc hơn một chút đối với bản thân và chân thật hơn, khoan dung hơn một chút đối với người khác. Ngày nay, chúng ta cũng cho rằng một người tử tế phải chân thật và ngay thẳng, nhưng không theo nghĩa là ngây thơ và quá dễ bị thao túng; thay vào đó vấn đề quan trọng là phải khoan dung tha thứ cho những sai trái của người khác, đối xử với họ bằng sự cảm thông và xem xét các sự việc từ điểm nhìn của người khác.

Vì lý do này, chỉ duy người quân tử chân chính mới có thể xoay sở sao cho “không oán trời, không trách người”, cũng không than van số phận đã không mang lại cho họ dịp may mà họ cần, cũng không than phiền rằng chẳng có ai trên đời này hiểu được họ.

Một trái tim và một tâm hồn mạnh mẽ có thể bù đắp cho cả những hối tiếc không thể tránh khỏi và những lỗi lầm lẽ ra bạn có thể tránh được trong đời; đồng thời, nó có thể mang lại cho bạn sự tập trung vào mục tiêu, giúp bạn nâng cao tinh thần và để bạn sống một cuộc sống trọn vẹn nhất, hiệu quả nhất hết mức có thể. Mỗi ngày bạn sẽ trải nghiệm một sự tái sinh mới, và bạn sẽ chỉ cho những người khác biết cách trải nghiệm tất cả những điều đẹp đẽ ấy.

Nếu đầu óc bạn trong sáng, tinh thần phóng khoáng, ngay thẳng và dũng cảm, thì bạn có thể nhận thấy rằng bạn thu hoạch được nhiều lợi ích không ngờ và mọi người sẽ sẵn lòng mang đến cho bạn nhiều điều tuyệt vời. Nhưng nếu ngược lại, bạn sẽ không nhận được bất kỳ lời khuyên tốt đẹp nào.

Như Không Tử nói, nếu bạn đi ngang qua một người mà không gắng nói những điều có thể mang lại lợi ích cho người ấy, thì bạn đang “bỏ phí một con người”. Bạn đã bỏ mất cơ hội với người ấy, đó là điều

không tốt. Ngược lại, nếu người ấy từ chối nghe bạn, lời nói của bạn bị phí phạm đi, cũng là điều không tốt.

Nếu bạn muốn là một người mà người khác có thể nói chuyện được, thì chìa khóa là phải giữ được một tinh thần trong sáng và phóng khoáng. Trong thế giới hiện đại bận rộn của chúng ta, nơi xã hội càng lúc càng phức tạp hơn, thì điều sống còn là ta phải nuôi dưỡng một cái nhìn tích cực, rộng mở của một bậc quân tử. Khổng Tử đã chỉ cho chúng ta biết nên làm thế nào.

Nếu nội tâm của một người thoát khỏi những lo âu, do dự và sợ sệt, tự nhiên họ sẽ ít than phiền hơn về thế giới xung quanh và năng lực gìn giữ hạnh phúc trong họ cũng sẽ tăng lên.

Gia tăng năng lực gìn giữ hạnh phúc của bản thân là điều tốt nhất mà chúng ta có thể học được.



Phần III: THẾ ĐẠO



Trong thế giới hiện đại, nhờ email và tin nhắn, chúng ta có giữ liên lạc thường xuyên với những người cách ta hàng ngàn dặm, ấy thế mà ta lại không bỏ chút nỗ lực nào để hiểu những người hàng xóm của mình.

Hơn bao giờ hết, cách chúng ta đối xử với những người khác ngày nay trở nên rất thiết yếu.

Trong môi trường xã hội phức tạp và đầy biến động này, chúng ta phải đối xử với những người khác như thế nào?

Khi có người đối xử với ta không công bằng, ta phải phản ứng ra sao?

Đâu là những nguyên tắc mà chúng ta nên áp dụng để cư xử với những người thân thiết?

Khổng Tử đưa ra cho chúng ta nhiều quy tắc về cách cư xử trong xã hội và qua đó giúp ta trở thành một người đứng đắn. Có thể, các quy tắc ấy ban đầu có vẻ cứng nhắc, thậm chí khắt khe, nhưng thực tế

chúng chứa đựng sự mềm dẻo đến không ngờ.

Nói đơn giản, ông đưa ra cho chúng ta các nguyên tắc điều tiết hành động của mình và mức độ mà chúng ta phải tuân thủ các nguyên tắc ấy.

Chúng ta thường tự hỏi ta phải làm gì và không nên làm gì; cái gì là tốt và cái gì là xấu.

Thực tế, khi đưa ra những câu hỏi ấy, chúng ta cũng nhận ra rằng các sự vật thường không được phân chia dựa theo các ý niệm đơn giản về đúng và sai, tốt và xấu, có hoặc không. Thời điểm và mức kỳ vọng của chúng ta khi làm một điều gì đó luôn có ảnh hưởng trực tiếp tới cách chúng ta hành động. Khổng Tử đặc biệt nhấn mạnh sự cân nhắc mức độ nào là cần thiết trong khi ta làm bất cứ điều gì. Khi hành động, chúng ta cần phải tránh càng nhiều càng tốt sự thái quá, hoặc ngược lại, là sự thiếu quan tâm.

Vì vậy, dù Khổng Tử ủng hộ đức Nhân và sự bác ái, nhưng ông không khuyên chúng ta tha thứ mọi lỗi lầm của người khác với lòng Nhân không phân biệt. Có người hỏi Khổng Tử rằng: “Ngài nghĩ sao về câu nói: Khi người ta oán hận mà hãm hại mình, mình nên đem ân đức ra mà báo đáp?”.

Khổng Tử đáp rằng: “Vậy nếu người ta đem ân đức ra mà giúp đỡ mình thì mình lấy gì để báo đức? Nên lấy chính trực mà đáp lại sự oán hận, nên lấy điều ân đức mà đáp lại điều ân đức.” (Luận Ngữ, XIV, 36). Chính việc ý thức về các giới hạn của điều gì có thể chấp nhận được nơi những người khác là một dấu hiệu nổi bật của bậc quân tử chân chính.

Chúng ta cần nhấn mạnh, điều mà Khổng Tử ủng hộ ở đây là sự tôn trọng phẩm giá của con người.

Dĩ nhiên, Ngài không gợi ý là phải lấy oán hận để đáp trả lại oán hận. Nếu chúng ta luôn phải đối mặt và ứng xử với những việc sai trái người khác gây ra cho mình một cách ác ý và thù oán bằng thái độ tương tự, thì chúng ta sẽ bị giam vào trong một vòng luẩn quẩn không bao giờ có điểm dừng. Chúng ta sẽ đánh mất không những hạnh phúc của riêng ta, mà còn cả hạnh phúc của những thế hệ sau khi mắc vào sợi dây thù hận truyền kiếp.

Đáp trả oán hận bằng đức hạnh thì cũng không thực tế. Nếu bạn quá hào phóng với lòng tốt và lòng nhân của mình, đối xử với những người làm điều sai với mình bằng sự tốt bụng thái quá hay thiếu suy xét, thì điều ấy cũng là một sự lãng phí.

Nhưng có một thái độ thứ ba, đó là phải đối mặt với tất cả điều ấy một cách điềm tĩnh, với sự vô tư, công bằng, cởi mở và chính trực, tức là phải tiếp cận nó với một tính cách đạo đức cao cùng khả năng suy xét sâu sắc.

Nói rộng ra, Khổng Tử nhấn mạnh rằng chúng ta phải sử dụng tình cảm và trí óc của ta đúng chỗ cần thiết.

Ngày nay, mọi người đều tìm cách tiết kiệm các nguồn tài nguyên, tuy nhiên chúng ta lại xem nhẹ sự

hoang phí về tinh thần và lãng phí năng lượng trong chính cơ thể chúng ta mỗi ngày.

Sự thịnh vượng vật chất và tốc độ ngày càng tăng của các nhịp điệu cuộc sống ngày nay đòi hỏi chúng ta phải đưa ra những phán đoán thật khôn ngoan. Chúng ta phải lựa chọn con đường tốt nhất để sống, một con đường thật sự là của riêng chúng ta.

Trong cuộc sống, chúng ta thường gặp các tình huống gây bối rối:

Cha mẹ quá yêu thương con, nhưng điều ấy lại chỉ đẩy họ xa đứa con mình.

Bạn bè thân cận, gần gũi hết mức, nhưng lại thường kết thúc bằng việc làm tổn thương lẫn nhau.

Có người tìm mọi cách cố gắng cải thiện mối quan hệ gần gũi hơn với cấp trên và các đồng nghiệp của mình, nhưng kết quả thường hoàn toàn ngược lại.

Làm sao lại ra nông nổi này?

Khổng Tử dạy rằng cả sự tách biệt thái quá lẫn sự thân cận thái quá đều không phải là lý tưởng. Đối với ông, “đi rất xa cũng tồi tệ như đi quá gần”. Sự gần gũi thái quá không phải là một tình huống lý tưởng cho hai người muốn sống hòa thuận với nhau.

Vậy, làm thế nào ta đạt được “những mối quan hệ tốt đẹp”?

Tử Du - học trò của Khổng Tử nói rằng: “Can gián mà người trên không nghe thì mang nhục. Khuyên lon mà bằng hữu không sửa thì mất tình bằng hữu.” (Luận Ngữ, IV, 25). Hay nói khác đi, nếu bạn luôn quanh quẩn bên cấp trên của mình, xem liệu mình có giúp gì được cho họ hay không, dù bạn đang tỏ ra gần gũi thì bạn cũng sẽ sớm rước nhục vào thân. Cũng vậy, nếu bạn luôn bám kè kè bên cạnh bạn bè mình, dù có vẻ như các bạn không thể chia xa, thì việc mất tình bằng hữu sẽ chẳng còn lâu nữa.

Có câu chuyện ngụ ngôn như sau:

Ngày xưa có một đàn nhím, tất cả đều có lông nhọn trên lưng, nằm rúc vào nhau để giữ ấm qua mùa đông. Hẳn là chúng không bao giờ có thể biết được rằng nếu tách xa nhau thì chúng sẽ ra sao. Chỉ một chút xê dịch ra xa thôi là chúng không thể giữ ấm cho nhau được, vì thế chúng rúc lại gần nhau hơn; nhưng chúng càng ép lại gần nhau, các gai nhọn lại châm vào nhau, thế là chúng lại bắt đầu tách xa nhau ra; nhưng khi chúng làm vậy, chúng lại bị lạnh. Phải mất một thời gian khá dài để đàn nhím nhận ra khoảng cách thích hợp giữa chúng, để chúng có thể giữ ấm cho nhau mà không làm nhau bị thương.

Trong xã hội của chúng ta ngày nay khi trào lưu đô thị hóa ngày càng phát triển, nhất là ở các thành phố lớn, những khoảnh sân nhỏ của các đại gia đình thời xưa đều bị phá bỏ để xây dựng các tòa nhà lớn. Cho đến ngày mừng năm mới, một gia đình làm bánh bao đem ra khoảnh sân nhỏ để cùng chung vui với hàng xóm như thường niên thì họ ngỡ ngàng khi thấy không còn ai ra đấy nữa. Khoảnh sân chung cũng không còn, thậm chí những láng giềng sống ba, bốn năm đi chung trên một chiếc cầu thang

cũng hầu như không biết nhau.

Do các mối quan hệ của chúng ta với những người sống quanh ta đã trở nên lạnh nhạt hơn, chúng ta càng khó để giao tiếp với nhau hơn.

Rồi điều này gia tăng gánh nặng lên một vài người bạn mà chúng ta trông cậy.

Có thể bạn nghĩ rằng: Nếu người bạn thân thiết nhất của tôi đối xử với tôi tốt hơn một chút, thì tôi sẽ cởi mở để đối xử với họ tốt hơn. Hoặc: Nếu gia đình bạn có chuyện, một vụ cãi nhau với vợ chẳng hạn, tại sao bạn lại không nói với tôi? Tôi có thể can thiệp và hòa giải giúp bạn mà!

Nhiều người trong chúng ta nghĩ như vậy. Nhưng chúng ta hãy nhớ lời Tử Du: sự gần gũi thái quá có xu hướng làm tổn thương người khác.

Vậy chúng ta nên sống hòa hợp với bạn bè của ta như thế nào?

Có lần Tử Cống đã hỏi Khổng Tử câu hỏi này và Khổng Tử đã trả lời rằng: “Như bằng hữu có lỗi, mình nên hết lời can gián, mà phải nói một cách khéo léo dịu ngọt. Như bằng hữu không nghe, thì mình nên thôi; đừng nói dai mà mang nhục.” (Luận Ngữ, XII, 22). Khi bạn thấy một người bạn đang làm điều gì đó sai trái, bạn nên cảnh báo cho họ và can gián bằng thiện chí, nhưng nếu họ thực sự không lắng nghe, thì hãy thôi. Đừng nói gì thêm nữa, nếu không bạn sẽ bị tổn thương.

Vì vậy, với những người bạn tốt thì cũng cần có giới hạn. Thái quá thì sẽ bất cập.

Các nhà tâm lý học có một thuật ngữ để chỉ loại hành vi mà chúng ta thường thấy trong sự tương tác của những con người hiện đại là “hành vi không-yêu thương”^[12]. Nó mô tả chính xác điều xảy ra khi người ta dựa vào danh nghĩa tình yêu để cư xử theo một cách thức gượng ép, cưỡng bách đối với những người thân yêu nhất của họ. Điều này thường xảy ra giữa chồng - vợ, giữa những người đang yêu nhau, giữa cha mẹ - con cái, hay nói khác đi, giữa những người thân thiết nhất với nhau.

Khổng Tử khuyên rằng chúng ta phải giữ một khoảng cách nhất định với bạn bè hoặc với người trên của ta, và phải biết đâu là ranh giới nằm giữa sự thân cận và xa lạ.

Còn với gia đình, những người thân yêu với ta hơn bất kỳ ai khác, liệu chúng ta có nên gần gũi hết mức không?

Hay chúng ta cũng nên giữ một khoảng cách nhất định giữa cha mẹ và con cái, chồng và vợ, hoặc giữa những người yêu nhau?

Một người vợ có thể sẽ nói với chồng rằng: “Hãy nhìn xem em đã từ bỏ những gì để yêu anh. Em đã làm điều này điều kia chỉ vì cái gia đình này, vậy mà bây giờ anh đối xử với em như thế này sao?”.

Nhiều bà mẹ nói với con cái của mình rằng: “Con nhìn xem - sau khi sinh con, mẹ chậm thăng tiến trong công việc, mất đi vóc dáng tươi trẻ của mình, mẹ đã hy sinh mọi thứ cho con, vậy sao con không thể gắng học thêm chút nữa hả?”.

Mọi hành vi “không-yêu thương” này đều mang tính chất ép buộc, mang danh nghĩa tình yêu để bắt người khác cư xử theo cách mà chúng ta muốn.

Có lần tôi đọc một cuốn sách về việc nuôi dạy con cái của một nhà tâm lý học người Anh, trong đó tác giả đã đưa ra một số điều rất sáng suốt:

Tình yêu hầu như luôn là việc mang con người lại gần nhau hơn. Nhưng có một, và chỉ một loại tình yêu mà mục tiêu của nó là sự ngăn cách: tình yêu của cha mẹ đối với con cái của họ. Tình yêu cha mẹ thật sự trọn vẹn có nghĩa là để con trẻ độc lập càng sớm càng tốt; bạn để con mình biết tự lập càng sớm thì bạn càng thành công trong vai trò làm cha mẹ.

Hãy hiểu như thế này, sự độc lập và một khoảng cách tôn trọng là thiết yếu đối với phẩm giá của một cá nhân. Nó phải được duy trì, cho dù là giữa những người thân thiết nhất với nhau.

Dù giữa cha mẹ và con cái, hoặc giữa vợ chồng cưới nhau đã lâu, một khi khoảng cách tôn trọng bị vi phạm, một khi bạn đi quá giới hạn đến giai đoạn gọi là “quấy rầy”, thì bạn sẽ không còn độc lập một cách thích đáng với nhau nữa. Rồi sẽ có vấn đề xảy ra, sự tổn thương ngấm ngấm làm mất đi tình bằng hữu hoặc thậm chí một sự sụp đổ hoàn toàn trong các mối quan hệ sẽ sớm xuất hiện.

Dù đối với bạn bè hay gia đình, chúng ta đều phải biết các giới hạn của chúng ta nằm ở đâu. Trung dung là tốt nhất.

Khổng Tử dạy rằng chúng ta phải tôn trọng con người một cách bình đẳng và hợp lý, duy trì một khoảng cách đủ để mỗi người có một không gian riêng tư cần thiết.

Tư tưởng này rất giống với trạng thái mà Thiền Phật giáo gọi là “Hoa không nở hết, trăng chưa tròn vành”.

Đây là trạng thái tinh thần tốt nhất nên tồn tại giữa con người. Khi một bông hoa nở hết, nó sẽ bắt đầu phai tàn; ngay khi mặt trăng tròn vành vạnh, nó bắt đầu khuyết dần. Nhưng khi bông hoa ấy còn đang chớm chím, hoặc mặt trăng ấy chưa đủ độ tròn, bạn sẽ có cảm giác còn điều gì đó để chờ mong.

Khổng Tử nói rằng: “Dốc lòng tin, ham sự học, giữ cho vững dầu chết cũng không thay đổi, làm cho cái đạo hay hơn lên. Không vào nước đã nguy, không ở nước có loạn, đời có đạo thì ra làm mọi việc, đời không có đạo thì ẩn mà sửa mình. Nước có đạo mà mình nghèo và hèn là xấu hổ; nước không có đạo mà mình giàu sang là xấu hổ.” (Luận Ngữ, VIII, 14).

Đối với cả bạn bè lẫn gia đình chúng ta cũng vậy. Bằng cách cho họ khoảng không cần thiết, bạn sẽ nhận ra những chân trời mới vốn luôn mở ra trước mắt mình.

Thực tế khi bạn đi xin việc - đặc biệt là với các công ty nước ngoài, trưởng phòng Nhân sự sẽ đưa cho bạn một bản mô tả chi tiết công việc đã được viết sẵn, ghi rõ vị trí và công việc bạn sẽ làm. Mọi người đều có một bản như vậy, từ thư ký và nhân viên đánh máy cho đến quản trị viên cấp cao.

Chúng ta luôn nói rằng những người trẻ phải làm việc chăm chỉ và thật tốt, người nào có khả năng làm công việc của ba người là giỏi nhất. Điều này rất lạ lùng và dường như đi ngược lại tinh thần quản trị doanh nghiệp hiện đại: Người chịu trách nhiệm cho một nhiệm vụ phải là người hết lòng quan tâm đến nó, theo cách này, mọi người đều hợp lại với nhau như bộ phận của một chiến lược chặt chẽ.

Khổng Tử nói: “Nếu mình không có chức vị trong một xứ, thì chẳng cần mưu tính chính sự của nước ấy.” (Luận Ngữ, XIV, 27). Nói khác đi, dù bạn đang ở vị trí nào, bạn phải làm bốn phận của mình, không được vượt quá thẩm quyền của mình mà can thiệp vào công việc của người khác, vượt quá vấn đề của mình để làm những việc mà bạn không phải làm. Thái độ chuyên nghiệp này đối với công việc là một thái độ mà xã hội hiện đại của chúng ta hẳn sẽ đặc biệt quan tâm.

Tuy nhiên, có một điều kiện được hàm ý ở đây là: “Khi ta có chức vị trong một xứ, thì phải mưu tính chính sự của xứ ấy”. Vậy thì, bạn phải quan tâm đến các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình như thế nào?

Làm thế nào để chúng ta biết mình phải làm gì?

Khổng Tử nói rằng: “Quân tử đối với việc của thiên hạ, không có việc gì cố ý làm, không có việc nào cố ý bỏ, hễ hợp lẽ nghĩa thì làm.” (Luận Ngữ, IV, 10).

Khổng Tử có ý muốn nói: Người quân tử không cố cưỡng ép, không chống đối sự việc mà không có lý do, không đòi hỏi quá cao mà cũng không nhân nhượng thái quá, không quá gần gũi mà cũng không quá lảng tránh. Tất cả mọi hành động đều theo Lễ và sự công chính. Lễ và sự công chính phải là những nguyên tắc và chuẩn mực cho việc cư xử của tất cả chúng ta.

Một khi chúng ta biết cái gì quy định cách hành động của mình, thì chúng ta phải quan tâm đến chính những hành động của ta.

Giữa “lời nói” và “việc làm”, Khổng Tử đánh giá cao “việc làm”. Khổng Tử cực kỳ cảnh giác với những người khoe khoang và phô trương.

Khổng Tử nói rằng: “Kẻ nào miệng nói lời hoa mỹ; còn mặt mày thì trau chuốt, hình dạng kiêu cách, áo quần lòe loẹt, hẳn kẻ ấy kém lòng nhân.” (Luận Ngữ, I, 3). Bạn không thể tìm thấy người có đức hạnh thực sự giữa loại người miệng nói lời hoa mỹ và có thái độ kiêu cách.

Vậy Khổng Tử ủng hộ điều gì? Rất đơn giản - nói ít, làm nhiều. Bạn phải nhiệt tình trong các hành động của mình, nhưng Ngài khuyên nên “nói năng thận trọng” - không được nói những gì bạn không thể làm. Tục ngữ có câu “Thần khẩu hại xác phàm” (Cái miệng hại cái thân), chí ít thì những lời khoác lác

cũng làm giảm giá trị con người bạn, “càng nói nhiều thì càng mất nghĩa”.

Học trò của Không Tử là Tử Trương trong khi đi học có ý muốn làm quan hưởng lộc. Ông hỏi Không Tử xem mình nên làm gì. Không Tử nói rằng: “Nên nghe cho nhiều. Những điều mình nghe chẳng tỏ, hãy còn hồ nghi thì để qua một bên, đừng có nói. Còn những điều mình nghe được rõ ràng, mình nên nói một cách dè dặt. Như vậy, người ta ít có dịp mà quở trách mình. Nên thấy cho nhiều. Những điều mình thấy chẳng rõ, có thể nguy hại thì để qua một bên, đừng có làm. Còn những điều mình xét chẳng có hại, mình nên làm một cách dè dặt. Như vậy, mình ít có dịp phải ăn năn. Nói mà ít bị quở, làm mà ít ăn năn, bỗng lộc tự nhiên ở đó rồi.” (Luận Ngữ, II, 18).

“Nên nghe cho nhiều. Những điều mình nghe chẳng tỏ, hãy còn hồ nghi thì để qua một bên, đừng có nói” có nghĩa là trước hết bạn phải biết cách lắng nghe xem người ta đang nói gì với bạn, những phần nào bạn không chắc thì phải để qua một bên. Chúng ta gọi việc học hỏi từ những gì xảy ra với ta là kinh nghiệm trực tiếp, trong khi việc học hỏi từ các kinh nghiệm của người khác, kể cả những thất bại và bất hạnh, được gọi là kinh nghiệm gián tiếp.

“Những điều mình nghe được rõ ràng, mình nên nói một cách dè dặt” có nghĩa là bạn phải cẩn thận khi bàn luận về những gì mình đã nghe, kể cả những phần mà bạn nghĩ là mình đã hiểu rõ.

“Nên thấy cho nhiều. Những điều mình thấy chẳng rõ, có thể nguy hại thì để qua một bên, đừng có làm” nghĩa là hãy nhìn xung quanh bạn và để qua một bên những gì bạn còn chưa chắc chắn. Sự lẫn lộn cũng như hầu hết những sai lầm con người gặp phải là kết quả của một tầm nhìn bị giới hạn: Làm thế nào một con ếch ngồi đáy giếng có thể hiểu được sự bao la của đại dương hay sự cao rộng của bầu trời?

Ngay khi bạn dày dặn kinh nghiệm, bạn vẫn phải cẩn trọng trong các hành động của mình. Loại cẩn trọng trong cách cư xử này được mô tả “như đi xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng.” (Luận Ngữ, VIII, 4).

Hãy suy ngẫm nhiều hơn, lắng nghe nhiều hơn, nhìn nhiều hơn, thận trọng trong lời nói và trong hành động của mình. Lợi ích mà bạn thu được khi thực hiện những điều này là bạn sẽ ít hối tiếc hơn.

Trong thế giới này không nơi đâu có thuốc chữa trị cho những điều hối tiếc. Ngay khi một người biết họ đã làm điều gì đó sai trái, thì sự việc ấy cũng đã xảy ra rồi, và có thể là không bao giờ sửa chữa được nữa. Nếu một người tránh được việc trách móc, than phiền khi nói và tránh được những hành động có thể dẫn đến hối tiếc về sau thì chắc chắn sẽ thành công trong những gì họ đang dự định làm.

Tôi từng đọc được một câu chuyện như sau:

Ngày xưa, có một cậu bé tính hay nóng giận. Mỗi lần cáu kỉnh, cậu bé lại nói năng lỗ mãng, cục cằn với mọi người xung quanh. Cha mẹ khuyên răn nhưng cậu vẫn chưa sửa được.

Một ngày nọ, cha cậu đưa cho con trai một túi vải chứa đầy đinh và dùi, mỗi lần không giữ được bình

tĩnh thì cậu cứ vác búa ra hàng rào gỗ quanh nhà và đóng lên đó một cây đinh. Vâng lời cha, hễ nổi nóng là cậu bé lại phang búa đóng một cây đinh vào hàng rào gỗ.

Mới cuối ngày đầu tiên, trên mặt gỗ đã xuất hiện 37 cây đinh. Ngày tháng trôi qua, túi đinh vơi dần, tính tình của cậu bé cũng dần thay đổi. Số đinh xuất hiện mỗi ngày trên hàng rào ít dần đi, cậu thấy mình giữ được bình tĩnh tốt hơn trước. Cuối cùng thì túi đinh cũng đã hết sạch. Cậu bé hoan hỉ thưa với cha rằng cậu đã học được cách tự kiềm chế. Người cha chỉ mỉm cười. Ông dặn con trai rằng từ nay trở đi, nếu một ngày trôi qua mà cậu không nổi nóng thì cậu được quyền nhổ bớt một cây đinh trên hàng rào. Chẳng bao lâu sau, cậu bé đưa lại cho cha một túi đinh đầy, nặng trĩu hệt như ông đã từng đưa cho cậu ngày nào.

Người cha dắt tay con trai ra hàng rào. Thật tội nghiệp, mặt gỗ phẳng phiu ngày xưa nay chỉ chít những lỗ đinh. Người cha nói với con trai: “Cha rất mừng là con đã biết giữ bình tĩnh. Nhưng con hãy nhìn mặt gỗ kia mà xem. Mỗi lần con nổi giận, ăn nói thô lỗ, là con đã gây ra cho những người xung quanh những nỗi đau hệt như nỗi đau mà mặt gỗ kia phải chịu đựng khi con đóng đinh vào nó. Cho dù con đã học được cách giữ bình tĩnh và đã rút đinh ra thì những lỗ đinh sâu hoắm kia vẫn còn đó.

Tương tự, dẫu con có hối cải, có xin lỗi bao nhiêu lần đi chăng nữa thì những người bị con xúc phạm không bao giờ còn cảm xúc tốt đẹp với con như xưa. Con phải nhớ rằng một lời nói cục cằn cũng tạo ra một vết thương lòng không kém một vết dao đâm, một lỗ đinh đóng vào da thịt”.

Câu chuyện trên là một sự giải thích hoàn hảo cho điều mà Khổng Tử muốn nói qua câu “Nói mà ít bị quở, làm mà ít ăn năn”.

Trước khi quyết định một điều gì đó, chúng ta phải ngừng lại một chút để suy xét các hậu quả, nếu không cũng giống như một khi cây đinh đã được đóng vào hàng rào thì dù nó được nhổ ra ngay đi nữa, nó vẫn không bao giờ có thể trở về nguyên trạng như trước. Khi chúng ta làm điều gì đó, chúng ta phải có cái nhìn sâu rộng và phải thận trọng với mọi điều có thể xảy ra. Nếu làm được như vậy, chúng ta có thể tránh được việc làm tổn thương người khác và sẽ ít phải hối tiếc hơn về sau.

Trong lời nói, chúng ta phải suy nghĩ thật cẩn trọng; trong hành động, chúng ta phải suy xét đến các hậu quả. Đây là điều quan trọng nhất cần phải nhớ trong mọi sự tương tác của chúng ta.

Nếu bạn muốn có khả năng xử lý mọi kiểu quan hệ khác nhau trong xã hội phức hợp và đa dạng ngày nay, thì điều quan trọng hơn hết là phải biết hòa nhã.

Vậy Khổng Tử nói thế nào về sự hòa nhã?

Khổng Tử rất xem trọng Lễ trong đời sống hàng ngày. Ngài tôn trọng sự hòa nhã và quan sát chăm chú các buổi lễ, nhưng không bao giờ chỉ để xem mà như là một cách tự-tu dưỡng. Khi những người có quan chức, những người mặc tang phục và những người mù đi ngang qua, Ngài luôn đứng dậy, cho dù người ấy trẻ hơn mình và cúi chào họ theo tôn ti trật tự xã hội. Nếu phải đi qua mặt những người ấy, Ngài sẽ bước nhanh, từng bước nhỏ, để tỏ lòng tôn kính.

Đó là sự hòa nhã.

Trong mọi tình huống, Không Tử đều có cách cư xử hết sức chuẩn mực. Người ta nói về Không Tử như sau: “Khi dự tiệc rượu với người trong làng, ngài chờ cho mấy người già chống gậy ra trước, rồi Ngài mới ra sau. Khi người trong làng làm lễ Na, tức lễ cúng tế chống ôn dịch, thì Không Tử vận triều phục đứng ở bậc thềm phía đông mà tiếp lễ.” (Luận Ngữ, X, 10).

Có rất nhiều tiểu tiết trong các buổi lễ. Thậm chí có lẽ chúng ta ngạc nhiên tự hỏi tại sao các nhà văn viết các sách cổ và các bản ghi chép lại bận tâm ghi chép việc một người rất thông thái như thế thực hiện những điều lặt vặt ấy. Không phải mọi người đều biết làm loại việc đó sao? Không phải điều ấy chỉ tô điểm thêm cho người hiền triết ấy sao?

Thực tế, cái được gọi là ngôn ngữ và hành động của bậc hiền nhân thực sự chỉ đơn giản như vậy, quá đơn giản đến độ thậm chí nó làm cho người ngày nay có chút hoài nghi. Những câu chuyện ấy gần gũi đến mức nó có thể thường xuất hiện trong xóm làng, hoặc trong nhà của bạn.

Nhưng chúng âm áp làm sao! Nó khiến ta có cảm giác rất gần gũi với Không Tử, dù Ngài vĩ đại nhưng vẫn rất thực và giống với chúng ta. Một lần nữa, Không Tử chỉ ra cho ta những chân lý mà Ngài đã khám phá và những sự việc mà Ngài đã trải nghiệm, để chúng ta cùng chia sẻ.

Vì thế, chúng ta có thể thấy rằng các hành động nhìn bề ngoài có vẻ như vô nghĩa lại thực sự quan trọng khi chúng xuất phát từ tâm và hồn.

Học trò của Không Tử là Tử Lộ có lần hỏi Không Tử làm thế nào để một người có thể trở thành bậc quân tử. Không Tử nói với Tử Lộ rằng: “Nên lấy lòng kính trọng mà sửa mình”. Tức là tự sửa mình bằng một thái độ tôn trọng, nghiêm túc. Tử Lộ hỏi lại: “Bằng cách tự sửa mình thì có thể trở thành một người quân tử, chỉ có thể thôi sao?”.

Không Tử thêm rằng: “Người quân tử tự sửa mình, nhờ đó mọi người được an trị”. Trước hết hãy rèn luyện mình tốt hơn, rồi sau đó có thể nghĩ đến những cách thức làm người khác hạnh phúc.

Tử Lộ không thỏa mãn với câu trả lời này, nên hỏi tiếp: “Chỉ có vậy thôi sao?”.

Không Tử trả lời: “Người quân tử tự sửa mình, nhờ đó mà trăm họ được yên trị. Sửa mình để yên trị trăm họ, việc ấy chẳng dễ đâu, dầu cho bậc Thánh Vương như vua Nghiêu, vua Thuấn còn làm chẳng hết được!” (Luận Ngữ, XIV, 45). Thậm chí người quân tử và các bậc hiền nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn còn thấy khó thực hiện và không thể làm hết được. Nếu bạn có thể làm được điều ấy, bạn chắc chắn sẽ trở thành một người quân tử!

“Luận Ngữ” viết rất nhiều về những câu chuyện nhỏ, tuy đơn giản nhưng đầy ý nghĩa có thể xảy đến cho bất kỳ ai trong chúng ta. Hầu như hiếm khi chúng ta bắt gặp những đoạn viết dài dòng nào về việc thực hành lễ một cách viên vông. Trước đây, chúng ta thường nghĩ những tư tưởng của Không Tử rất

khó nắm bắt và thực hiện, nhưng kỳ thực chúng rất gần gũi trong cuộc sống của mỗi người.

Điều mà Khổng Tử khuyên ta phải tập trung trước hết không phải là làm thế nào mang đến cho thế giới sự ổn định, mà là làm thế nào trở thành phiên bản tốt nhất có thể có của chính bản thân chúng ta. “Tu thân” - sự tự tu dưỡng tính cách đạo đức của một người - là bước đầu tiên đi đến việc chịu trách nhiệm cho đất nước và cho xã hội, tức trách nhiệm “trị quốc, bình thiên hạ”. Khổng Tử và các học trò của ông đã luôn đấu tranh gian khổ để trở thành “phiên bản tốt nhất” của chính họ, nhưng mục tiêu mà họ hướng đến khi thực hiện điều này là để làm tốt hơn trách nhiệm của mỗi người đối với xã hội mà họ đang sống.

Khổng Tử nói rằng: “Người đời xưa vì mình mà học đạo, người đời nay vì người mà học đạo.” (Luận Ngữ, XIV, 25). Người xưa học để hoàn thiện bản thân, biến mình thành những con người tốt đẹp hơn; còn ngày nay, chúng ta học để chứng tỏ mình, và để lấy lòng người khác.

Người nào thật sự tôn trọng tri thức thì mới học để hoàn thiện tinh thần của mình. Học từ sách vở, học từ xã hội, học từ khi sinh ra cho đến khi già. Từ tất cả những điều ấy, bạn sẽ học được khả năng nắm giữ hạnh phúc.

Trước tiên, hãy trở thành một công dân trung nghĩa, có giáo dục và có hiểu biết, rồi sau khi đã trang bị tất cả những điều ấy, hãy đi tìm vị trí của mình trong xã hội và vai trò của mình trong cuộc sống. Mục tiêu của việc học là hoàn tất tiến trình tìm kiếm vị trí của mình và hoàn thiện chính mình.

Vậy, thế nào là “vì người mà học đạo”?

Đó là việc xem kiến thức nhận được như một công cụ, một kỹ năng đơn thuần để làm hài lòng người khác, giúp mình kiếm được một công việc, hoặc lợi ích thuần túy cá nhân nào đó.

Khổng Tử không nói rằng bạn phải trở nên giống như bất kỳ ai để là một bậc quân tử. Theo Ngài, là một bậc quân tử có nghĩa là trở thành phiên bản tốt nhất có thể của chính bạn, dựa trên vị trí bạn đang có lúc này, bắt đầu với những sự việc quanh bạn và bắt đầu ngay ngày hôm nay, sao cho tinh thần của bạn có thể đạt được một trạng thái cân bằng hoàn hảo nhất. Vì chỉ khi nào bạn có được một tinh thần và một tâm hồn thật sự điềm tĩnh, kiên định và gắn kết với cuộc sống thì bạn mới có thể không bị chao đảo trước những thăng trầm, thành công hay thất bại trong đời.

Điều này nhắc tôi nhớ đến một câu chuyện nhỏ:

Có ba người thợ may, mỗi người mở một cửa hiệu trên cùng một con đường. Mỗi người đều muốn thu hút nhiều khách hàng cho mình.

Người thợ may thứ nhất treo lên một tấm bảng hiệu lớn, trên đó viết: “Tôi là người thợ may giỏi nhất tỉnh”.

Khi người thợ may thứ hai nhìn thấy tấm biển, ông muốn chơi trội hơn nên làm một bảng hiệu lớn hơn,

với dòng chữ

“Tôi là người thợ may giỏi nhất nước”.

Người thợ may thứ ba nghĩ: Mình có nên nói rằng mình là thợ may giỏi nhất thế giới không nhỉ? Ông suy xét vấn đề này trong một thời gian rất dài, sau đó ông chỉ đưa ra một bảng hiệu rất nhỏ. Nhưng tấm biển nhỏ ấy đã thu hút tất cả khách hàng trên con đường ấy đến cửa hiệu của ông, làm cho hai cửa hiệu kia vắng teo.

Tấm bảng hiệu của người thợ may thứ ba đã viết gì? Trên đó chỉ viết: “Tôi là người thợ may giỏi nhất trên con đường này”.

Ông đã nhìn lại những điều đang ở trước mặt ông, bắt đầu từ cái thực tế và gần gũi nhất. Và đó là lý do tại sao ông được khách hàng chấp nhận.

Làm việc của chính mình thật tốt và làm một người tử tế, đầy thiện chí là điều kiện tiên quyết cho một bậc quân tử. Nhưng nếu chỉ là một người tử tế, thiện chí thì liệu có

đủ để biến bạn thành một bậc quân tử chưa? Không hẳn.

Làm một người tốt, với tâm hồn và tinh thần ở trạng thái cân bằng hoàn hảo, là một điều kiện cần để trở thành một bậc quân tử. Nhưng chỉ có điều ấy thì chưa đủ. Theo Khổng Tử, bậc quân tử không những là người tốt, mà họ còn phải là người cao cả và đáng kính phục, luôn trăn trở việc thiên hạ, đồng thời phải có nghị lực và năng lực thật sự.

Cổ sử Trung Quốc ghi lại rất nhiều tấm gương quân tử như thế: các học giả và trí thức nổi tiếng tuy phải sống trong những hoàn cảnh cực kỳ khắc nghiệt và nghèo khổ nhưng vẫn luôn nghĩ tới đời sống của người dân.

Vào lúc ngôi nhà tranh vách lá chỉ vừa đủ để nương thân của Đỗ Phủ ^[13] bị gió thu thổi tóc mái, nhà thơ và là bậc hiền nhân này đã viết: “Ước gì có hàng nghìn vạn gian nhà rộng để che cho tất cả người nghèo trong thiên hạ, khiến mặt ai cũng được tươi vui”. Ngày nay đọc lại những lời ông nói, chúng ta cảm thấy rằng điều này đối với Đỗ Phủ không phải là một lời khoa trương sáo rỗng. Thay vào đó, chúng ta cảm kích và khâm phục tấm lòng nhân đạo của ông.

Một ví dụ nữa là nhà thơ Phạm Trọng Yêm đã tin rằng dù một người quân tử “ở miếu đường trên cao” hay “ở sông nước ngoài xa”, thì người ấy tất cũng cảm thấy lo lắng cho các bậc cai trị đất nước và cho thường dân trong thiên hạ, và vì thế “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ vậy!” ^[14].

Ta có thể thấy rõ ảnh hưởng của Khổng Tử trong ngôn từ của nhà thơ ấy.

Đến đây, có lẽ bạn bắt đầu băn khoăn không biết liệu ý tưởng của Khổng Tử cho rằng “đất nước là trách nhiệm của tôi” phải hoàn toàn có nghĩa là cá nhân hy sinh các lợi ích của mình chẳng?

Thực tế, Khổng Tử không ủng hộ một sự hy sinh như thế. Trái lại, lý thuyết có tính thực tế và sâu sắc của ông về các mối quan hệ con người gợi ý rằng thái độ dốc lòng cho xã hội chính là sự bảo vệ lớn nhất có thể cho các quyền và lợi ích của tất cả mọi người.

Khổng Tử nói rằng: “Đạo quân tử có ba điều mà ta chẳng làm được một: Có nhân, chẳng bao giờ lo rầu; có trí, chẳng bao giờ lầm lạc; có dũng, chẳng bao giờ sợ sệt”. Tử Công thưa rằng: “Thầy nói khiêm đó thôi.” (Luận Ngữ, XIV, 30).

Tuy nhiên, Khổng Tử tin rằng khi tìm kiếm lợi ích cá nhân, con người phải kiên định trên con đường đúng đắn, và cũng đừng bao giờ tìm kiếm các con đường tắt hay những thắng lợi nhỏ mọn.

Khổng Tử cho rằng sự khác biệt giữa bậc quân tử và kẻ tiểu nhân là việc họ chọn lấy con đường đúng đắn hay những con đường tắt.

Khổng Tử nói: “Quân tử tinh tường về việc nghĩa; tiểu nhân rành rẽ về việc lợi.” (Luận Ngữ, IV, 16). Từ “nghĩa” ở đây hàm ý về đạo đức. Nghĩa là, con đường mà người quân tử chọn là đường đi đúng đắn nhất và phù hợp nhất từ điểm khởi đầu cho đến lúc kết thúc. Trong khi đó, một kẻ tiểu nhân lại tập trung vào lợi ích cá nhân và theo đuổi lợi ích ấy, vì vậy, họ rất dễ rơi vào những con đường lầm lạc, ma quỷ.

Vậy, sự khác biệt giữa một người quân tử và một kẻ tiểu nhân bộc lộ ra như thế nào?

Khổng Tử nói: “Bậc quân tử mong cho đức hạnh của mình ngày càng cao; còn kẻ tiểu nhân thì mong cho có chỗ ăn chỗ ở cho sướng cái thân. Bậc quân tử ghi nhớ pháp luật để giữ mình, còn kẻ tiểu nhân thì ghi nhớ ân huệ để cậy nhờ.” (Luận Ngữ, IV, 11). Hay nói khác đi, một người quân tử không có mối quan tâm thường nhật và tầm thường như kẻ tiểu nhân.

Không ngày nào trôi qua mà một người quân tử không nghĩ về Lễ và sự tự tu dưỡng, trong khi một kẻ tâm địa hẹp hòi chỉ tính toán đến những điều trước mắt của riêng mình - tức nhà của họ hoặc những nhu cầu và những ham muốn cá nhân của họ. Người quân tử luôn sống bằng các quy tắc của một bộ luật đạo đức nghiêm ngặt vốn không thể bị phá vỡ, trong khi kẻ tiểu nhân trong đầu chỉ toàn nghĩ về những ân huệ vụn vặt và làm thế nào để chiếm được ưu thế.

Người nào ngày ngày bận tâm đến những chuyện riêng của gia đình họ, như làm thế nào có thể mua được một ngôi nhà sang trọng hoặc treo cao trên nấc thang sự nghiệp, người mà lòng chỉ toàn những mưu đồ nhỏ nhen để phụng sự cho lối sống của gia đình mình, thì đó là loại tiểu nhân mà Khổng Tử đang nói đến. Dĩ nhiên không có gì sai khi làm những việc ấy, nhưng nếu người ta để tâm hồn mình trở nên tù túng khi sục sạo tìm kiếm những lợi ích cá nhân vụn vặt; nếu họ vứt bỏ những sự kiềm chế của Lễ hay của Luật để bảo vệ hoặc mở rộng những lợi ích nhỏ nhoi ấy, thì điều đó có thể rất nguy hiểm.

Người quân tử luôn tôn trọng Lễ và Luật. Nó cũng giống như bất kỳ ai trong chúng ta khi đứng đợi đèn xanh và đi bộ qua đường tại vạch dành cho người đi bộ: chấp hành điều ấy có vẻ như ta bị quản thúc, nhưng những quản thúc nhỏ ấy đảm bảo an toàn cho ta, thực sự cho thấy sự tôn trọng lẫn nhau giữa mọi người và làm tăng giá trị của xã hội.

Những kẻ tiểu nhân, những người ham muốn lợi ích trước mắt, những người luôn tìm kiếm sơ hở để giành lấy những lợi ích nhỏ bé và riêng tư, có thể sẽ nhận được cái mà họ muốn một hai lần, nhưng có một mối nguy cơ tiềm ẩn là không sớm thì muộn họ rất dễ đi đến chỗ làm những việc xấu xa hơn, tạo ra những tác hại lớn. Hãy quay trở lại ví dụ về việc băng qua đường lúc nãy: ngay khi một kẻ tiểu nhân thấy đèn giao thông chuẩn bị đổi, không cần đợi tín hiệu dành cho người đi bộ, họ chạy qua luôn, có thể họ vẫn sẽ vượt qua được vài lần, nhưng không sớm thì muộn cũng gây ra tai nạn.

Những kẻ tiểu nhân không bao giờ xem xét sự việc theo cách đúng đắn mà luôn háo hức chớp lấy những điều lợi nhỏ.

Trong xã hội ngày nay, chúng ta có thể làm gì để trở thành một bậc quân tử? Chúng ta bắt đầu với ý niệm về “sự bền chí” hay còn gọi là sự kiên trì. Khi còn trẻ, chúng ta đều sống quá lý tưởng, đầy ước vọng và khát khao đạt được cái gì đó hữu dụng cho mọi người. Nhưng thường thì ta lại không cố gắng theo đuổi và thực hiện được những ước vọng ấy. Tại sao? Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta phải đối mặt với nhiều lựa chọn phức hợp; và với mọi sự kích động và khuấy động này, chúng ta rất khó đưa ra các quyết định khi lưỡng lự giữa vô vàn các lựa chọn. Chúng ta cảm thấy không thể lựa chọn được phải đi theo con đường nào để đạt được các ước vọng của ta. Và điều này cho thấy ta thiếu “sự bền chí”.

Nếu chúng ta thật sự bền chí và học cách nhìn thật rộng, cho dù chúng ta không đạt đến trạng thái cao quý của những người mà Khổng Tử đã mô tả như “không có một chỗ ở nhất định nhưng có một trái tim kiên định” - biết quan tâm nhiều đến thế giới nội tâm hơn cuộc sống bên ngoài, thì chúng ta vẫn đang đi đúng đường để trở thành một bậc quân tử.

Có một tiêu chuẩn thứ hai cho người quân tử, đó là: “Quân tử nghiêm chính mà không tranh với ai, hợp quần với mọi người mà không bè đảng”.

Nói khác đi, một bậc quân tử là phải sống hòa thuận với mọi người, giữ phẩm giá và không bao giờ tranh giành với những người quanh mình. Một người quân tử hãn cũng sẽ không bao giờ kết bè kết đảng hoặc lập mưu vì lợi ích cá nhân.

Đây là điều mà Khổng Tử ngụ ý khi ông nói rằng: “Quân tử hòa với mọi người mà không về hòa với ai, tiểu nhân về hòa với mọi người mà không hòa với ai”.

Trong bất kỳ tập thể lớn nào, những xác tín cá nhân của mọi người sẽ không bao giờ chính xác như nhau, nhưng một bậc quân tử chân chính sẽ biết lắng nghe từng quan điểm riêng và tôn trọng cũng như thấu hiểu lý lẽ của mọi người trong khi vẫn bám chắc vào lý lẽ của riêng họ. Điều này duy trì cả sự

thống nhất lẫn sự hài hòa, trong khi vẫn đảm bảo rằng tiếng nói của tất cả mọi người đều được lắng nghe. Ngày nay, dù ở bất kỳ quốc gia nào, chúng ta cũng luôn muốn xây dựng một Xã hội Hài hòa, điều này có nghĩa là lắng nghe các tiếng nói khác nhau của tất cả mọi người và hòa quyện chúng thành một tiếng nói có tính tập thể to lớn hơn.

Những kẻ tiểu nhân thì hoàn toàn đối lập lại, họ “về hòa với mọi người mà không hòa với ai”.

Chẳng hạn, chúng ta vẫn gặp phải các tình huống nơi làm việc, ở trường học hoặc trong các mối quan hệ xã hội mà ở đó những kẻ tiểu nhân luôn tìm cơ hội nịnh bợ người khác để lấy lợi. Như một nhân viên khi nghe ông chủ nói chưa hết câu đã nhảy dựng lên và nói lời nịnh bợ: “Vâng, vâng, ông nói đúng quá đi mất!”, hay ba hoa: “Đúng quá đi mất! Ý tưởng ấy mới xuất chúng làm sao!”. Nhưng ngay khi buổi họp kết thúc, họ quay sang người khác và nói: “Lần này gã lại muốn gì nữa đây? Tôi hoàn toàn không đồng ý với hắn”.

Khổng Tử nói rằng: “Quân tử hòa nhi bất đồng; tiểu nhân đồng nhi bất hòa.” [Quân tử hòa với mọi người mà không về hòa với ai, tiểu nhân về hòa với mọi người mà không hòa với ai.] (Luận Ngữ, XIII, 23).

Khổng Tử đưa ra một mô tả nữa về những cách thức mà trong đó người quân tử và kẻ tiểu nhân cư xử rất khác nhau: “Quân tử hợp quần được với mọi người mà không kết bè đảng. Tiểu nhân kết bè đảng, mà không hợp quần được với mọi người.” (Luận Ngữ, II, 14).

Bậc quân tử “hợp quần được” với những người khác, giống như họ, có tiêu chuẩn cao về Lễ và sự công chính trong cách ứng xử hàng ngày, vì thế họ được nhiều người yêu mến, ủng hộ. Bất kể người quân tử chân chính có bao nhiêu bạn, họ luôn giống như ôxy trong không khí mà chúng ta thở, làm cho những người bạn của họ cảm thấy hạnh phúc và được quan tâm. Ký tự tiếng Trung Quốc, chữ “Tỉ”, tức “kết bè đảng”, trông giống như hai người đang đứng sát vào nhau. Điều này có nghĩa là những kẻ tiểu nhân thích tụ tập lại với nhau trong những phường, hội của riêng họ mà không thích bị hút vào các tập thể lớn.

Ví dụ, tại một bữa tiệc, một người quân tử sẽ cảm thấy hoàn toàn thoải mái với mọi người ở đó, dù là bạn bè cũ hay những người xa lạ; nhưng những kẻ tiểu nhân sẽ lẩn vào một góc rồi thầm thì to nhỏ với nhau.

Tại sao lại có sự khác nhau này? Một lần nữa, đó là vì người quân tử và kẻ tiểu nhân không sống trong cùng trạng thái đạo đức. Khổng Tử nói rằng: “Bậc quân tử bao giờ trong bụng cũng坦然 nhiên lòng rộng rãi, tiểu nhân bao giờ trong bụng cũng âu lo ngay ngáy.” (Luận Ngữ, VII, 36). Sở dĩ ta thường thấy kẻ tiểu nhân mưu đồ cùng với những người khác là vì họ có lương tâm không thư thái, và muốn bày mưu để kiếm lợi riêng cho mình cũng như bảo vệ những gì mà họ đã có. Đây đúng là ý nghĩa của từ “bè lũ”. Trái lại, tinh thần của bậc quân tử thì thư thái và điềm tĩnh; vì họ sống trong trạng thái坦然 nhiên không vị kỷ, họ luôn giữ được trạng thái nội tâm bình yên, hòa hợp với mọi người một cách chân thành, thân ái.

Quan niệm phương Đông xem sự hài hòa như một biểu hiện của cái Đẹp. Nhưng đâu là sự hài hòa đích thực? Khổng Tử lặp đi lặp lại nhiều lần để chỉ ra cho chúng ta rằng, hài hòa chính là sự khoan dung đối với người khác. Đó là sự hợp nhất và hòa trộn, mà hoàn toàn vẫn giữ được những tiếng nói và những quan điểm khác nhau. Đây cũng là đạo của bậc quân tử trong xã hội.

Bởi vì có quá nhiều sự khác nhau giữa một người quân tử và một kẻ tiểu nhân, lối cư xử cần có của bạn đối với hai đối tượng này cũng sẽ rất khác nhau.

Khổng Tử nói rằng: “Quân tử dễ thờ mà khó làm đẹp lòng, vì không lấy đạo làm cho đẹp lòng thì không đẹp lòng, có dùng người thì tùy tài mà dùng. Tiểu nhân khó thờ nhưng dễ làm cho đẹp lòng, vì không lấy đạo làm cho đẹp lòng thì cũng đẹp lòng, có dùng người thì lại cần người hoàn bị mới dùng.” (Luận Ngữ, XIII, 25).

Khổng Tử giải thích những điểm khác nhau ấy bằng cách đặt người quân tử và kẻ tiểu nhân kề nhau để so sánh.

Rất dễ để hòa hợp với một người quân tử, nhưng bạn sẽ cảm thấy rất khó để lấy lòng người ấy. Nếu bạn muốn làm vui lòng họ bằng cách sử dụng thủ đoạn gian dối, thì bạn chắc chắn sẽ thất bại. Họ là những người công chính và sẽ không thỏa hiệp với bạn chỉ để đổi lấy vài ân huệ nhỏ. Nhưng nếu họ chọn bạn để giao việc, họ sẽ sắp đặt một vị trí phù hợp với bạn, dựa trên tài năng và năng lực của bạn. Đây chính là điều được nhắc đến trong câu “tùy tài mà dùng”.

Đặc điểm dễ nhận ra kẻ tiểu nhân là họ rất dễ nịnh, nhưng lại rất khó để hợp tác một cách ngay thẳng. Ví dụ, nếu bạn mua chuộc họ bằng một vài điều nhỏ nhặt, giúp họ theo một cách thức nào đấy, hay chỉ là cho họ ăn uống, thì họ cũng cảm thấy thỏa lòng. Thậm chí nếu phương cách bạn làm vui lòng họ không hoàn toàn đạo đức, hoặc ngay cả là vô liêm sỉ, họ vẫn không phản đối. Nhưng loại người này rất khó hợp tác. Đừng bao giờ nghĩ rằng họ sẽ thật lòng giúp bạn. Thậm chí nếu bạn hết sức nỗ lực và bỏ ra rất nhiều tiền để đút lót họ, thì ngay lúc họ thực sự muốn dùng người, họ sẽ không sắp xếp cho bạn một công việc phù hợp theo tài năng và năng lực của bạn, mà sẽ đòi hỏi sự hoàn hảo và than phiền rằng bạn không đủ tiêu chuẩn ở chỗ này, không đủ phù hợp ở chỗ kia, bỏ mặc mọi nỗ lực của bạn. Họ sẽ tìm cách làm khó bạn và xếp bạn vào những vị trí hết sức bất lợi. Làm việc với những người như vậy là rất khó.

Có người hỏi Tử Lộ: “Khổng Phu Tử là người thế nào?”. Tử Lộ chẳng đáp. Biết chuyện, Khổng Tử nói với Tử Lộ: “Sao người không đáp như vậy: Ấy là người khi suy ngẫm đạo lý thì vui sướng đến quên các nỗi lo buồn; mãi chuyên tâm về Đạo đến chẳng hay cái già nó sắp đến.” (Luận Ngữ, VII, 18).

Đây thực sự là một bức chân dung về Khổng Tử, và còn là hình mẫu về tính cách đạo đức mà mọi bậc trí giả đều mong muốn đạt được.

Khi được lưu truyền, mục đích học thuyết của Khổng Tử là để nuôi dưỡng và giáo dục một tầng lớp ưu tú gồm các quan lại-học giả vốn có nhiệm vụ chính yếu là phục vụ đất nước và phát triển nền văn hóa Khổng học.

Trong bài “Nhạc Dương Lô ký”, Phạm Trọng Yêm mô tả vai trò của đội ngũ này là: “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”. Đối với ông, nó có nghĩa là mỗi người quên hết những thành công và thất bại cá nhân mà hòa mình vào trong những lợi ích tập thể to lớn.

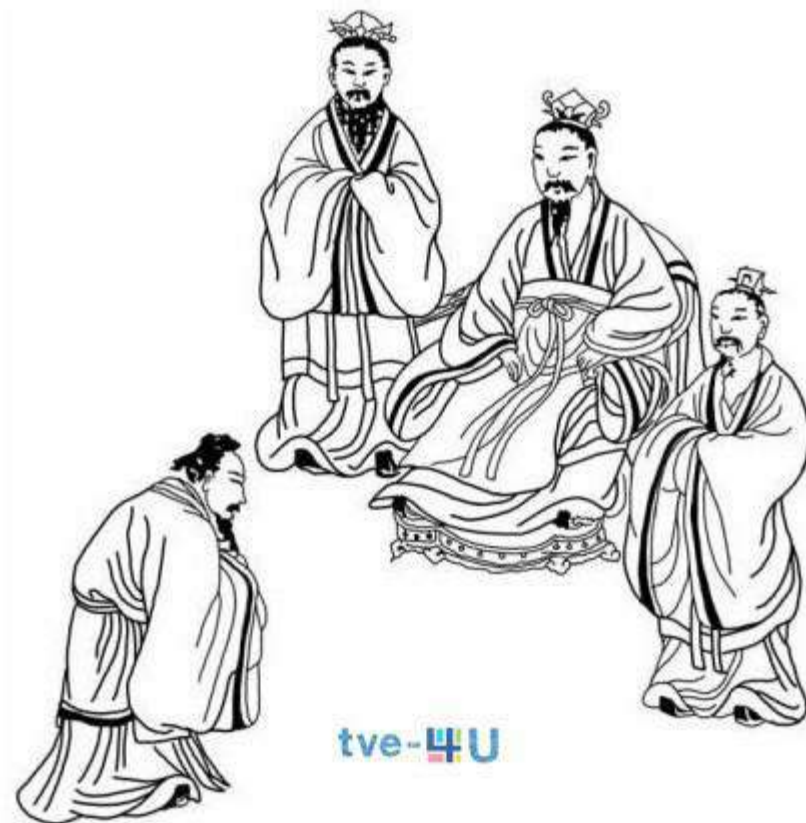
Nhưng một lần nữa, chúng ta thấy rằng sự xác tín và cảm quan sâu sắc này về trách nhiệm đối với xã hội được đặt trên nền tảng từ những sự việc đơn giản, mộc mạc, bắt đầu ngay trong hoàn cảnh và thời điểm thực tế của hiện tại. Xuất phát điểm nằm ở sự tu dưỡng của chính bản thân mỗi người, để họ trở thành phiên bản tốt nhất có thể của chính con người họ.

Vì vậy, khi chúng ta nghe người ta than phiền rằng xã hội bất công và khó mà cư xử được với thế giới quanh ta, thì thay vì than van về số phận của mình hoặc trách cứ người khác như thế, tốt hơn hết chúng ta hãy nhìn nhận và đánh giá lại chính mình. Nếu chúng ta hiểu đầy đủ những giới hạn của bản thân, biết thận trọng trong lời nói cũng như hành động, biết hòa nhã với thế giới, biết phát triển cả tinh thần và thể chất của ta, chúng ta sẽ bớt gây khó khăn cho mình, từ đó chúng ta sẽ biết cách trở thành một người tốt, biết cách cư xử tốt với cuộc đời.

Tôi không nghĩ tham vọng đạo đức này chỉ đơn thuần là những giá trị chỉ tồn tại trong quá khứ. Nó là đạo nhân sinh mà mỗi người chúng ta đều có thể thực hành cả trong thế kỷ 21, và chúng ta có thể bắt đầu ngay từ hôm nay. Theo cách này, hạnh phúc mà Khổng Tử và các học trò của ông đã theo đuổi là một suối nguồn cho hạnh phúc của chúng ta ngày nay. Đây có lẽ là bài học lớn nhất mà Khổng Tử có thể trao cho chúng ta.

Nếu chúng ta có thái độ lạc quan và tích cực, có sự hiểu biết đúng về những ranh giới và những giới hạn của việc đối xử với người khác, chúng ta có thể trở thành dạng người mang lại hạnh phúc cho mọi người. Khi ấy, hạnh phúc riêng của chúng ta sẽ trở thành một nguồn năng lượng chiếu sáng lên những người chung quanh, đem lại cuộc sống tràn ngập niềm vui, tiếng cười hạnh phúc cho gia đình, bạn bè, thậm chí cho toàn xã hội. Nhưng, với tư cách một quân tử, trước hết chúng ta hãy bắt đầu từ bạn bè.

Phần IV: ĐẠO BẰNG HỮU



Trong tất cả các mối quan hệ mà ta có, bạn bè chính là những người trực tiếp nhất cho thấy ta là loại người gì.

Nếu bạn muốn hiểu ai đó thì chỉ cần nhìn vào bạn bè của họ, bạn sẽ biết các giá trị và ưu tiên của họ.

Bạn bè cũng được phân chia thành hai loại: tốt và xấu. Bạn tốt có thể giúp bạn rất nhiều, còn bạn xấu sẽ mang đến cho bạn vô vàn rắc rối, thậm chí có thể dẫn bạn vào con đường sai trái. Do đó, việc lựa chọn bạn bè của mình một cách khôn ngoan là điều cực kỳ quan trọng.

Vậy, loại bạn nào là bạn tốt, loại bạn nào là bạn xấu? Làm thế nào để tìm được những người bạn tốt?

Khổng Tử cho rằng tác động của bạn bè lên sự phát triển của một con người là cực kỳ quan trọng. Ngài dạy các học trò của mình chỉ nên giao du với những người bạn tốt và tránh xa những người bạn xấu.

Theo Khổng Tử, có ba loại bạn có thể giúp đỡ chúng ta.

Loại đầu tiên là những người bạn ngay thẳng. Ngay thẳng ở đây có nghĩa là chính trực, thiện lương và công bình.

Một người bạn ngay thẳng thì luôn chân thành và hào hiệp, họ hiểu rõ giá trị bản thân và không bao giờ có tính nịnh nọt. Tính cách của họ có ảnh hưởng tốt đến bạn. Họ sẽ mang đến cho bạn lòng can đảm khi bạn nhút nhát, sự quả quyết và kiên cường khi bạn do dự.

Loại thứ hai là những người bạn trung thành và đáng tin.

Loại bạn này thì chân thành và tử tế trong cách cư xử với người khác, họ không bao giờ giả dối. Kết giao với loại bạn này chúng ta luôn cảm thấy dễ chịu, yên tâm và an toàn. Họ thanh lọc và nâng cao tinh thần chúng ta.

Loại thứ ba là những người bạn có kiến thức. Loại bạn này rất am hiểu cuộc đời và có nhiều trải nghiệm về thế giới.

Thời Khổng Tử sống là thời Tiên - Tần (trước năm 221 Tr.CN) rất khác với thời đại ngày nay. Chúng ta ngày nay được tiếp cận mọi thứ: máy vi tính, Internet, các nguồn thông tin đa dạng và mọi loại truyền thông. Còn trong thời đại của Khổng Tử, người ta sẽ làm gì khi muốn mở rộng tầm nhìn của mình? Cách dễ dàng nhất là tìm một người bạn có tri thức, tiếp thu những cuốn sách mà người ấy đã đọc và biến kinh nghiệm của họ thành kinh nghiệm trực tiếp của riêng mình.

Khổng Tử nói rằng: “Có ba loại bạn có ích và có ba loại bạn có hại. Bạn ngay thẳng, bạn tín nghĩa, bạn nghe nhiều học rộng: Đó là ba loại bạn có ích cho mình.

Bạn giả dối, bạn khéo chiều chuộng, bạn hay xảo mị: Đó là ba loại bạn có hại cho mình.” (Luận Ngữ, XVI, 4).

Khi bạn cảm thấy dao động trước một vấn đề, không thể đi đến một quyết định chắc chắn, cách tốt nhất là bạn nên tìm một người bạn có kiến thức. Kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng của người ấy sẽ giúp bạn có được lựa chọn đúng đắn và phù hợp cho mình.

Một người bạn có kiến thức cũng giống như một cuốn bách khoa thư; chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều mình cần và học được nhiều bài học hữu ích từ họ.

Khổng Tử nói rằng có ba loại bạn xấu, “Bạn giả dối, bạn khéo chiều chuộng, bạn hay xảo mị”.

Qua câu “khéo chiều chuộng”, Khổng Tử muốn nói đến những kẻ nịnh hót và a dua - tức những kẻ bợ đỡ vô liêm sỉ.

Chúng ta thường gặp phải loại người này trong cuộc sống. Bất kể bạn nói gì, họ sẽ luôn tán dương: “Thông minh quá!”; bất kể bạn làm gì, họ sẽ luôn ca ngợi: “Thật đáng ngạc nhiên!”. Họ sẽ không bao giờ nói “không” với bạn. Trái lại, họ sẽ đi theo và a dua với bạn, tán dương và đưa ra những lời ca tụng bạn.

Loại bạn này có năng khiếu đong đo lời nói cũng như chú ý đến từng biểu lộ nhỏ nhất của bạn. Họ nương theo chiều gió để đảm bảo không bao giờ làm điều gì có thể khiến bạn phật lòng.

Họ là loại người hoàn toàn trái ngược với người bạn chân chính. Lòng dạ của họ không ngay thẳng, cũng không chân thật, họ không quan tâm đến việc đúng - sai. Mục tiêu của họ chỉ là lấy lòng bạn nhằm kiếm được cái lợi nào đấy.

Hầu hết chúng ta có thể đã biết về vị tham quan Hòa Thân qua một loạt phim truyền hình Trung Quốc. Tên tham quan này xu nịnh Hoàng đế Càn Long bằng mọi cách có thể. Hắn là loại người nịnh hót tồi tệ nhất và hầu như không có gì mà hắn không khom mình. Hắn là một điển hình của loại bạn xấu.

Một người bạn như vậy sẽ khiến bạn cảm thấy dễ chịu và vui sướng một cách bất thường, giống như Hoàng đế Càn Long trong loạt phim truyền hình kia: Vị vua biết rất rõ rằng Hòa Thân đang ăn của đút lót và làm sai phép tắc, nhưng dù vậy Ngài vẫn không thể chịu được cảnh thiếu Hòa Thân. Như Không Tử nói, làm bạn với loại người ấy là cực kỳ nguy hiểm!

Tại sao?

Là vì sau khi bạn được nghe tất cả những gì muốn nghe, được phỉnh nịnh đến độ thỏa mãn; những điều ve vuốt ấy bắt đầu đi vào trong đầu óc bạn như một thói quen, cái tôi của bạn sẽ mất kiểm soát và bạn sẽ trở nên tự cao tự đại một cách mù quáng, chẳng biết đến ai ngoài chính mình. Bạn sẽ đánh mất năng lực cơ bản nhất là tự biết mình, và không lâu sau đó, bạn sẽ tự chuốc lấy tai ương từ sự mù quáng này.

Loại bạn “khéo chiều chuộng”, a dua xu nịnh là độc dược ngấm từ từ và giết chết linh hồn bạn.

Loại bạn có hại thứ hai là người mà Không Tử gọi là “giả dối” hay còn gọi là loại người hai mặt.

Họ trông rất vui vẻ và ngọt ngào trước mắt bạn, hết sức rạng rỡ khi đưa ra những lời khen ngợi và nịnh nọt. Họ chính là loại người mà Không Tử gọi là “Kẻ miệng nói lời hoa mỹ; còn mặt mày thì trau chuốt”. Nhưng sau lưng bạn, họ sẽ gieo rắc các tin đồn và những lời vu khống ác ý.

Chúng ta thường nghe người ta phàn nàn rằng: “Bạn của tôi có vẻ rất tử tế và đáng yêu, lời nói của anh ta rất hòa nhã, hành vi rất chín chắn, tôi tin anh ta là người bạn thân thiết nhất, gần gũi nhất của mình, tôi thật lòng tận tâm giúp đỡ anh ta, tôi cũng trút hết tâm tư của mình cho anh, nói cho anh biết những bí mật thầm kín nhất của mình. Nhưng anh ta lại phản bội tôi, lạm dụng lòng tin của tôi cho các mục đích cá nhân; anh ta bắt đầu đàm tiếu về tôi, lan truyền các bí mật của tôi, phá hoại thanh danh tôi. Và sau đó khi tôi đối diện anh ta, anh ta trơ tráo phủ nhận tất cả với vẻ mặt ngây thơ vô tội”.

Đó là loại người giả dối và đạo đức giả, khác hoàn toàn với người bạn trung hậu và đáng tin.

Những người như vậy thực sự đều là “kẻ tiểu nhân” nhỏ nhen, với lòng dạ đen tối.

Tuy nhiên, những người này thường đeo một cái mặt nạ là người tốt. Vì muốn che giấu động cơ của

mình, ngoài mặt họ sẽ rất thân thiện với bạn, thậm chí có thể tử tế với bạn gấp trăm lần người khác. Vì vậy, nếu bạn không cẩn thận và để những người như vậy lợi dụng, thì bạn đã tự đeo còng vào mình: bạn sẽ khó thoát khỏi họ khi chưa trả một cái giá đắt nào đó. Đây là một thử thách cho phán đoán của chúng ta, cho sự hiểu biết của chúng ta về con người cũng như các quy tắc của cuộc đời.

Loại thứ ba được Khổng Tử gọi là “bạn hay xảo mị”, chỉ những kẻ khoe khoang khoác lác. Ta thường gọi họ là “những kẻ ba hoa”.

Những người này thường có những lập luận có thể cuốn bạn theo, làm bạn không còn biết phương hướng để nhận chân sự việc. Họ muốn bạn tin những gì họ nói đều là sự thật. Nhưng thực tế, ngoài tài ăn nói liên thoắt ra, họ hoàn toàn chẳng có gì hết.

Có một sự khác biệt rõ ràng giữa loại người được mô tả ở trên với người “có kiến thức” là họ chẳng có tài năng hay kiến thức thực sự gì hết. Một người “hay xảo mị” là người có miệng lưỡi liên thoắt, nhưng bên trong lại rỗng tuếch.

Khổng Tử luôn nghi ngờ những người ăn nói huyền thuyên và giọng điệu ngọt ngào. Một người quân tử phải nói ít làm nhiều. Khổng Tử tin rằng vấn đề không phải là một người nói cái gì mà là anh ta làm được cái gì.

Dĩ nhiên, xã hội hiện đại đã có sự thay đổi trong một số thái độ và giá trị: người có tài năng và uyên thâm thật sự cũng cần biết giao tiếp hiệu quả để không gây cản trở cho nghề nghiệp và cuộc sống của họ.

Tuy nhiên, với người chỉ biết nói mà không có năng lực thực sự thì đúng là tồi tệ.

Nhưng làm thế nào để chúng ta có thể nhận diện được đâu là người tốt, đâu là kẻ xấu? Làm thế nào chúng ta có thể kết giao được với những người bạn tốt và tránh xa những người bạn xấu?

Nếu muốn kết giao bạn tốt, tránh bạn xấu, bạn cần có hai điều: một là, phải có mong muốn kết giao với bạn tốt; hai là, phải có khả năng để thực hiện việc kết bạn ấy. Chúng ta đã biết “Nhân” và “Trí” là hai phẩm chất quan trọng như thế nào, và nó chính là chìa khóa để ta kết giao với bạn tốt. Ham muốn kết bạn tốt đến từ đức Nhân và năng lực thực hiện được điều ấy đến từ đức Trí.

Khi Phàn Trì hỏi Khổng Tử rằng Khổng Tử muốn nói gì khi nói đến đức Nhân, Ngài trả lời chỉ bằng hai chữ: “thương người”.

Sau đó Phàn Trì hỏi, thế thì cái gì được gọi là Trí. Khổng Tử trả lời, lần này cũng chỉ bằng hai chữ: “biết người”. Biết người là có Trí.

Như vậy là, nếu chúng ta muốn kết giao bạn tốt, trước hết ta phải có một trái tim nhân hậu, ân cần, sẵn lòng thân thiết với con người và có khao khát muốn kết bạn; hai là, chúng ta phải có khả năng phân biệt. Chỉ bằng cách này, một người mới có thể tìm được những người bạn thực sự. Một khi bạn có tiêu

chuẩn cơ bản này, bạn sẽ kết giao được với những người bạn tốt.

Có thể nói, kết giao với một người bạn tốt là bắt đầu một chương mới đẹp đẽ trong cuộc đời của chúng ta. Bạn bè của ta giống như một tấm gương: khi nhìn vào họ, chúng ta có thể thấy khiếm khuyết của chính bản thân ta nằm ở đâu.

Tuy nhiên, có một số người thiếu suy nghĩ nên sống gần hết cả đời với bạn bè mình mà có vẻ như không bao giờ đưa ra được những so sánh ấy.

Có một ví dụ rất hay về điều này trong lịch sử Trung Quốc:

Án Tử [Án Anh], tể tướng nổi tiếng của nước Tề, là một người thấp bé, có khuôn mặt chất phác, thô kệch, không có điểm gì nổi bật. Nhưng ông có một người đánh xe ngựa trông rất cao ráo, bảnh bao.

Người đánh xe này rất lấy làm tự hào khi được đánh xe cho Tể tướng nước Tề. Hắn thấy tự hào về địa vị của mình: mỗi ngày ngồi trước xe ngựa, hắn đánh roi lên những con ngựa cao lớn, trong khi Án Tử ngồi trong buồng có mái che ở đằng sau. Hắn nghĩ rằng công việc của hắn với tư cách là một người đánh xe ngựa quả thực là một điều tuyệt vời nhất!

Một ngày, người đánh xe ngựa trở về nhà thì thấy vợ đang gói ghém đồ đạc, khóc lóc một cách chua chát. Hắn ngạc nhiên hỏi: “Mình đang làm gì đấy?”. Vợ hắn đáp: “Tôi không thể chịu được nữa, tôi sẽ bỏ anh. Tôi xấu hổ khi sống với anh”.

Người đánh xe sùng sốt: “Nhưng mình không nghĩ là tôi tuyệt vời sao?”. Người vợ bác lại: “Thế anh nghĩ thế nào là tuyệt vời? Hãy nhìn ông Án Anh xem, một người tài năng nắm quyền trên cả nước, nhưng ông ta rất khiêm tốn, ngồi trong xe ngựa mà không chút ồn ào hay tỏ mình. Anh chỉ là một tên đánh xe, mà anh lại cho rằng hào quang của riêng anh là không ai sánh được, đi đứng thì khệnh khạng, thái độ thì cao ngạo và trịch thượng! Anh đi cả ngày với một người như Án Anh, nhưng anh lại không có chút trí khôn nào để học được điều gì từ ông ấy để ngấm lại chính mình - đó chính là điều làm tôi thất vọng về anh. Sống với anh là điều hổ thẹn nhất trong đời tôi”.

Sau này, Án Anh nghe được chuyện ấy và nói với người đánh xe của mình rằng: “Vì người có một người vợ tốt như vậy, ta sẽ cho người một vị trí tốt hơn”. Và ông cất nhắc cho người đánh xe ấy.

Câu chuyện này ngụ ý rằng những người quanh ta, với lối sống và thái độ của họ trong quan hệ với thế giới xung quanh, có thể trở thành một tấm gương cho ta. Điều cốt yếu là ta phải biết cảnh giác về bản thân mình.

Những con người mà Khổng Tử tán thành để kết tình bằng hữu là những người có thể giúp ích cho ta. Tuy nhiên điều đó không bao hàm ý là người bạn ấy sẽ nâng đỡ ta vì Khổng Tử không bao giờ ủng hộ việc giao thiệp với những người giàu có hay quyền thế để mưu lợi. Thay vào đó, Ngài ủng hộ việc kết bạn với những người có thể hoàn thiện tính cách đạo đức của bạn, gia tăng sự tự tu dưỡng của bạn và làm giàu bản ngã của bạn.

Trong kinh điển Trung Quốc có một trường phái gọi là thơ điền viên. Các nhà thơ thuộc trường phái này nổi tiếng vì khao khát muốn rút lui khỏi xã hội để sống trong ẩn dật và hòa mình với thiên nhiên. Họ ngợi ca những niềm vui với tự nhiên và sống một cuộc đời dân dã, giản dị.

Vậy, chúng ta có thể tìm thấy sự cảm thông với tự nhiên ở đâu? Nó không nằm nơi núi cao rừng sâu, mà là trong đời sống thực. Người ta nói rằng: “Dễ tìm thấy sự cô liêu nơi chốn thành thị hơn là nơi hoang dã”. Chỉ một người quy ẩn chưa hoàn thiện năng lực tự tu dưỡng của mình mới ẩn lánh nơi núi cao và tự tạo cho mình một nơi tu đạo giả tạo. Một ẩn sĩ đích thực không cần rút lui khỏi thế giới trần tục, vẫn có thể sống giữa trung tâm thành phố náo nhiệt, ồn ào, làm những việc bình thường như mọi người xung quanh, nhưng chỉ khác là họ có sự điềm tĩnh và vững vàng nội tâm.

Đào Uyên Minh, một trong những ẩn sĩ không bao giờ thỏa hiệp lý tưởng của mình, là người đặt nền tảng cho trường phái thơ điền viên. Đào Uyên Minh sống trong hoàn cảnh khá túng quẫn, nhưng ông rất hạnh phúc. Cuốn Nam Phương truyện (Southern Histories) còn ghi rằng Đào Uyên Minh không có kiến thức gì về âm nhạc, nhưng ông có một cây đàn tam thập lục. Cây đàn tam thập lục này chỉ là một khúc gỗ lớn dài, nó thậm chí không có dây. Mỗi lần ông mời bạn hữu đến nhà, ông đều chơi đàn bằng cách đánh vào khúc gỗ. Ông dốc hết tâm trí vào việc chơi đàn, có khi hàng giờ liền. Và mỗi lần ông đánh đàn, những bạn hữu thực sự hiểu âm nhạc đều xúc động dâng tràn cùng nỗi niềm của ông. Đào Uyên Minh đánh lên âm nhạc tâm hồn ông trên cây đàn tam thập lục không dây, trong khi bạn hữu của ông uống rượu và trò chuyện vui vẻ. Sau cuộc vui, ông sẽ nói: “Tôi say và buồn ngủ rồi, các ngài về được rồi”. Bạn bè ra về mà không gây ồn ào, sau đó sẽ tiếp tục gặp gỡ vào những dịp khác. Những người bạn như vậy là những người bạn đích thực, vì tâm hồn bạn bè cùng chia sẻ một sự cảm thông không cần nói ra. Và cách sống ấy mới là cách sống mang lại niềm hạnh phúc đích thực.

Hãy kết giao với những người bạn biết sống hạnh phúc và vui vẻ trong cuộc đời của họ như họ đang sống lúc này.

Có lần tôi đọc được một bài viết của nhà văn nổi tiếng Lâm Thanh Huyền của Đài Loan, viết về một người bạn hỏi xin chữ ông để treo trong phòng đọc sách. Người bạn ấy đã nói với ông: “Viết cho tôi chữ gì đó thật đơn giản, nhưng hữu ích cho tôi khi tôi nhìn nó mỗi ngày”. Lâm Thanh Huyền suy nghĩ một thời gian dài, rồi ông chỉ viết bốn chữ bằng tiếng Trung Quốc. Bốn chữ ấy có nghĩa là: “Thường Nghĩ về Một và Hai”. Người bạn đọc không hiểu và hỏi ông ý nghĩa của câu ấy. Lâm Thanh Huyền giải thích: “Chúng ta đều biết câu nói: “Trong mười điều trên thế giới này, thì có đến tám, chín điều không như ý ta muốn; và số người tôi có thể giao thiệp được chỉ đếm trên đầu ngón tay”. Giả thử ta chấp nhận câu nói ấy, thì sẽ vẫn còn ít nhất một hoặc hai điều trong mười điều ấy có thể như ý ta muốn. Tôi không thể giúp bạn quá nhiều, tất cả những gì tôi có thể làm là nói với bạn rằng hãy nghĩ về “một hoặc hai” điều kia thôi, để hướng tâm trí của bạn vào những điều tốt đẹp, để khuếch đại ánh sáng của hạnh phúc, để tránh xa sâu muộn trong tâm hồn bạn. Với tư cách là một người bạn, đây là điều tốt nhất tôi có thể làm cho bạn”.

Có một câu truyện cổ phương Tây kể về một ông vua sống hết sức xa hoa trong rượu, phụ nữ, âm nhạc và những cuộc phiêu lưu... Tất cả mọi điều đẹp đẽ nhất và quý giá nhất trên thế giới đều có sẵn để ông

dùng, nhưng ông vẫn không hạnh phúc. Ông không biết được cái gì đã khiến ông không hạnh phúc nên đã cho gọi quan ngự y đến.

Vị quan ngự y khám cho ông, rồi kê ra một phương thuốc chữa bệnh: “Bệ hạ hãy cho người tìm kiếm người hạnh phúc nhất trong vương quốc của mình, mặc áo của người ấy thì nó sẽ làm bệ hạ thấy hạnh phúc”.

Nhà vua liền phái người đi tìm người hạnh phúc nhất vương quốc và cuối cùng họ cũng tìm thấy một người đàn ông thật sự hạnh phúc. Nhưng các vị quan lại trở về tay không và tâu với vua rằng họ không thể nào mang áo của người đàn ông ấy về để vua mặc được.

Nhà vua hỏi: “Tại sao thế? Các người phải mang cái áo ấy về cho ta!”.

Các quan thưa: “Người ấy là một gã cùng khổ, gã thậm chí không có nổi một cái áo”.

Điều này có ý nghĩa gì? Phải chăng nó nhắc nhở chúng ta rằng trong cuộc sống hạnh phúc đích thực chính là hạnh phúc của tâm hồn, và không nhất thiết phải phụ thuộc nhiều đến các điều kiện sống vật chất bên ngoài. Khổng Tử sống trong một thời đại rất nghèo nàn về vật chất và trong thời đại của Ngài, sức mạnh của niềm hạnh phúc đích thực chính là đến từ một cuộc sống nội tâm phong phú, từ việc cư xử đúng đạo, từ những khát vọng, những khao khát và từ sự học hỏi lẫn nhau.

Khi đã hiểu được thế nào là một người bạn tốt, chúng ta cũng cần phải biết cách sống hòa thuận với họ. Nhưng khi có một người bạn tốt, có phải là lúc nào chúng ta cũng phải sát cánh bên họ?

Bất kỳ thứ gì trên thế giới này mà thiếu sự cân xứng hoặc các giới hạn riêng thì cuối cùng cũng sẽ đi đến một kết thúc không như mong đợi. Do đó, khi cư xử với bạn bè, chúng ta phải chú ý đến các giới hạn riêng. Ví dụ, khi chúng ta kết giao với một người quân tử, chúng ta cần phải biết khi nào nên nói, khi nào không nên nói và biết chúng ta có thể tiến bao xa là hợp lý.

Khổng Tử nói: “Khi mình hầu chuyện với người quân tử, nên lưu tâm tránh ba điều lỗi này: Người chưa kịp hỏi mà mình nói, đó là hấp tấp. Người đã hỏi mà mình không nói, đó là giấu giếm. Mình nói mà không xem sắc diện người, coi người đã để ý nghe mình chưa, đó là mù lòa.” (Luận ngữ, XVI, 6).

Việc xen ngang vào và phát biểu các ý kiến của mình nhằm đạt được điều gì đó trong một cuộc nói chuyện sẽ bị xem là hấp tấp, vô ý tứ, và đó không phải là điều tốt. Tất cả chúng ta đều có những quan tâm riêng, nhưng bạn phải đợi cho đến khi thời gian chín muồi, khi chủ đề mà bạn lựa chọn đã trở thành tâm điểm của sự chú ý chung, và mọi người đều chờ đợi nghe nói về nó, và chỉ khi đó, không cần vội vã quá mức, hãy nói lên quan điểm của bạn.

Thời nay, nhiều người có các trang blog cá nhân, hoặc sử dụng các trang web mà trên đó họ háo hức thể hiện những tâm sự sâu kín nhất của mình với mọi người. Nhưng trong quá khứ, không có những phương tiện truyền thông như vậy và mọi người đều phụ thuộc vào lời nói để giao tiếp cũng như để hiểu người khác. Khi chúng ta họp mặt bạn bè, sẽ luôn có một số người nói đi nói lại về những chuyện

riêng của họ: ngày hôm trước tôi đã chơi golf, tôi vừa mới được thăng chức, v.v. Hoặc khi một số phụ nữ tụ lại với nhau, có thể sẽ có người kể lê lê thê về chuyện chồng con mình. Dĩ nhiên, đó là tất cả những gì mà cô ta thật sự rất muốn nói, nhưng có ai quan tâm đến những điều ấy? Nghĩa là, trong khi cô ta là người duy nhất nói, cô đã tước đi quyền được chọn lựa chủ đề nói chuyện của người khác. Nhảy chồm lên và giành phần nói khi chưa đúng thời điểm, đó chắc chắn là điều không tốt.

Nhưng có một thái cực khác: “Người đã hỏi mà mình không nói”. Không Tử gọi lỗi này là “giấu giếm”.

Nói khác đi, cuộc trò chuyện tự nhiên sẽ có lúc đến chỗ mà bạn phải là người đưa câu chuyện đi xa hơn, nhưng bạn lại dè dặt và từ chối nêu lên ý kiến của mình. Với thái độ đó, bạn đã bỏ mặc cảm xúc của mọi người. Vì khi chủ đề đã đi xa đến đây, tại sao bạn lại không nói gì? Liệu đó có phải là sự tự vệ? Bạn cố ý giữ mình cách biệt? Hay bạn đang cố kích thích sự tò mò của người khác? Tóm lại, việc giữ im lặng khi bạn nên nói cũng là một điều không tốt.

Tình huống thứ ba được Không Tử nêu ra là “Nói mà không xem sắc diện người, coi người đã để ý nghe mình chưa, đó là mù lòa”. Ngày nay chúng ta xem đó là một biểu hiện không quan tâm đến người khác.

“Mù lòa” trong ngữ cảnh này là một sự lên án rất nặng. Một người nói liên tục mà không để ý đến những biểu hiện của người khác là một kẻ vô học trên phương diện xã hội. Bạn phải quan tâm đến việc hiểu người mà bạn đang nói chuyện và phải cân nhắc xem nên nói gì, và điều gì tốt hơn là không nên nói. Đây là sự tôn trọng lịch thiệp cần có giữa những người bạn.

Và không chỉ với bạn bè, trong các mối quan hệ khác như giữa chồng - vợ, cha - con... chúng ta cũng cần phải khéo léo tránh những trường hợp có thể gây tổn thương đến người khác. Cuộc sống của mỗi người trưởng thành đều chứa đựng cả những thành công lẫn đau khổ riêng, một người bạn đích thực phải hiểu và không chạm vào những nỗi đau đó. Điều này cho thấy sự tinh tế của bạn thông qua khả năng đoán biết tâm trạng người khác. Dĩ nhiên, đây không phải là cách đoán ý để xu nịnh mà nó nhằm tạo ra một không khí thân thiện, hòa nhã cho bạn giao tiếp thoải mái và thăm tình bằng hữu.

Có một ví dụ nổi tiếng cho điều này.

Nữ diễn viên Vivien Leigh đạt được danh tiếng lẫy lừng với bộ phim “Cuốn theo chiều gió”, bộ phim đã giành được 10 giải Oscar sau đó. Phim này mang lại cho cô thành công ngay lập tức và đưa cô lên đỉnh cao danh vọng. Cô được mời đến thăm khắp châu Âu và ở đâu Leigh đặt chân đến luôn có hàng ngàn phóng viên háo hức đổ xô đến khi máy bay riêng của cô hạ cánh xuống đường băng.

Nhưng có một phóng viên, do kém hiểu biết đã dạt mọi người ra để tiến lên trước và vô vấp hỏi Leigh khi cô vừa mới bước xuống máy bay: “Thưa cô, cô có thể cho biết cô đã đóng vai nào trong phim đó không?”. Nghe câu hỏi, Leigh quay gót ngay vào trong máy bay và không bước ra nữa.

Liệu việc đặt một câu hỏi như thế trong tình huống ấy có khác gì sự mù lòa không?

Vậy còn khi muốn khuyên bạn thì ta phải làm sao? Thậm chí khi các ý định của bạn là tốt chẳng nữa thì bạn cũng phải có khả năng hiểu được rằng bạn có thể đi xa đến đâu.

Tử Công hỏi về tình bằng hữu. Không Tử đáp rằng: “Nếu bạn có lỗi, mình nên hết lời can gián, mà phải nói một cách khéo léo dịu ngọt. Nếu bạn không nghe, thì mình nên thôi; đừng nói dai mà mang nhục.” (Luận Ngữ, XII, 22). Tức là, bạn không nhất thiết phải trở nên giống như một liều thuốc đắng, bạn không nên bóp chát vào mặt họ và thét lớn vào tai họ. Điều tốt nhất là bạn nên nói lên ý kiến của mình một cách thuyết phục và thật nhã nhặn, tức là “nói một cách khéo léo dịu ngọt”. Nếu bạn không thể làm điều ấy và họ không muốn nghe thì nên thôi. Đừng đợi cho đến khi họ mất kiên nhẫn với bạn và bạn phải chuốc lấy sự khó xử.

Người ta kết giao với những người bạn khác nhau trong mỗi giai đoạn của cuộc đời.

Làm thế nào có được những người bạn phù hợp nhất cho chúng ta vào mỗi giai đoạn ấy?

Dù làm bất kỳ điều gì, bạn cũng không thể chỉ ra lệnh để buộc người ta làm theo. Ngày nay, thậm chí các bà mẹ cũng không thể mong đợi sự tuân lệnh như thế ở con mình. Mỗi cá nhân đều đáng được tôn trọng, và với bạn bè càng đặc biệt phải giữ sự tôn trọng lẫn nhau. Cho họ lời khuyên tốt, hoặc một lời cảnh báo đúng, bạn làm bổn phận của mình và chỉ vậy thôi; đây là điều mà những người bạn tốt phải làm.

Không Tử nói rằng bảy mươi, tám mươi năm đời người dường như là một thời gian dài, nhưng nó có thể chia ra làm ba giai đoạn khác nhau: thời trẻ, thời chín chắn và thời già. Trong mỗi giai đoạn, có ba sự việc mà chúng ta cần phải đặc biệt lưu ý, mà đôi khi chúng ta gọi là các cạm bẫy. Nếu bạn có thể vượt qua được cả ba cạm bẫy này, thì bạn sẽ không gặp phải bất kỳ trở ngại nào khác trong cuộc đời mình. Và để vượt qua ba cạm bẫy ấy, chúng ta cần có sự giúp đỡ của bạn bè.

Không Tử nói: “Trong lúc còn đầu xanh tuổi trẻ, khí huyết đương bùng bột, chưa yên định, nên phòng ngừa việc nữ sắc.” (Luận Ngữ, XVI, 7). Những người trẻ có xu hướng nghiêng về các hành vi mang tính bốc đồng, trong đó rắc rối về tình ái là dễ vướng phải nhất. Chúng ta thường thấy các học sinh phổ thông trung học và sinh viên đại học vướng vào những tình cảm rắc rối. Vào thời điểm này của cuộc đời, một người bạn tốt sẽ cư xử như một người ngoài cuộc để xem xét các sự việc khách quan và rõ ràng hơn, sau đó, họ có thể đưa ra những giải pháp cho các vấn đề nan giải mà người trong cuộc không thể tự mình giải quyết được.

Khi cạm bẫy này qua đi, chúng ta chuyển tiếp qua giai đoạn giữa. Không Tử nói rằng: “Đến lúc tráng niên, bấy giờ khí huyết đã đầy đủ, mạnh mẽ, nên phòng ngừa việc tranh đấu”.

Khi người ta bước đến tuổi trung niên, cuộc sống gia đình thường đã vững, và họ đã lập thân trong sự nghiệp của mình, vậy trong tâm trí họ lúc này điều gì là đáng quan tâm nhất? Đó chính là ham muốn thăng tiến, mở rộng sự nghiệp của mình. Tuy nhiên, những điều này đều có khả năng gây ra những mâu thuẫn và xung đột với người khác, và có thể dẫn đến chỗ đối đầu. Thay vì đấu tranh với những người

khác, tốt hơn là nên tranh đấu với chính mình và cố gắng tìm những hướng đi mới để hoàn thiện bản thân. Nếu cuối cùng, bạn mất cơ hội thắng tiến ấy, bạn nên tự hỏi mình liệu đó có phải là vì bạn không thể làm tốt hơn ở một vài phương diện nào đó hay không.

Thay vì đấu tranh với những người khác, tốt hơn là nên tranh đấu với chính mình và cố gắng tìm những hướng đi mới để hoàn thiện bản thân.

Vì thế, trong giai đoạn này, bạn phải kết bạn với những người điềm tĩnh và có đầu óc thực tế. Họ sẽ giúp bạn có được cách nhìn sâu rộng về những thắng lợi cũng như những thất bại tạm thời, vượt qua những cám dỗ của vật chất, đạt được sự thoải mái tinh thần, tìm được một chỗ nghỉ ngơi và thư giãn cho tâm hồn.

Và đến những năm tháng cuối đời, chúng ta nên phòng tránh điều gì để có cuộc sống thanh thản? Theo Khổng Tử “Kịp lúc tuổi già, khí huyết lần lần suy yếu, nên phòng ngừa việc ky cốp”.

Khi đến tuổi già, tâm trí con người có xu hướng chậm lại. Triết gia Bertrand Russell so sánh giai đoạn này với một dòng sông đang chảy nhanh, lao xuyên qua những ngọn núi rồi khi đến cuối nguồn chuẩn bị hòa vào biển cả, nó chảy chậm dần, dòng chảy rộng hơn và yên bình hơn. Tại giai đoạn này của cuộc đời, người ta phải học cách hành xử với những gì mình đang có và đã gặt hái được trong cả cuộc đời một cách thận trọng.

Khi trẻ, chúng ta sống một cuộc sống của sự thu vào nhưng đến một thời điểm nhất định nào đó, chúng ta phải học cách sống của sự loại ra.

Xã hội mang lại cho ta tình bạn, tiền tài, thành công cùng các mối quan hệ con người, và qua thời gian, bạn già đi, khi ấy bạn đã đạt được nhiều điều, giống như một ngôi nhà dần dần được chất đầy đồ đạc. Nếu tâm hồn của bạn bị cản trở bởi những gì mình đang có, thì sau cùng chúng cũng sẽ kéo bạn lại.

Những người bạn già nói gì khi họp mặt? Đa số thời gian là họ càu nhàu với nhau. Họ than phiền con cái không dành thời gian chăm sóc họ, rằng: “Tôi đã làm việc cật lực để nuôi dạy chúng, tôi đã làm đủ mọi việc cho chúng - tắm rửa, thay tã! - nhưng giờ chúng lại bận bịu, thậm chí không có thời gian ghé qua thăm tôi”. Họ cảm râm về sự bất công xã hội: “Vào thời tôi, chúng tôi say mê với lý tưởng, làm việc quên thân mà chỉ nhận được một đồng mỗi tháng, bây giờ thử nhìn cháu gái tôi xem, nó làm việc trong một công ty nước ngoài và kiếm được ngay mỗi tháng ba, bốn ngàn đồng. Liệu có công bằng đối với những người như chúng ta vốn đã làm việc tận tâm tận lực hết sức không?”.

Nếu bạn cứ bị dẫn vật và nhắc đi nhắc lại những điều như thế, thì ngay cả những điều hạnh phúc đến với bạn cũng có thể trở thành đau khổ, một gánh nặng tiềm ẩn đang kéo lê bạn xuống. Vào thời điểm này, bạn bè chính là những người bạn cần, để giúp bạn biết chấp nhận cuộc đời, học cách buông bỏ những điều không như ý và những nỗi thất vọng.

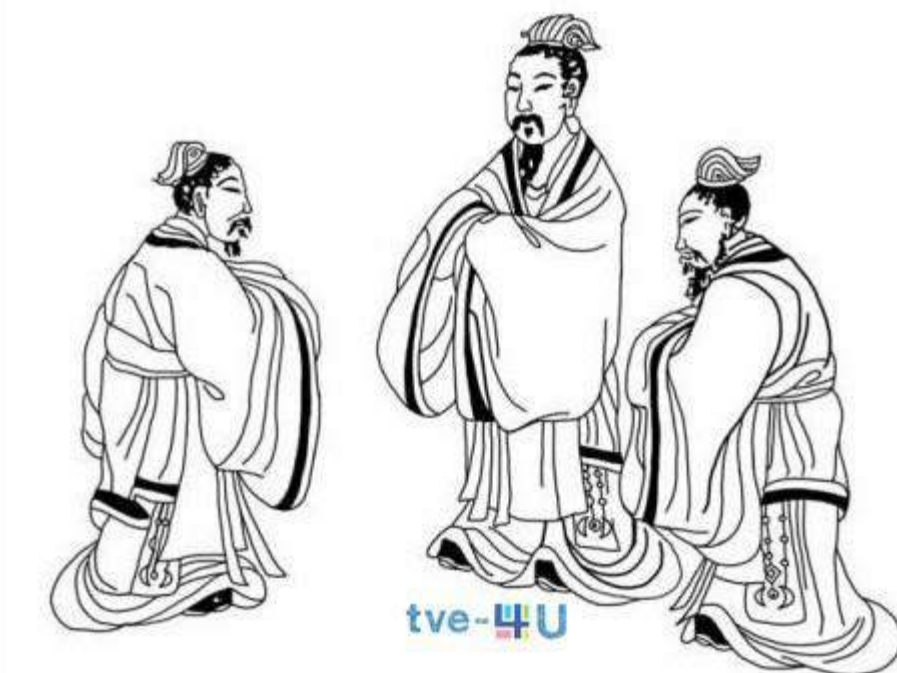
Một điều mà chúng tôi chú ý qua việc đọc Luận Ngữ là trong đó thực sự không có nhiều ví dụ chỉ đơn thuần nói về tình bằng hữu, mà việc chọn bạn bao hàm cả việc chọn lựa một cách sống. Loại bạn bè

mà chúng ta kết giao trước hết sẽ phụ thuộc vào chính tâm trí và sự tự tu dưỡng của ta; rồi sau đó là vào nhóm bạn bè riêng của ta, dù đó là bạn bè có hại hay có lợi trong cuộc sống.

Tóm lại, khi chúng ta tập trung vào chính trái tim và tâm hồn mình, và vào những người quanh ta, chúng ta phải lưu tâm đến những mục tiêu mà ta đã đặt ra trong đời.



Phần V: ĐẠO CỦA CHÍ HƯỚNG



Trở thành người tốt nhất mà chúng ta có thể; có một gia đình tốt, trở thành người có ích cho đất nước mình, mang lại hòa bình cho thế giới: Đây là những việc mà tất cả chúng ta đều nên theo đuổi.

Khi Khổng Tử bàn về Chí với các học trò của mình, Ngài không có ý nói rằng Chí càng cao thì càng tốt. Mà điều Ngài thực sự muốn nói là bạn phải kiên định trong mục đích và giữ thái độ kiên trì đối với sự xác tín nội tâm của mình.

Dù các mục tiêu của bạn vĩ đại hay nhỏ bé thì cơ sở để hiện thực hóa chúng vẫn nằm ở việc tìm ra những điều gần gũi nhất với tâm hồn bạn. Việc để tâm hồn bạn dẫn đường quan trọng hơn việc theo đuổi những thành tích bên ngoài.

Ngày nay, chúng ta hiểu như thế nào về Chí? Liệu có xung đột nào giữa các thái độ của Khổng Tử với các mục đích hiện đại của chúng ta không?

Khổng Tử nói rằng: “Một vị nguyên soái thống lĩnh ba quân, người ta còn bắt được; chứ cái chí khí của một kẻ tầm thường thì chẳng ai đoạt nổi.” (Luận Ngữ, IX, 24). Câu nói này cho chúng ta biết mục đích của một cá nhân có tầm quan trọng vô cùng, vì chúng xác định sự phát triển và hướng đi của toàn bộ cuộc đời họ.

Vì vậy, khi Khổng Tử dạy học, Ngài thường bắt các học trò nói về chí hướng của họ. Trong cuốn Luận Ngữ có một vài đoạn tương đối dài thuật lại cuộc chuyện trò giữa Khổng Tử và các học trò về chủ đề

này.

Một hôm, chung quanh Khổng Tử là bốn học trò Tử Lộ, Tăng Điểm, Nhiễm Cầu, Công Tây Hoa. Khổng Tử nói với họ hết sức thân tình rằng: “Tuy ta có hơn tuổi các người, nhưng các người đừng vì ta mà nệ, chỉ mình thế nào, cứ thẳng mà nói. Các người bình thường hay nói: chẳng ai biết đến mà dùng đến mình. Nếu như có người biết mà dùng, thì các người định làm sao?”.

Tử Lộ, vốn có tính hấp tấp, vội đứng lên thưa: “Một nước nghìn cỗ xe, ở chệt vào với nước lớn, mà lại thêm có việc binh đao cùng sự đói kém, giá cho Do này được trị nước ấy, thì chỉ độ ba năm, có thể khiến cho dân nước ấy có lòng dũng cảm và biết đạo lý”.

Có thể chúng ta nhận thấy Tử Lộ là người rất có Chí và hấn sẽ nghĩ rằng một người thầy như Khổng Tử, vốn đánh giá rất cao việc cai trị đất nước bằng các nguyên tắc lễ nghĩa và sự tự tu dưỡng, sẽ rất lầy lăm vừa lòng khi thấy một trong những học trò của Ngài có thể thực hiện được những điều ấy. Nhưng Tử Lộ không ngờ rằng phản ứng của Khổng Tử chỉ là “Ngài mỉm cười với Tử Lộ”. Ngài cười nhẹ và lạnh nhạt, không đưa ra một phản ứng trực tiếp nào, rồi Ngài quay sang hỏi người học trò thứ hai: “Nhiễm Cầu thì sao?”.

Câu trả lời của Nhiễm Cầu khiêm tốn hơn nhiều so với câu trả lời của Tử Lộ. Ông không dám bàn về một nhà nước quá rộng lớn, hay quá nhiều vấn đề. Nhiễm Cầu thưa: “Một nước vuông độ sáu bảy mươi dặm, hay năm sáu mươi dặm, giá cho Cầu này trị nước ấy, thì chỉ độ ba năm có thể khiến cho dân được no đủ. Còn đến việc lễ nhạc, xin để đợi bậc quân tử”. Ông có ý nói rằng trên phương diện vật chất, ông có thể làm giàu cho dân và cho họ tất cả những gì họ cần, nhưng đối với niềm tin vào đất nước cùng việc mang lại sự thịnh vượng bằng Lễ, Nhạc, thì quá sức của ông. Tốt nhất là chờ đợi một người quân tử thông tuệ hơn ông.

Khi ông nói xong, Khổng Tử cũng không có phản ứng trực tiếp gì. Ngài tiếp tục hỏi đến người học trò thứ ba: “Công Tây Hoa thì sao?”.

Công Tây Hoa càng khiêm tốn hơn nữa. Ông đáp: “Tôi không nói rằng tôi có khả năng nhưng tôi sẵn sàng học hỏi”. Câu này có nghĩa là trước hết, ông trình bày thái độ riêng của mình: Tôi không có tuyên bố gì cho riêng mình, nhưng vì thầy hỏi tôi điều ấy, nên mọi điều tôi có thể nói là tôi muốn học. Sau đó, ông nói rằng: “Giá đến việc nhà Tông miếu, như lễ Hội đồng, mặc áo huyền đoan, đội mũ chương phủ, thì Xích này xin làm một chức tiểu tướng ^[15]”. Ông hoàn toàn không đề cập đến việc cai trị một đất nước hoặc người dân của nước ấy.

Bạn thấy rằng từng người trong ba học trò của Khổng Tử, người sau đều khiêm tốn hơn người trước, giảm nhẹ hơn người trước, mỗi người đều gần hơn với xuất phát điểm trong cuộc sống riêng của Ngài và xa hơn khỏi những mục tiêu tối hậu của Ngài.

Theo cách nói ngày nay, điều quan trọng nhất trong sự phát triển của một con người thường không phải là chí hướng tối hậu của họ cao bao nhiêu, mà là cơ sở mà họ đang có ngay lúc này. Chúng ta thường

không thiếu gì những kế hoạch lớn và khát vọng lớn, nhưng chúng ta thiếu một con đường thực tế để dẫn ta, từng bước từng bước, đến những khao khát của mình.

Đến lúc này thì chỉ còn một người vẫn chưa nói gì, Không Tử lại hỏi: “Còn Điềm thì sao?”.

Tăng Điềm không đưa ra câu trả lời ngay lập tức. Ngôn ngữ được sử dụng để miêu tả khoảnh khắc sinh động đáng chú ý ấy chỉ bằng ba từ: Cổ Sắt Hy [Gảy đàn sắt], mô tả âm thanh của một tiếng nhạc đang hẫ hẫ còn ngân. Tăng Điềm đang tập trung hoàn toàn vào cây đàn năm mươi dây mà ông đang đánh, đến khi nghe thầy hỏi, ông từ từ ngưng đàn, để tiếng đàn ngân hết âm điệu sau cùng. Sau đó Tăng Điềm thông thả và hòa nhã “bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa”. Vào thời ấy, người ta thường ngồi đất, và khi người học trò nghe thầy nói hoặc giảng, họ sẽ quỳ xuống, ngồi lên hai gót chân, nhưng họ phải đứng dậy khi trả lời thầy, để tỏ lòng tôn kính. Tăng Điềm bỏ đàn sang một bên, rồi nhón mình đứng lên và trả lời thầy.

Qua một vài từ mô tả ở trên, chúng ta có thể thấy rằng Tăng Điềm thuộc vào loại người điềm đậm và tự chủ; ông không trả lời một cách hấp tấp, vội vàng như Tử Lộ, mà thay vào đó ông nói rất khoan thai, sau khi đã ngẫm nghĩ thấu đáo. Trước tiên ông khản nài ý kiến của Không Tử rằng: “Chí tôi khác hẳn ba anh kia. Thầy có cho phép tôi nói không?”. Không Tử nói: “Có ngại gì, chẳng qua người nào cũng nói chí người ấy cả”.

Chỉ khi đó, Tăng Điềm mới điềm tĩnh nói: “Vào cuối xuân tiết tháng ba, áo mùa xuân đã may xong, cùng với năm sáu bạn thanh niên, sáu bảy cậu thiếu niên rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió ở đàn Vũ Vu, rồi ca vịnh với nhau mà về, đó là Chí của tôi vậy”.

Nghe xong, Không Tử thở dài mà than rằng: “Ta cũng thích như Điềm vậy”. Tức là, chí hướng của riêng Không Tử cũng giống như chí hướng của Tăng Điềm. Đó là những từ ngữ đánh giá duy nhất mà Không Tử nói ra trong suốt cuộc nói chuyện.

Sau khi mỗi người đều đã nói lên chí hướng của mình, ba học trò kia ra về, riêng Tăng Điềm còn nán lại và hỏi Không Tử: “Đối với lời của ba anh kia, thầy nghĩ thế nào?”.

Lúc đầu, Không Tử đã khéo léo tránh câu hỏi khi trả lời rằng: “Cũng đều cho biết cái chí của mình vậy thôi”. Nhưng Tăng Điềm lại hỏi: “Nhưng tại sao nghe anh Do nói thầy lại cười?”.

Không Tử bèn nói: “Bậc trị quốc cần phải có lễ nhượng; mà trong lời nói của Do, chẳng có một điểm lễ nhượng. Vậy nên ta mới cười”. Điều Không Tử muốn nói là nếu bạn muốn cai trị một đất nước bằng các lễ nghi thì trước hết bạn phải có lòng tốt, tính hòa nhã và một thái độ tôn kính làm xuất phát điềm. Trong khi đó Tử Lộ lại hấp tấp đứng ra trả lời như thế cho thấy thiếu sự tôn trọng lễ.

Tăng Điềm lại hỏi: “Còn anh Cầu chẳng phải nói việc trị nước sao? Sao thầy không cười anh ấy?”.

Không Tử nói: “Một địa phương dẫu vuông vức sáu, bảy mươi dặm hay năm, sáu mươi dặm, đó chẳng phải là một nước nhỏ, chứ là gì?”.

Ông Tăng Diễm lại hỏi: “Còn anh Xích chẳng phải nói về việc trị nước hay sao? Sao thầy không cười anh ấy?”.

Khổng Tử nói: “Việc tế tông và việc hội đồng, đó chẳng phải việc của nước chư hầu, chứ là việc của ai? Trò Xích khiêm nhượng xin dự là tiểu tướng, vậy chứ ai có thể làm đại tướng?”(Luận Ngữ, XI, 25).

Điều Khổng Tử muốn nói là Ngài không cười Tử Lộ vì Tử Lộ thiếu tài năng để cai trị một nước, mà là vì nội dung trong lời nói và sự thiếu khiêm nhượng của Tử Lộ. Vấn đề không phải là diện tích nước được cai trị là lớn hay nhỏ, hoặc nó có phải là một nước hay không; mà là về thái độ của mỗi người học trò. Vì thái độ của Nhiễm Cầu và Công Tây Hoa khiêm tốn, đồng thời họ cũng có năng lực thật sự, nên Khổng Tử không cười họ.

Khổng Tử không thích những kẻ khoe khoang mà rỗng tuếch, như Ngài đã nói: “Kẻ nào miệng nói lời hoa mỹ; còn mặt mày thì trau chuốt, hình dạng thì kiêu cách, áo quần thì lòe loẹt, hãnh kể ấy kém lòng nhân.” (Luận Ngữ, I, 3). Ngài cho rằng người quân tử chân chính phải “nói thì chậm rãi mà làm thì nhanh.” (Luận Ngữ, IV, 23). Vì thế, nhìn bề ngoài, một người quân tử có lẽ không gây nhiều ấn tượng, nhưng tâm hồn của người ấy là hết sức mạnh mẽ, cương quyết và kiên định.

Theo một câu châm ngôn xưa, có ba việc không thể lấy lại được: một mũi tên đã bắn, một lời đã nói và một cơ hội đã bị bỏ qua. Ngôn từ một khi đã được nói ra cũng khó lấy lại như nước chảy khỏi bình, vì vậy một người quân tử chân chính luôn làm trước, rồi sau mới nói về nó.

Khổng Tử nói rằng: “Hứa nhiều mà làm ít, người quân tử lấy làm hổ thẹn.” (Luận Ngữ, XIV, 29). Ngày nay chúng ta vẫn thấy có nhiều kẻ “nói nhiều làm ít”. Một người quân tử sẽ lấy làm hổ thẹn khi lời nói nhiều hơn hành động của mình.

Một người quân tử không nói về những việc họ muốn làm hoặc các mục đích mà họ muốn đạt được; một người quân tử luôn chờ đến khi họ đã làm xong cái gì mà họ định làm trước khi tình cờ nhắc đến nó trong cuộc trò chuyện. Đây là điều được nói đến qua câu: “Mình muốn dạy người ta điều gì, trước hết mình hãy làm điều đó đi. Rồi sau cứ theo đó mà dạy. Như vậy mới đáng là quân tử.” (Luận Ngữ, II, 13).

Có một vấn đề nữa ở đây là, dù Khổng Tử không bất đồng với chí hướng của Tử Lộ, Nhiễm Cầu và Công Tây Hoa, nhưng tại sao ông chỉ niềm nở khuyến khích một mình Tăng Diễm? Chúng ta có thể thấy được điều gì từ việc Khổng Tử ủng hộ Tăng Diễm?

Học giả vĩ đại về Khổng Tử đời Tống là Chu Hy có một lý giải khả tín về cuộc chuyện trò này. Ông nói rằng chí của Tăng Diễm chẳng gì khác hơn là “hài lòng với vị trí mà tôi đang ở lúc này, tìm niềm vui trong những công việc hàng ngày, tôi không có ý định hy sinh bản thân mình vì lợi ích của người khác”.

Cuộc đời của Tăng Diễm là những hoạt động rất bình thường hàng ngày, ông không có mong ước lớn lao là hy sinh bản thân mình cho những người khác, nhưng ông có một nội tâm phong phú. Đối với ông, sự hoàn hảo của tính cách riêng của bản thân ông là một xuất phát điểm cơ bản, và chí hướng của ông là nhìn toàn bộ tự nhiên trong đúng vị trí của nó. Điều này có nghĩa là những thành tựu công việc của ông hẳn sẽ ở một mức độ cao hơn ba người kia, khi ý hướng của họ vốn chỉ thuần công việc.

Đây là điều mà Khổng Tử muốn đề cập khi Ngài nói rằng: “Người quân tử không phải là món đồ khí cụ.” (Luận Ngữ, II, 12). Một người quân tử chân chính không bao giờ gắng sử dụng những thành tựu trong công việc để có một địa vị xã hội tốt hơn. Trái lại, người quân tử phải xem sự tự tu dưỡng như một xuất phát điểm; phải bắt đầu bằng những việc gần gũi nhất trong sự thống nhất trọn vẹn của tâm hồn.

Theo quan niệm của Khổng Tử, trách nhiệm xã hội của người quân tử mang dáng vẻ của chủ nghĩa lý tưởng, tức là một trạng thái cao hơn trình độ chuyên môn. Người quân tử không bao giờ bị giới hạn bởi một công việc cụ thể nào. Vì vậy, Ngài nói: “Người quân tử không phải là món đồ khí cụ”. Một khí cụ trong ngữ cảnh này có nghĩa là người nào đó đạt đến trình độ đáng mơ ước, tuân thủ các quy tắc và chỉ làm công việc mà họ được giao phó, ngoài ra không còn gì khác.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng con người là những sinh vật đặc biệt; các tư tưởng của chúng ta quy định hành động của ta, tức là, thái độ của ta quy định tất cả mọi thứ. Những việc mà mỗi người chúng ta làm hàng ngày trong xã hội là tương tự nhau, nhưng mỗi chúng ta đều có sự lý giải khác nhau về chúng.

Có lần tôi đọc một cuốn sách của một nhà cải cách tôn giáo ở thế kỷ 15, trong đó ông kể một câu chuyện xảy ra từ khi ông còn nhỏ. Câu chuyện ấy đã thay đổi toàn bộ cuộc đời ông.

Ông viết rằng một ngày nọ ông đi dạo ngang qua một tòa nhà lớn đang xây dưới ánh mặt trời nóng đến rộp cả da, quanh đó là những người đàn ông đang bung bê gạch đá, tất cả đều ướt đầm mồ hôi.

Ông đến bên người đàn ông đầu tiên và hỏi: “Anh đang làm gì đó?”.

Người đàn ông nói với một thái độ rất gắt gỏng: “Mày mù à? Lao động khổ sai - bê gạch!”.

Ông hỏi câu hỏi ấy với người thứ hai. Thái độ của người này điềm tĩnh hơn người trước. Ông ta xếp những viên gạch thành một cột ngay ngắn, lướt mắt nhìn chúng, rồi nói: “Tôi đang xây một bức tường”.

Sau đó ông đến hỏi người thứ ba. Dường như có một luồng ánh sáng nhẹ nhàng, phản khởi trong mắt người đàn ông này khi ông đặt những viên gạch xuống, ngẩng đầu lên, lau mồ hôi và nói rất hãnh diện: “Anh hỏi tôi à? Chúng tôi đang xây một công trình vĩ đại, một nhà thờ đấy!”.

Chúng ta có thể thấy rằng cả ba người này đều đang làm một công việc giống nhau, nhưng những lý giải của họ lại hoàn toàn khác nhau.

Tôi gọi thái độ của người đàn ông thứ nhất là bi quan. Anh ta xem công việc mình làm chỉ như một thứ gánh nặng trong cuộc đời cực nhọc; anh ta chỉ biết chăm chăm nhìn vào sự gian khổ của khoảnh khắc này (dĩ nhiên khoảnh khắc này là có thực).

Thái độ của người đàn ông thứ hai là cái mà tôi gọi là tinh thần chuyên nghiệp. Anh ta biết mình đang xây một bức tường, bức tường ấy là bộ phận của một sản phẩm hoàn chỉnh và anh ta phải làm hết sức để kiếm tiền. Đó là một môn nghề nghiệp và thái độ của anh ta phụ thuộc nhiều vào trình độ chuyên môn. Đây là trạng thái mà Khổng Tử gọi là “một món đồ khí cụ”, anh ta không có bất kỳ thiên hướng nào cao hơn.

Tôi gọi thái độ của người đàn ông thứ ba là thái độ lý tưởng chủ nghĩa. Bởi vì anh ta biết mỗi viên gạch và mỗi giọt mồ hôi mình đang đổ ra sẽ đóng góp vào việc xây dựng nên một chốn thiêng liêng - một nhà thờ. Anh ta thấy mỗi đóng góp của mình đều có giá trị và anh đã nhìn thấy kết quả trong công việc gian khổ mình đang làm. Anh làm việc không phải với tư cách của một món đồ khí cụ. Những việc anh ta làm được nối kết với thế giới của chúng ta, với các ước mơ của chúng ta và như anh ta nói, đó là một thứ hiện hữu với chúng ta: một nhà thờ. Và tại cùng thời điểm ấy, vì anh ta đắm mình trong giấc mơ về một nhà thờ, nên tư tưởng anh ta vượt ra khỏi những thành quả mang tính cá nhân để đạt đến những giá trị tinh thần tuyệt vời hơn nhiều.

Vai trò của một người quân tử trong xã hội cũng thế. Điều quan trọng không nằm ở các hành động của một người quân tử mà nằm ở chính các động cơ đằng sau các hành động ấy. Người quân tử là lương tâm của xã hội. Nhưng làm một người quân tử là điều mà mọi người ai cũng có thể đạt đến được. Giấc mơ ấy, mục tiêu ấy, vừa cao lại vừa khó với tới, nhưng nó không vượt khỏi tầm với của chúng ta, thực tế nó tồn tại ở đây và ngay lúc này, trong nội tâm của mỗi người chúng ta.

Mỗi người trong chúng ta đều có những mục tiêu riêng, nhưng trong vòng tuần hoàn và những nhịp điệu vội vã, lặp đi lặp lại không ngừng của công việc, chúng ta phải bỏ ra bao nhiêu thời gian và không gian để quan tâm đến thế giới nội tâm của mình? Phần con người mà ta thực hiện trong vai trò xã hội thì có thể thấy được rõ ràng, nhưng chúng ta lại xóa mờ và bóp nghẹt tiếng nói của chính tinh thần mình.

Có lần tôi đọc được câu chuyện ngắn về một người đàn ông cảm thấy mình rất bất hạnh trong đời. Ông ta ngờ rằng có lẽ đó là những triệu chứng ban đầu của sự trầm cảm, vì vậy ông ta đi gặp bác sĩ tâm thần.

Ông ta nói với bác sĩ rằng: “Mỗi ngày tôi đều rất sợ cảm giác trở về nhà sau giờ làm việc. Khi tôi làm việc, mọi thứ đều bình thường, nhưng ngay khi về đến nhà, tôi toàn cảm thấy nghi ngờ và lo sợ. Tôi không biết tâm hồn mình đang đi về đâu; tôi không biết phải nên lựa chọn gì nữa. Càng về đêm, cảm giác sợ hãi ấy càng dâng cao và áp lực càng lúc càng mạnh hơn. Suốt đêm, tôi thường không thể chợp mắt được. Nhưng vào sáng hôm sau khi tôi đi làm và bước vào vai trò chuyên môn của mình, các triệu chứng ấy lại biến mất. Nếu điều này tiếp diễn lâu hơn nữa, chắc tôi sẽ phát điên mất”.

Khi nghe ông ta nói xong, bác sĩ đưa ra một đề nghị: “Có một diễn viên hài kịch nổi tiếng trong thành phố, ông ta diễn xuất sắc lắm, mọi người xem ông ấy diễn đều phá lên cười và quên hết mọi phiền muộn của mình. Để bắt đầu, tại sao anh không thử đến xem một buổi diễn của ông ấy? Sau đó, chúng ta có thể có một buổi nói chuyện nữa, để xem liệu nó có giúp ích gì cho anh không. Rồi chúng ta sẽ bàn đến một kế hoạch chữa trị”.

Khi nghe xong, người đàn ông không nói gì. Một lúc lâu sau, ông ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào vị bác sĩ, nước mắt lưng tròng, khó khăn cất tiếng: “Tôi chính là diễn viên hài ấy đây”.

Đây chỉ là một câu chuyện tưởng tượng nhưng ý nghĩa của nó là rất thật, là tình trạng có thể dễ dàng xảy ra trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Hãy nghĩ xem: khi một người trở nên quen thuộc với một vai trò và đóng vai trò ấy một cách vui vẻ, họ sẽ tin rằng nó là chí hướng của mình, và họ có thể rất thành công trong sự nghiệp. Nhưng khi đó, còn bao nhiêu chỗ trống cho những khao khát tinh thần của họ đây? Chúng ta còn bao nhiêu khoảng trống bên ngoài vai trò của ta, để chúng ta thật sự biết đến tâm hồn của mình? Đây là gốc rễ của sự hoang mang và mất phương hướng mà nhiều người trải nghiệm khi họ bước ra khỏi các vai trò nghề nghiệp chuyên môn của họ.

Có một câu chuyện ngắn thú vị nữa là:

Ngày xưa, có ba chú chuột đồng sống chung với nhau. Khi mùa đông sắp đến, cả ba chú chạy ngược chạy xuôi qua các cánh đồng để tìm thức ăn dự trữ.

Thành công trong nghề nghiệp chuyên môn của chúng ta

không hẳn là ý hướng thực sự của tâm hồn ta.

Chú chuột đồng thứ nhất sục sạo tìm kiếm đồ dự trữ, nó tha đủ mọi loại hạt về hang.

Chú chuột đồng thứ hai sục sạo tìm những thứ để giữ ấm, nó tha rất nhiều rơm và hạt mầm có lông tơ về hang.

Còn chú chuột đồng thứ ba thì sao? Nó cứ nhón nhờ rong ruổi qua các cánh đồng, ngắm nhìn bầu trời, rồi nhìn mặt đất và chốc chốc lại nằm xuống nghỉ ngơi.

Hai anh bạn làm việc chăm chỉ kia quở mắng chú chuột thứ ba: “Mày lười quá, không chịu dự trữ thức ăn cho mùa đông, để xem mày xoay xở thế nào khi mùa đông đến!”.

Nhưng chú chuột đồng thứ ba không giải thích gì cả.

Sau đó, khi mùa đông đến, cả ba chú chuột đều nằm náu mình trong cái hang nhỏ hẹp. Chúng không thiếu thức ăn và đã có đủ mọi thứ chúng cần để giữ ấm, nhưng cả ngày chúng lại không có gì để nói với nhau. Dần dần, sự buồn chán cũng đến, chúng không biết làm sao để giết thời gian.

Lúc này, chú chuột thứ ba mới bắt đầu kể chuyện cho hai chú chuột kia nghe: về việc chú gặp một đứa trẻ ở rìa cánh đồng vào một buổi chiều mùa thu như thế nào, đứa trẻ ấy đang làm gì; về một người đàn ông mà chú thấy ngay bờ ao vào một buổi sáng mùa thu nọ và những việc ông ta làm. Chú kể cho hai chú chuột kia nghe về những cuộc chuyện trò mà chú tham gia; về một bài hát mà chú nghe được từ một chú chim...

Chỉ đến lúc ấy hai người bạn kia mới nhận ra rằng chú chuột đồng này đã thu nạp ánh nắng mặt trời để giúp chúng sống qua mùa đông.

Nếu bây giờ chúng ta nhìn lại vào chí hướng của Tăng Điểm: giữ lễ để thanh tẩy bản thân và đến gần hơn với thiên nhiên khi mặt đất đã rũ bỏ lớp áo mùa đông và tất cả thiên nhiên đều đang vui mừng hoan hỉ. Dù điều ấy có vẻ như không hề có chút ý nghĩa thực tế nào, những nghi lễ ấy có thể mang lại sự thanh bình và trật tự cho nội tâm. Để đón nhận một sự thanh bình và ổn định như vậy, chúng ta phải hòa nhịp vào bầu trời và mặt đất, phải nhiệt thành đón nhận những sự thay đổi trong nhịp điệu của tự nhiên, và cảm nghiệm được bốn mùa, của cảnh đẹp tự nhiên trăng gió núi sông.

Đối với chúng ta ngày nay, việc hòa mình với thiên nhiên dường như là một việc làm quá xa xỉ. Trong thế giới hiện đại, chúng ta được trang bị quá nhiều đến nỗi khó có thể cảm nhận được thiên nhiên: dưới cái nóng của mùa hè, nhà của ta được máy điều hòa nhiệt độ làm mát bằng những làn hơi lạnh; khi mùa đông lạnh giá đến, hệ thống sưởi trung tâm làm ngôi nhà của ta ấm áp như mùa xuân... Khi quá đầy đủ và tiện nghi, cuộc sống của chúng ta cũng trở nên quá đơn giản, ảnh hưởng của sự luân chuyển giữa bốn mùa lên cuộc sống của chúng ta bị xóa nhòa; sự thay đổi mùa và những chu kỳ biến chuyển hàng năm của tự nhiên không còn tạo được cảm xúc trong tâm hồn ta nữa. Chúng ta mất đi sự nhạy cảm của Tăng Điểm - sự nhạy cảm đã khiến ông ao ước mình được thời khắc đẹp nhất của mùa xuân gọt giũa, định hướng cho tâm hồn. Và vì thế, chúng ta mất đi nền tảng mà từ đó ta có thể để cho chí hướng rộng lớn của mình cất cánh bay lên.

Mối quan hệ giữa các mục tiêu với các hành động của ta cũng giống như mối quan hệ của con diều với sợi dây. Điều quyết định để một con diều có thể bay bao xa là nằm ở sợi dây trong đôi tay bạn. Tâm trí bạn càng điềm tĩnh, kiên định và thực tế bao nhiêu, thì bạn càng dễ bỏ đi những tác động bên ngoài và càng biết lắng nghe một cách tôn trọng tiếng nói yên bình trong tâm hồn bạn bấy nhiêu. Điều này có nghĩa là khi bạn đảm nhiệm một vai trò trong xã hội, bạn sẽ không đánh mất quan hệ với bản thân mình; bạn sẽ có thể gánh vác trách nhiệm của mình một cách vui vẻ và đạt được điều tốt nhất.

Nhiều người cảm thấy rằng các chí hướng được nói đến ở trên hơi khác với sự hiểu biết thông thường của chúng ta về điều mà Khổng Tử và các học trò của Ngài đã nói đến. Chẳng hạn, trái với câu nói

[16]
của Tăng Tử: “Kẻ sĩ cần phải có chí khí rộng lớn và cương nghị. Là vì gánh thì nặng mà đường thì xa.” (Luận Ngữ, VIII, 8).

Nhưng nếu chúng ta ngừng lại và suy nghĩ về nó một chút, thì những tư tưởng được nói đến ở đây thực sự là những cái cây mà trên đó những “gánh nặng”, những chí hướng cá nhân và xã hội, sẽ lớn mạnh và ra hoa kết trái. Nếu trong vai trò nghề nghiệp chuyên môn của mình, một con người thiếu mất cảm

thức về sự điềm tĩnh này, hoặc thiếu mất sự thấu hiểu về nội tâm mình, thì họ sẽ chỉ giỏi đưa ra các mệnh lệnh, chứ không hy vọng gì cho việc tự hoàn thiện bản thân.

Điều cốt yếu cần ghi nhớ là sự tự-hoàn-thiện này không vị kỷ. Sự nhấn mạnh của Khổng Tử đối với việc tu dưỡng nội tâm không hề gợi ý rằng chúng ta phải từ bỏ trách nhiệm đối với xã hội; mà đúng hơn, chúng ta tự tu dưỡng bản thân để có thể phục vụ xã hội tốt hơn.

Do đó mà có khái niệm “kẻ sĩ” với ý nghĩa rất cao quý. Đó là tầng lớp trí thức cao nhất, những người xem xã hội mà họ sống là trách nhiệm của chính bản thân họ.

Khổng Tử từng nói rằng: “Kẻ sĩ mà mong được ăn ở cho sung sướng, thì chẳng đáng gọi là kẻ sĩ vậy.” (Luận Ngữ, XIV, 3). Nói khác đi, nếu ai đó ngày ngày sống mà trong đầu không có chỗ cho bất kỳ điều gì khác ngoài vòng tròn gia đình nhỏ hẹp của riêng họ và những công việc thường nhật của riêng họ, thì họ không thể trở thành một kẻ sĩ đích thực.

Đây chính là phương diện trách nhiệm mà học trò của Khổng Tử là Tử Công bàn đến khi ông hỏi Khổng Tử rằng: “Phải làm thế nào mới đáng gọi là kẻ sĩ?”.

Khổng Tử đáp: “Trong mọi cử chỉ và hành động của mình, phải biết hổ thẹn, để tránh những việc trái lẽ nghĩa; khi đi sứ đến các nước, đừng làm nhục cái mạng lệnh mà vua giao phó cho mình; như vậy có thể gọi là kẻ sĩ được”.

Điều Khổng Tử muốn nói là người ta phải hiểu sự khiêm nhượng và sự chính trực. Họ phải là người có thể kiềm chế được hành vi của mình; có một tâm hồn kiên định, vững chắc và không xa rời những chuẩn mực, trong khi đồng thời phải có ích cho xã hội. Nói cách khác, khi một người đạt được sự tu dưỡng nội tâm này, họ sẽ không cho phép bản thân trở nên cao ngạo; họ sẽ tiếp tục dần thân và làm những điều có ích; sẽ trung thành với sứ mệnh của mình và sẽ “không làm nhục cái mạng lệnh mà vua giao phó cho mình”. Theo Khổng Tử, đó là tiêu chuẩn cao nhất của kẻ sĩ. Và điều này không dễ, vì không có cách nào biết trước được sứ mệnh của bạn sẽ là gì.

Tử Công nghĩ tiêu chuẩn ấy là quá cao, nên ông hỏi tiếp: “Kẻ sĩ bậc dưới hơn thì thế nào?”. Liệu có tiêu chuẩn nào thấp hơn một chút không?

Khổng Tử đáp: “Ấy là người mà họ hàng khen là thảo cha, làng xóm khen là thuận anh”. Nói khác đi, đó là người được họ hàng khen là sống tốt với cha mẹ của mình, và được làng xóm biết tiếng là có cách cư xử tôn kính với người dân trong làng. Nếu bạn có thể bắt đầu từ những gì quanh bạn, nếu bạn có thể tỏa sáng với ánh sáng của tình yêu con người và các mối quan hệ con người, và sử dụng sức mạnh của tình yêu ấy khiến cho những người xung quanh phải khen ngợi, và không làm xấu hổ tổ tiên của mình, đó là cấp bậc thứ hai của kẻ sĩ.

Tử Công hỏi nữa: “Dám hỏi kẻ sĩ bậc thứ ba là như thế nào?”. Liệu có cấp bậc thấp hơn nữa không?

Khổng Tử nói: “Người nói ra thì giữ lời, làm việc thì quả quyết, tuy là người hay chấp nhất, nhưng

cũng có thể sắp vào bậc thứ ba đó.” (Luận Ngữ, XIII, 20).

Có lẽ những độc giả hiện đại sẽ ngạc nhiên vì điều này. Những tiêu chuẩn cư xử cao như vậy mà chỉ đặt vào hạng kẻ sĩ bậc ba sao? Một người có thể kiên định giữ lấy lời của mình và xem xét những hành động của mình từ đầu chí cuối, người mà một khi đã quyết định làm điều gì, sẽ làm đến cùng - con người có những phẩm chất ấy mà chỉ có thể miễn cưỡng được liệt vào hạng kẻ sĩ bậc ba sao? Liệu có bao nhiêu người ngày nay có thể làm đúng những gì mình đã nói và biết xem xét hành động của mình từ đầu chí cuối đây?

Khổng Tử nói: “Kẻ sĩ chuyên tâm cầu đạo, nhưng còn thẹn vì nổi áo xấu, cơm thô, thì chưa đáng nghe ta bàn luận đạo lý.” (Luận Ngữ, IV, 9).

Mặc dù ba tiêu chuẩn ấy khó mà đạt được, nhưng đối với Khổng Tử, chúng là ba điều khái quát cho những cá nhân trưởng thành có thể đảm nhiệm thành công mọi vị trí trong xã hội.

Có một câu chuyện về Lạn Tương Như, một chính khách nổi tiếng của nước Triệu thời Chiến quốc (475-221 TCN); câu chuyện này sẽ minh họa cho tiêu chuẩn cao nhất của kẻ sĩ, đó là người “không làm nhục cái mạng lệnh mà vua giao phó cho mình”.

[17]

Chuyện kể rằng, vua nước Triệu được viên ngọc bích của họ Hòa nước Sở, một bảo vật quý hiếm không thể lượng giá được, đáng giá hơn nhiều thành trì. Vua nước Tần khao khát muốn có trong tay viên ngọc ấy, liền cử sứ thần gặp vua nước Triệu, nói rằng ông sẵn sàng đổi mười lăm thành của mình để lấy viên ngọc ấy. Vua nước Triệu biết rằng nước Tần là một nước lớn nhưng tham lam và tàn nhẫn: một khi ngọc đã đến nước Tần thì không thể nào đòi lại được nữa. Nhưng Lạn Tương Như tâu rằng: “Tần đem thành đổi lấy ngọc mà Triệu không cho, thì điều trái là ở Triệu. Triệu cho ngọc mà Tần chẳng cho thành, thì điều trái là ở Tần. Xét lại kế đó thì thà cho ngọc để Tần chịu phần trái... Nếu nhà vua thiếu người, thì thần xin mang ngọc bích đi sứ. Thành có về tay nước Triệu thì ngọc mới ở lại đất Tần, nếu thành không về, thần xin giữ nguyên vẹn viên ngọc mang về Triệu”.

Khi Lạn Tương Như mang theo ngọc họ Hòa nước Sở đến nước Tần, vua Tần đón tiếp ông ở một sảnh bên không có gì là trang trọng và để các quan lại cùng các mỹ nữ trong triều chuyen tay xem viên ngọc quý vô giá ấy rồi cười đùa với nhau. Lạn Tương Như thấy vậy, nhận ra rằng vua Tần không có ý giữ lời mà chỉ muốn lừa để lấy viên ngọc quý. Tuy nhiên, lấy lại bảo vật ấy là việc không dễ dàng gì. Vì vậy, ông nói với vua Tần: “Tâu Đại vương, ngọc bích có vết, tôi xin chỉ cho đại vương xem”. Khi vua Tần trao lại viên ngọc bích vào tay ông, Lạn Tương Như nhân cầm lấy ngọc đứng lùi vài bước tựa vào cột. Ông đứng đó, giữ chặt lấy viên ngọc, nổi giận nói với vua Tần rằng: “Đại vương muốn được ngọc, sai người đem thư đến vua Triệu. Vua Triệu cho mời quần thần đến bàn bạc, tất cả đều nói: “Nước Tần tham, cậy mình mạnh, đem lời nói suông để cầu lấy ngọc, chưa chắc đã giao thành cho ta”. Họ bàn không muốn đưa ngọc bích cho Tần. Thần cho rằng: “Kẻ áo vải chơi với nhau còn không dối nhau, huống nữa là nước lớn. Vả chẳng vì một viên ngọc mà làm nước Tần mất vui thì không nên”. Vì vậy nên vua Triệu trai giới năm ngày, sai thần mang ngọc bích đi, vãi mà đưa ở giữa triều đình. Tại sao thế? Vì trọng cái uy của nước lớn để tỏ lòng tôn kính vậy. Nay thần đến, đại vương tiếp thần ở nơi

tâm thường, lễ tiết rất khinh mạn. Được ngọc, đại vương đưa cho các mỹ nhân để đùa bỡn. Thần xem đại vương không có ý đổi thành ấp cho vua Triệu, cho nên, thần lấy ngọc về. Nếu đại vương thật sự muốn lấy ngọc, đại vương cũng nên trai giới năm ngày, đặt lễ cửu tân, thì thần mới dám dâng ngọc. Nếu đại vương cứ muốn bức bách thần, thì đầu thần và viên ngọc đều vỡ ở cái cột này!”. Vua Tần lo sợ, vội vã thuận theo các yêu cầu của ông.

Lạn Tương Như biết rằng vua Tần không muốn giữ lời, vì thế, ông sai gia đình nửa đêm lên mang ngọc về Triệu. Tuy vậy, ông vẫn ở lại Tần và thú nhận với vua Tần mọi việc. Ông nói: “Thần biết đại vương không có ý trao thành cho Triệu, nhưng lúc này thì ngọc đã nguyên vẹn trở về đến Triệu rồi”.

Những câu chuyện thế này không hiếm trong sách xưa và các sử ký kinh điển của Trung Quốc. Cách thức mà một người nào đó tiếp cận một nhiệm vụ nghề nghiệp chuyên môn khi mọi thứ quanh họ thay đổi bất ngờ là một thử thách tốt cho sự chín chắn của họ. Làm thế nào một người có thể chế ngự nỗi sợ; làm sao họ có thể giữ bình tĩnh, tự chủ và không dao động? Về điều này, chúng ta cần tìm được điều gì đó mà ta có thể đặt hy vọng vào. Có thể nó không nhất thiết phải là một tham vọng lớn: quyền lực, tiền bạc hay bất kỳ cái gì thuộc loại ấy. Ta có thể nói rằng mỗi người trong chúng ta trong vòng quay lớn của cuộc đời đều có một mục tiêu mà chúng ta quan tâm hơn tất cả mọi thứ. Và người nào có thể tìm được một lý tưởng để đặt hy vọng của mình vào sẽ có một mỏ neo cho cả cuộc đời họ và một nền tảng vững chắc cho nội tâm họ.

Đối với Không Tử, mọi mục tiêu vĩ đại đều được dựng lên trên những nền tảng giản dị và đơn sơ như vậy. Tư duy tích cực là một trong những sức mạnh lớn nhất trên thế giới, và cái mà tất cả chúng ta đều khao khát là thời gian dành để trầm tư suy ngẫm - không phải là sự xa hoa vật chất, mà là sự phong lưu của cuộc hành trình tinh thần.

Không Tử có lần nói rằng ông muốn đến ở vùng hẻo lánh ngoài ranh giới miền đông Trung Quốc, nơi không có cư dân người Hán mà vào thời ấy là đất của “những kẻ man di”.

Có người nói với ông rằng: “Phong tục họ thô lỗ, làm sao Ngài ở với họ được?”.

Không Tử đáp đơn giản rằng: “Bậc quân tử ở với họ thì giáo hóa họ, làm sao họ còn thô lỗ được?” (Luận Ngữ, IX, 13).

Có hai lý giải cho câu trả lời của Ngài. Một là, “sứ mệnh” của người quân tử đối với toàn thế giới; đối với người quân tử, bất kỳ một nơi nào cũng không khác gì một môi trường bên ngoài, dù giàu có, xa hoa, hay giản dị và thô lỗ. Hai là, tinh thần của một người quân tử có một năng lượng ổn định, thường hằng, vốn có thể tác động khiến những sự vật quanh họ tốt hơn lên. Luồng khí mà họ tạo ra quanh mình và bên trong cuộc sống riêng của họ có thể biến đổi thậm chí cả một nơi lạc hậu, thô lỗ.

Có một bài thơ Đường rất nổi tiếng ở Trung Quốc có tên là “Lậu thất minh” (Bài minh về căn nhà quê mùa) của Lưu Vũ Tích, trong đó tác giả tả về phong thái ung dung của các đại học sĩ Trung Quốc qua các thời đại đối với cuộc sống trong môi trường bần hàn xung quanh. Ông nói rằng chúng ta có thể không có khả năng thay đổi môi trường vật chất mà chúng ta sống, nhưng không cần thiết phải quá đòi

hỏi trong các nhu cầu của ta, vì chính những người quanh ta mới tạo nên môi trường quan trọng nhất của ta.

Ông nói về “tiếng cười sảng khoái của người có học và bậc hiền nhân”, mô tả làm thế nào để “không có bất kỳ sự thô tục nào có thể len vào được”. Nói khác đi, ngôi nhà của một người có thể rách nát, nhưng nó là nơi mà trong đó họ và bạn bè của họ đàm luận về những hoài bão và chí hướng của mình. Vì thế điều kiện sống dù có thế nào cũng không phải là điều thực sự quan trọng.

Vậy, làm thế nào chúng ta có thể đạt được mục tiêu của mình? Chúng ta phải có một xuất phát điểm bình dị, đơn giản, một xuất phát điểm sẽ đưa ta đến niềm hạnh phúc tinh thần.

Khi chúng ta thực sự hiểu được quan niệm về cái Chí của Khổng Tử; khi chúng ta đã đọc những lời chân thành rằng “Ta cũng thích như Điểm vậy”; khi chúng ta biết rằng một bậc hiền nhân như thế, một hình mẫu cho mọi người chúng ta qua các thời đại, lại ước mơ một cuộc sống “tắm sông Nghi, hóng gió đàn Vũ Vu”, rồi sau đó được “ca vịnh với nhau mà cùng về nhà”, thì chúng ta sẽ thấy rằng những khao khát ấy rất giống với sự đồng cảm của người ẩn sĩ với các thần linh trên trời và dưới đất được triết gia Trang Tử nói đến.

Đạo “chí hướng” sẽ mang lại cho ta một xuất phát điểm cố định và có thể tiếp cận được, một suối nguồn và kho chứa niềm hạnh phúc bên trong.

Nói khác đi, những bậc có Trí và những người có Đức ngày xưa, tất cả đều bắt đầu cuộc du hành tinh thần của mình từ một cốt lõi cố định, đó là: các giá trị cá nhân của riêng họ. Trước hết, họ đi đến chỗ hiểu những khao khát tinh thần của bản thân và chỉ sau đó, họ mới có thể vạch ra những kế hoạch lớn lao hoặc đưa ra những chí hướng cao rộng.

Tất cả chúng ta đều muốn tìm những điểm cố định trong cuộc đời mình, để chúng ta cũng có thể tìm được một xuất phát điểm cho cuộc du hành dài phía trước. Hãy xây dựng cho chúng ta sự hiện mình trong tâm hồn, được đặt nền tảng trên sự hiện mình đến từ sự tự-nhận-thức. Hãy để chúng ta bước vào sự hiện mình của Khổng Tử, để chúng ta cũng có thể là các học trò khoan hòa của Ngài, vượt qua những thay đổi và những khuấy động của thời thế để nhìn thấy gương mặt thanh bình, kiên nghị, trầm lắng của Ngài ngày hôm nay. Chúng ta hãy nhớ đến sự khuyến khích đến gần với tự nhiên của Ngài và trong những đợt ngưng nghỉ hiếm hoi của cuộc sống bận rộn, lo toan của ta, hãy thắt đai mình bằng một nghi lễ riêng, nho nhỏ của tâm hồn, không như nhà hài kịch kia, người mà nhân cách đã bị nứt gãy và không còn dám nhìn vào chính tâm hồn mình. Thực tế, trong kỷ nguyên hiện đại của chúng ta, sự trầm lắng mà chúng ta gặp được nơi những khái niệm căn bản của Khổng Tử, sự trong sáng và chân lý từ các ý tưởng của ngài, và sức mạnh mà ta thấy bên trong đó sẽ giúp ta có can đảm nuôi dưỡng tâm hồn và nhận ra rằng những gốc rễ của mọi ý hướng và mục tiêu của ta đều được tìm thấy nơi sâu thẳm bên trong ta.

Khổng Tử cũng biết những điều này khó thực hiện thế nào, nhưng lời giảng của Ngài dẫn chúng ta xuyên qua những thách thức khác nhau mà chúng ta sẽ phải đối mặt khi bước qua từng tuổi đời. Ngài giúp ta hiểu cái gì cần cho ta tại mỗi giai đoạn trong cuộc hành trình đi qua cuộc đời này.



Phần VI: ĐẠO NHÂN SINH



Khổng Tử mô tả cuộc đời của Ngài qua sáu giai đoạn.

Cuộc du hành của Khổng Tử qua cuộc đời vẫn có một tầm ý nghĩa rất lớn cho chúng ta trong thế giới hiện đại ngày nay.

Điều cốt yếu là ta phải nhận ra những gì Ngài muốn gửi gắm qua sự minh triết trong tư tưởng của mình, để làm cho cuộc sống của ta hiệu quả và có giá trị nhiều hơn.

Trong lịch sử, con người thường kêu than về sự vượt trôi của thời gian nhiều hơn bất kỳ điều gì khác.

Người Trung Quốc đều biết câu đối do Tôn Nhiêm viết trên đôi cột ở Lầu Đại Quan vùng Côn Minh ^[18]. Câu đầu tiên viết: “Năm trăm hải lý hồ Điền Trì trải rộng trước mắt ta”. Câu thứ hai viết:

“Ngàn năm vật đổi sao dời trải qua trong nháy mắt”.

Đối với một triết gia, dòng nước triều dâng, trôi chảy của một dòng sông không chỉ là một hiện tượng tự nhiên. Có một thứ nữa cũng trôi chảy giống như nước của một dòng sông và không bao giờ có thể bị ngăn lại hoặc quay lại như cũ được, ấy là thời gian.

Trong bài thơ Ai giang đầu (Thương đầu sông) của mình, nhà thơ Đỗ Phủ viết: “Việc đời nghĩ lại lệ ướt ngực; hoa, nước trên sông đâu cùng cực”^[19]. Và trong bài thơ Tây Tái sơn hoài cổ (Nghĩ lại chuyện xưa ở núi Tây Tái), Lưu Vũ Tích viết: “Nhân thế bao lần thương chuyện cũ: hình non còn gổ lạnh dòng sâu”^[20].

Cuộc đời con người chỉ như một gang tay, trong khi tự nhiên là vĩnh cửu; sự tương phản ghê gớm ấy cũng đủ làm tinh thần rung cảm, mắt rơi lệ sầu.

Không ngạc nhiên gì khi nhà thơ đời Đường Trương Nhược Hư đã đặt một câu hỏi muôn đời cho Trăng trong bài thơ “Xuân giang hoa nguyệt dạ” [Đêm trăng hoa trên sông xuân] rằng:

...

Trong suốt trời sông suốt một màu,

Trên sông vắng vặc một trăng cao.

Ai người đầu đã trông trăng ấy?

Trăng ấy soi người tự thuở nao?

Người cứ đời đời sinh nở mãi,

Trăng đã năm năm sông nước giải.

Soi ai nào biết được lòng trăng,

Chỉ thấy sông dài đưa nước chảy.^[21]

...

Khổng Tử cũng không ngoại lệ. “Khổng Tử đứng bên bờ sông, nói rằng: ‘Cũng như nước này trôi chảy, mọi vật đều đi qua. Ngày và đêm, không có vật chi ngừng nghỉ.’” (Luận Ngữ, IX, 16). Tuy là một câu nói khá mơ hồ, nhưng chứa đựng bên trong là một sự thương tiếc sâu sắc về những biến đổi

cùng những khó nhọc của đời người.

Giữa vũ trụ bao la vô tận này, giữa những vòng tuần hoàn bất tận của Tự nhiên, cuộc đời của mỗi con người là quá nhỏ bé, trôi qua trong một chớp mắt. Vậy, ta nên hoạch định cuộc sống ngắn ngủi của ta như thế nào đây?

Cùng lúc Khổng Tử thờ dài bên dòng sông khi nó chảy qua, Ngài cũng nói về một đạo Nhân sinh qua cuộc đời của chính mình cho các học trò và cho hàng ngàn thế hệ sau này biết, rằng:

Ta, mười lăm tuổi để tâm trí vào sự học; ba mươi tuổi vững chí mà lập thân; bốn mươi tuổi thì tâm trí sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, chẳng còn nghi hoặc; năm mươi tuổi thì biết mệnh trời; sáu mươi tuổi thì hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được; bảy mươi tuổi, trong tâm đầu có muốn sự chi cũng chẳng hề sai phép tắc, lễ nghi. (Luận Ngữ, II, 4).

Đây là một chuỗi sắp xếp đơn giản về từng giai đoạn của cuộc đời con người, trong đó mỗi giai đoạn đều được nhấn mạnh bởi những sự việc đặc biệt. Thử liếc nhanh qua con đường cuộc đời mà bậc hiền nhân đã mô tả cho ta, để xem có thể rút ra những bài học gì từ đó, và nó có ý nghĩa gì đối với ta ngày nay.

Một cuộc đời của con người không khác gì một khoảnh khắc ngắn ngủi được vay mượn từ thời gian; khi năm tháng trôi qua, chúng ta nắm lấy một vài năm ngắn ngủi ấy và khắc chúng thành một hình dạng nào đó, hy vọng sẽ tạo ra một vật trường cửu, để ta được tưởng nhớ một khi qua đời.

Như ta đã thấy, tất cả chúng ta đều có các ý hướng và các sự việc thúc đẩy ta, nhưng ta phải bắt đầu bằng việc biết chấp nhận xã hội mà ta đang sống. Việc học bắt đầu bằng sự biến đổi một con người tự nhiên thành một con người được nhào nặn bởi các quy tắc xã hội. Khi Khổng Tử nói rằng: “Ta mười lăm tuổi để tâm trí vào sự học”, thì Ngài đang nói đến xuất phát điểm của Ngài trên hành trình ấy và đó cũng là điều Ngài đòi hỏi nơi các học trò của mình.

Khổng Tử thường tự nói rằng: “Chẳng phải ta sinh ra là tự nhiên hiểu biết đạo lý. Thật ra ta là người hâm mộ kinh thi của thánh hiền đời xưa, cho nên ta cố gắng tàm mà học vậy.” (Luận Ngữ, VII, 19). Dĩ nhiên, Khổng Tử đâu phải sinh ra đã biết mọi thứ. Nhưng vì quan tâm sâu sắc đến văn hóa và những kinh nghiệm của người xưa, nên Ngài có thể làm việc không biết mệt mỏi để học một cách chuyên cần.

Ngày nay, chúng ta muốn xây dựng một xã hội có nền giáo dục mà ai cũng có thể tự do tiếp cận. Nhưng loại học vấn nào mới là học vấn tốt đây?

Trong thời đại thông tin ngày nay, thực sự có quá nhiều điều để học. Trẻ em ngày nay không còn đợi cho đến tuổi mười lăm mới bắt đầu “để tâm trí vào sự học” nữa; nhiều em đã bắt đầu học trước khi chúng lên năm. Nhưng thực sự thì chúng học được gì? Một vài đứa trẻ nhớ được các trị số của số π (pi) đến rất nhiều đơn vị thập phân; những đứa khác thì có thể đọc thuộc lòng những bài thơ dài trong kinh điển Trung Quốc để góp vui trong các buổi tiệc. Nhưng những điều ấy có thực sự có ích cho phần còn lại của cuộc đời chúng không? Có bao nhiêu “xu hướng ham học” của

ngày nay là cái mà Không Tử nói đến như “học để tự hoàn thiện bản thân”? Và có bao nhiêu sự học để sử dụng những gì mà chúng ta đã học được?

Trong thời hiện đại, điều gây lo lắng nhất cho chúng ta là có quá nhiều thông tin; khó khăn lớn nhất của ta là có quá nhiều chọn lựa. Chúng ta rất cần một kế hoạch được sắp đặt tốt đẹp để hướng dẫn chúng ta đi qua mê cung của sự lựa chọn để có thể học được cái mà thật sự cần học.

Thái độ của Không Tử luôn luôn là “đi quá xa thì cũng tệ như đi quá gần”. Tất cả những điều tốt nhất cũng đều phải có chừng mực; nếu bạn tham ăn, bạn sẽ cắn một miếng quá to nhưng bạn không nhai được; hay khi bạn nạp quá nhiều dữ liệu vào não, bạn sẽ trở nên giống như ổ cứng của một máy vi tính, đầy những thông tin thụ động vốn chẳng để làm gì cả. Bạn sẽ làm tốt hơn nếu biết sử dụng những tri thức có giới hạn của mình và học cách thành thạo chỉ một vấn đề thôi, để hấp thụ nó vào trong cuộc đời của bạn.

Không Tử nói rằng: “Học mà chẳng chịu suy nghĩ, thì chẳng được thông minh. Suy nghĩ mà chẳng chịu học, thì lòng dạ chẳng yên ổn.” (Luận Ngữ, II, 15). Bạn phải học, song song với việc suy nghĩ và sử dụng những gì bạn đã học được.

Thông qua việc học, kinh nghiệm và luyện tập, chúng ta sẽ dần dần tiến bộ, đi đến chỗ hiểu được các sự việc cả về mặt trí tuệ lẫn về mặt trực quan. Đây là trạng thái mà ta có được khi đến tuổi ba mươi.

“Ba mươi tuổi vững chí mà lập thân.”

Có lẽ “Tam thập nhi lập” vẫn là một câu nói mà bạn thường được nghe. Vào tuổi này, gần như tất cả mọi người đều nhìn lại bản thân và tự hỏi: “Vị trí của tôi là ở đâu?”.

Vậy, vị trí của một người có được là gì? Có phải bạn phải có xe, có nhà, hoặc có sự nghiệp trước khi bạn có thể được xem là có một vị trí? Và quan niệm “tam thập nhi lập” có ảnh hưởng đến ta như thế nào?

Ngày nay, dường như chúng ta ngày càng đạt đến tuổi trưởng thành chậm hơn, đặc biệt là trong các thành phố lớn, nơi những người 30 tuổi vẫn còn bị gọi là “những cô bé, cậu bé”. Vậy, chúng ta phải đánh giá một người có hay không có “vị trí” trong thế giới này như thế nào cho thỏa đáng? Và việc “có vị trí” bao hàm những trách nhiệm gì?

Ví dụ, khi trẻ em bắt đầu đến trường mẫu giáo, chúng tin rằng mặt trời thì sáng, hoa thì tươi thắm đẹp đẽ, tâm hồn con người đều tốt, thế giới đầy những tình cảm yêu thương, một thế giới mà hoàng tử và công chúa sống bên nhau hạnh phúc trọn đời, không có bất kỳ phiền não hay đau buồn nào.

Nhưng khi đến tuổi thiếu niên, ở trẻ sẽ xuất hiện xu hướng muốn nổi loạn mạnh mẽ, và đến tuổi hai mươi, khi trẻ bắt đầu bước vào xã hội của người lớn, chúng sẽ cảm thấy rằng thế giới này không diễn ra như chúng nghĩ, thế giới của người lớn đã lừa gạt chúng, cuộc sống chỉ toàn những điều xấu xa, tồi tệ và giả dối. Đó là những “người trẻ giận dữ” mà chúng ta thường nghe nói đến. Thời gian trưởng

thành này có sự trống vắng đặc biệt, là kết quả của một phản ứng không thể tránh được trong tâm trí người trẻ. Nhưng khi đến tuổi ba mươi, chúng ta đạt đến một trạng thái hiểu biết đầy đủ, nghĩa là ta không còn nghĩ rằng mọi thứ trước mặt ta đều đẹp đẽ và tươi sáng như khi mười tuổi nữa, và cũng không nghĩ rằng mọi thứ đều xấu xa đen tối như lúc ta ở độ tuổi hai mươi.

“Tam thập nhi lập” trước hết và trên hết là một thế đứng nội tâm; còn việc tìm kiếm một vị trí trong xã hội là hệ quả từ đó.

Từ điểm nhìn của sự độc lập tinh thần nội tâm, sự học thật sự tốt có nghĩa là áp dụng tất cả những gì chúng ta đã học vào cho bản thân ta, để những gì ta đã học trở thành vốn riêng của mình. Đây là quan niệm về việc học mà văn hóa Trung Quốc từ xưa đã đặt ra và còn giá trị mãi đến hôm nay.

Vì vậy, khoảng thời gian từ 15 tuổi đến 30 tuổi là khoảng thời gian dành cho việc học. Nhưng làm thế nào một người đạt đến được trạng thái thống nhất, nơi mà mọi điều chúng ta đã học được trở thành của riêng ta?

Theo truyền thống, người Trung Quốc tiếp cận việc học theo hai cách: một là cái mà chúng ta gọi là “Tôi cắt nghĩa Lục kinh”^[22], cách khác là “Lục kinh cắt nghĩa tôi”.

Phương pháp đầu đòi hỏi một sự học cả đời về các kinh điển, kéo dài mãi cho đến lúc già; vào lúc tóc đã bạc trắng và đã đọc hết mọi sách vở, bạn sẽ đủ sức để bình giải về các kinh điển.

Nhưng phương pháp thứ hai, tức “Lục kinh cắt nghĩa tôi”, nói chung là nằm ở một mức độ cao hơn. Nó gồm việc sử dụng tinh thần của các Kinh điển để cắt nghĩa và thể hiện toàn bộ cuộc đời của chính bạn.

Ba mươi là tuổi bắt đầu xây dựng sự tự tin nội tâm. Sự tự tin này không được đưa ra trong sự đối lập với những sự vật bên ngoài. Đúng hơn, nó tạo ra một sự hài hòa, trong đó cái bên trong và cái bên ngoài đều được nâng lên. Điều này giống như hai câu đối trên núi Thái Sơn: “Biển vượn xa tận cùng cực, trời là bờ; Leo đến đỉnh cao nhất của ngọn núi, ta trở thành đỉnh của ngọn núi đó”. (“Hải đảo tận đầu thiên tổ ngạn; Sơn đăng tuyệt đỉnh ngã vi phong.”) Đây là một trong những cách thức mà người Trung Quốc thể hiện sự cảm thông với sông núi. Mục tiêu của chúng ta không phải là chế ngự hay khuất phục chúng, mà thay vào đó, núi và sông đều được xem như nâng cao chúng ta lên. Giống như biển trải dài vô tận, không có bờ bến nào ngoài bầu trời, làm cho chúng ta có cảm giác như toàn bộ thế giới được trải rộng ra trước mắt ta; và khi ta lên đến đỉnh cao nhất của một ngọn núi, vấn đề không phải là ta đang đạp chân lên ngọn núi cao mà là đỉnh ngọn núi đã nâng ta lên một tầm cao mới.

Đây là trạng thái mà chúng ta gọi là “Lục kinh cắt nghĩa ta”.

Khổng Tử luôn dạy các học trò của mình phải sống mộc mạc và giản dị: tức làm tốt hết mức có thể đối với những gì có ngay trước mắt mình; không cần phải lo lắng gì về các sự việc khác.

Ví dụ, chúng ta đều biết rằng, “Khổng Tử không giảng luận về bốn việc này: Quái dị, dũng lực, phản loạn, quỷ thần.” (Luận Ngữ, VII, 20). Khổng Tử không thích nói về những việc như quỷ thần, vì sự quan tâm của Ngài tập trung vào những hành vi hữu hình, có thực.

Có lần khi Tử Lộ hỏi Ngài về đạo thờ quỷ thần, Khổng Tử bình thản nói: “Đạo thờ người còn chưa biết, sao biết được đạo thờ quỷ thần?” (Luận Ngữ, XI, 11). Trong tâm trí của mình, thậm chí bạn còn chưa thể hiểu đúng được việc của những người đang sống; thì làm thế nào bạn nghĩ đến việc đi thờ những người đã chết? Nghĩa là, trước khi bạn bắt đầu học, bạn phải luôn ghi nhớ và bắt đầu với những gì đang có trước mắt bạn. Đừng suy nghĩ ngay về những điều thâm sâu, khó nắm bắt.

Tử Lộ vẫn chưa từ bỏ, ông hỏi tiếp: “Dám hỏi thầy về sự chết?”.

Lần nữa, Khổng Tử lại trả lời rất từ tốn: “Sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết?”.

Lời Khổng Tử cho đến nay vẫn còn dạy ta được nhiều điều: Khi học, trước hết phải gắng hết sức để hiểu những sự việc trong cuộc sống mà chúng ta có thể với đến được. Đừng vươn mình quá xa để suy nghĩ về những gì vượt khỏi giới hạn của bạn hay những gì quá thâm sâu. Đến khi nào đạt đến tuổi “nhĩ lập”, thì chính thông qua việc học mỗi lần một ít mà chúng ta thực sự “lập thân” được.

Do đó, đối với tôi, “tam thập nhi lập” không phải là một phương tiện để đánh giá liệu bạn có xứng đáng với những tiêu chuẩn xã hội bên ngoài hay không. Mà đúng hơn, nó là một cách đánh giá cuộc đời của bạn dựa vào các tiêu chuẩn bên trong của Tâm và Hồn, để xác minh xem bạn đã bắt đầu đạt được nội quan sáng rõ, điềm tĩnh và không vội vã hay chưa. Qua đó cho biết bạn đã đạt đến một trạng thái mà bạn có thể tự tin giải quyết những công việc của chính mình hay chưa.

Vượt khỏi lợi lộc vật chất và tập trung vào những điều bên trong, đối với tôi, đó là minh chứng vĩ đại nhất rằng một người đã “nhĩ lập”.

Trong văn hóa Trung Quốc, chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều minh chứng cho thái độ sống như vậy. Thơ ca có hình ảnh ông lão câu cá trong bài thơ “Giang tuyết” (Sông tuyết) của Liễu Tông Nguyên, đang “một mình ngồi thả câu trong tuyết trên sông lạnh”, đu đưa lưỡi câu của mình mà chẳng vì cái gì cả. Hay chẳng hạn như chuyến đi của đại thi hào và học giả Vương Hy Chi trên một chiếc thuyền nhỏ trong một đêm tuyết phủ để đến thăm người bạn Đới Quỳnh của ông: khi ông đến trước cửa nhà người bạn, ông quay trở về mà không buồn gõ cửa. Tại sao vậy? Vì đầu tiên ông có một động lực thúc đẩy, đó là việc nhớ người bạn ấy; nhưng khi đến trước cửa nhà bạn, động cơ ấy biến mất, thế là ông đi về. Những người xưa đều rất trung thực với tâm hồn của riêng họ; hướng đi mà tâm hồn chỉ ra cho họ quy định hướng đi trong các hành động của họ.

Giữa tuổi ba mươi và bốn mươi, người ta đi từ những năm tháng “lập thân” để đến cái mà Khổng Tử gọi là những năm tháng “chẳng còn nghi hoặc”.

Đây hẳn là những năm tháng đẹp nhất trong cuộc đời của ta.

Nhưng có phải là ai cũng có thể đạt đến việc “chẳng còn nghi hoặc” khi đến tuổi bốn mươi?

Trong xã hội hiện đại của chúng ta, những người ở tuổi bốn mươi là đã đạt đến nửa đời người. Họ đã có tiếng tăm và được tôn trọng trong nghề nghiệp, nhưng trên họ có một thế hệ già hơn, dưới họ có một thế hệ trẻ hơn, điều này gây áp lực rất lớn lên họ. Vậy, trong tình huống thử thách ấy, đâu là con đường tốt nhất để giúp tâm hồn ta chẳng còn nghi hoặc và lo sợ?

Khổng Tử thường xuyên đào sâu ý tưởng “chẳng còn nghi hoặc”. Làm thế nào một con người có thể thoát khỏi những nghi hoặc và lo sợ? Nó đòi hỏi phải thật sự có Trí.

Những năm tháng từ lúc “lập thân” đến khi “chẳng còn nghi hoặc” là thời gian ý nghĩa nhất của đời người. Trước khi đến tuổi ba mươi, người ta sống bằng sự thêm vào, không ngừng tiếp nhận từ thế giới: kinh nghiệm, của cải, những mối quan hệ, danh tiếng, v.v. Nhưng càng có nhiều của cải vật chất, chúng ta càng trở nên nghi hoặc và bối rối.

Sau tuổi ba mươi, chúng ta phải bắt đầu học cách sống bằng sự loại ra - tức bạn phải học cách buông bỏ những điều mà tâm hồn của bạn thực sự không cần đến.

Tâm hồn của bạn giống như một ngôi nhà: khi người chủ vừa mới dọn vào ở, họ muốn bày biện đầy đồ đạc, rèm cửa, những đồ trang trí khác. Kết quả là, ngôi nhà bị chòng chát đầy những thứ linh tinh đến nỗi ta không còn chỗ để chứa chính bản thân mình. Chúng ta trở thành nô lệ cho tài sản của mình.

Học cách sống bằng sự loại ra có nghĩa là bỏ đi những người mà ta không muốn làm bạn, từ chối làm những việc mà ta không muốn làm, không màng đến tiền tài mà ta không muốn kiếm. Chỉ khi chúng ta dám buông bỏ và biết cách buông bỏ, thì chúng ta mới có thể thực sự giải thoát bản thân khỏi những nghi hoặc.

Vậy, việc thoát khỏi những nghi hoặc là gì? Đó là khi một người có thể nghĩ và làm theo những ý tưởng được trình bày trong “học thuyết Trung dung”.

[23]
Trung dung là một trong Tứ Thư vốn đã trở thành những bản văn cốt lõi của học vấn Nho gia, giúp xác định những chuẩn mực cư xử cao nhất trong xã hội Trung Hoa cổ đại. Nói theo triết học, nó liên quan đến “chừng mực” đúng đắn nhất mà nhờ đó một sự vật được tạo ra. Ngày nay, nó thường bị hiểu sai là ám chỉ đến sự tầm thường, sự ranh mãnh hay sự xảo trá thấp hèn; đa số nhìn nhận thuyết Trung dung như là đại diện cho sự thỏa hiệp về nguyên tắc là có lợi, thậm chí có khi làm mờ đi ranh giới giữa cái đúng và cái sai.

Thuyết Trung dung nói rằng: “Những tình cảm như vui mừng, hờn giận, đau thương, khoái lạc khi chưa phát sinh nơi tâm ta, thì gọi là Trung; khi mà cái tâm ta tự nhiên ở mức giữa, không chênh bên này, không lệch bên kia, tới chừng đối cảnh mà chúng phát sinh một cách phải thế, thì gọi là Hòa... Trung là cội lớn của thiên hạ... Hòa là đạo thông đạt của thiên hạ.” (Trung Dung, 1). Nghĩa là, trạng thái lý tưởng là một trạng thái mà mọi sự vật đều nằm trong sự hài hòa, với trời, đất và vạn vật trong tự

nhân, mỗi cái đều an nhiên trong vị trí riêng của mình. Thái độ này có nghĩa là thậm chí nếu thế giới bên ngoài đối xử không công bằng với bạn, thì lúc này bạn cũng biết nơi bạn đang đứng và việc biết ấy sẽ giúp bạn xử lý những tai họa, những hối tiếc này để tìm lại cho bạn một chỗ đứng vững chắc trong cuộc đời.

Nhà triết học lớn Phùng Hữu Lan có lần nói rằng: “Học từ các triều đại trong quá khứ để giúp trật tự mới; các lý tưởng của chúng ta phải cực cao, nhưng các hành động của ta phải đi theo Đạo Trung dung”. Đạo Trung dung thực sự bao hàm việc đạt đến một trạng thái đạo đức rất cao bằng phương pháp thích hợp nhất. Như người Trung Quốc xưa đã nói: “Khi đến cực điểm, vinh quang sẽ quay lại con đường Trung dung”. Khi ở tuổi hai mươi và ba mươi, chúng ta xông pha trong cuộc đời, nhưng phải đến độ tuổi bốn mươi, tức những năm tháng chẳng còn nghi hoặc, chúng ta mới có thể tỏ ra có sự điềm tĩnh thản nhiên và một cảm thức về trách nhiệm. Và khi ai đó đạt đến trạng thái này, một sự thay đổi sẽ diễn ra trong các chuẩn mực của người ấy.

Vào tuổi năm mươi, Khổng Tử nói rằng, Ngài “biết mệnh trời”. Ngài muốn nói gì? Liệu có phải là điều mà chúng ta có ý đề cập khi nói rằng: “Nếu một sự vật có số, thì trước sau gì nó cũng xảy ra như vậy, nếu một sự vật không được định trước, thì đừng có ép nó” chẳng? Liệu điều ấy có nghĩa là khi chúng ta đến tuổi năm mươi, chúng ta phải nhượng bộ trước số mệnh?

Sau đó, khi mười năm nữa trôi qua, chúng ta đến tuổi năm mươi, nhiều thay đổi hơn nữa sẽ xảy ra.

Nếu chúng ta muốn trả lời câu hỏi này, trước hết ta phải hiểu rõ Khổng Tử muốn nói gì qua câu “Tri thiên mệnh”.

Khổng Tử nói rằng: “Ta không oán Trời, ta không trách người. Còn về đạo lý thì ta khởi học từ mức thấp để đạt lần lên mức cao. Biết ta chẳng, chỉ có Trời.”(Luận Ngữ, XIV, 37). Học giả ngôn ngữ học cổ điển Hoàng Khản đã giảng về ý này như sau: “Khởi học từ mức thấp là học những vấn đề của con người; đạt lần lên mức cao là đạt đến việc biết mệnh trời. Tôi đã có một nghiên cứu về những vấn đề của con người: những vấn đề của con người có cái may và cái rủi, vì thế tôi không trách người; bên trên là mệnh Trời, mệnh Trời có thể ủng hộ hoặc chống lại tôi, vì thế tôi không oán Trời”. Như chúng ta đã thấy, chìa khóa cho điều này là từ “Tri” (biết): bạn phải có khả năng biết chấp nhận những gì số mệnh đã dành sẵn cho bạn. Khi bạn có thể làm điều ấy là bạn đã nhận ra tất cả những thuận lợi hay khó khăn, điều tốt hay xấu trong đời đều là hoàn toàn tự nhiên; nhờ đó, bạn có thể khắc phục nó một cách hợp lý và phản ứng lại nó một cách điềm tĩnh.

“Ta không oán Trời, ta không trách người” có lẽ là câu nói ta rất thường được nghe, thậm chí cả trong xã hội ngày nay. Nhưng nói thì dễ hơn làm. Nếu bạn có thể thôi không phàn nàn, nếu bạn có thể kiềm chế mọi sự chê bai và chỉ trích nơi tâm hồn mình, thì bạn cũng sẽ trở thành người không còn trách móc những người khác nữa.

Ý tưởng giữ im lặng này còn có quan hệ đến việc nói xấu người khác. Khổng Tử nói rằng: “Người quân tử thì tấn lên mức cao; còn tiểu nhân thì chỉ giữ được mức thấp mà thôi.” (Luận Ngữ, XIV, 24). Chỉ có kẻ tiểu nhân mới dành hết thời gian để ngồi lê đôi mách và cãi nhau vì những chuyện cá nhân

vật vĩnh. Bậc quân tử, trái lại, quan tâm nhiều hơn đến nội tâm, đến việc xây dựng những sự xác tín cho mình và theo đuổi số mệnh của mình. Khổng Tử nói rằng: “Chẳng hiểu mệnh trời, chẳng đáng gọi là quân tử. Chẳng biết lễ, không thể đứng được với người. Chẳng biết phân biệt lời nói của người, thì chẳng hiểu người.” (Luận Ngữ, XX, 3).

Ngài tin rằng sự hoàn hảo nội tâm của một người và khao khát của họ muốn tuân theo số mệnh là quan trọng hơn rất nhiều so với việc áp đặt những mệnh lệnh của mình lên xã hội hoặc bắt người ta cư xử theo một cách nhất định.

Đối với Khổng Tử, ba giai đoạn cuộc đời - “hiểu mệnh trời”, “biết lễ” và “biết phân biệt lời nói của người” - xuất hiện theo trình tự ngược lại. Chúng ta học ăn học nói rồi đi đến chỗ hiểu người khác, hiểu xã hội bằng cách giao tiếp với người khác và đọc sách vở. Nhưng chỉ một mình việc biết phân biệt lời nói của người không thôi thì chưa đủ để biết lễ nghi - tức mọi việc giúp bạn biết tôn trọng người khác. Nếu sự tôn trọng nhiều hơn một chút sẽ giúp bạn ít phàn nàn hơn. Cấp độ cao nhất là hiểu mệnh trời. Hiểu mệnh trời là trở thành một bậc quân tử - lý tưởng của Khổng Tử. Khi trở thành người quân tử, bạn sẽ tạo ra được một hệ thống các giá trị của bản thân, nội tâm bạn sẽ tràn ngập một sức mạnh điềm tĩnh, thực tế, và chúng ta có thể sử dụng sức mạnh ấy trong mọi sự tương tác với thế giới bên ngoài.

Tri thiên mệnh có nghĩa là, đến tuổi năm mươi, bạn sẽ có một sự kiên định nội tâm. Bạn sẽ đạt đến trạng thái “không oán Trời và không trách người”: bạn sẽ không bị dao động bởi những sự việc bên ngoài.

Triết gia cổ đại Trang Tử cũng có một quan điểm tương tự: “Khi cả thiên hạ nịnh bợ, cũng không làm hấn nỗ lực thêm chút nào, khi cả thiên hạ chê cười, hấn cũng không lấy làm chán nản. Kẻ ấy vạch ra một ranh giới rõ ràng giữa cái bên trong và cái bên ngoài, đồng thời hiểu được sự khác biệt giữa sự vẻ vang và hổ thẹn đích thực, nhưng hấn dừng lại ở đây”.

Nói khác đi, khi cả thế giới ca ngợi bạn, bạn sẽ không phản ứng lại với sự ca ngợi ấy, ngược lại, khi mọi người xung quanh soi mói sai lầm của bạn, bạn cũng không gục ngã, mà sẽ kiên trì theo đuổi những điều bạn tin tưởng. Đây là điều được nói đến qua câu “vạch ra một ranh giới rõ ràng giữa cái bên trong và cái bên ngoài” và hiểu được “sự vẻ vang” cùng “sự hổ thẹn”.

Điều đó được chúng ta gọi là sự trưởng thành và chín chắn. Nó là một tiến trình mà tâm hồn chúng ta dần trở nên mạnh mẽ hơn qua kinh nghiệm, và ta có được năng lực dẫn dắt những sự việc bên ngoài và biến chúng thành sức mạnh bên trong của ta.

Trạng thái “tri thiên mệnh” là điều gì đó thường khiến chúng ta tự nhiên có xu hướng liên tưởng đến các tiêu thuyết võ hiệp của Kim Dung.

Trong các tiểu thuyết võ thuật Trung Quốc, khi một kiếm sĩ trẻ lần đầu xuất hiện, họ thường cầm một thanh bảo kiếm sắc bén vô cùng, khắp nơi không có địch thủ, và biểu diễn kiếm khí của mình với một dáng vẻ phong nhã, như vũ đạo. Nhưng qua thời gian, khi anh ta đã thuần thục các kỹ năng võ thuật

bằng sự chuyên chú và rèn luyện, thực sự muốn sống một cuộc đời kiếm sĩ, và trở thành một tay kiếm có chút tên tuổi nào đó, thanh kiếm mà anh sử dụng có lẽ chỉ là một thanh kiếm cùn mà anh không buồn mài sắc. Tuy nhiên, đến giai đoạn này, sự bén nhọn của thanh kiếm không còn quan trọng với anh nữa, khi trí tuệ bên trong và kinh nghiệm của anh đã trở nên phong phú hơn và vững chắc hơn. Và qua thời gian, anh trở thành một kiếm sĩ bậc thầy danh tiếng, và kỹ năng của anh đã vượt qua mọi kiếm thủ đến đâu với anh. Đối với anh, sự sắc bén và chất lượng của kim loại lúc này không còn quan trọng nữa; tất cả những gì anh cầm trong tay đều là kiếm cả. Anh đã đạt đến trạng thái cao nhất - trạng thái Độc cô cầu bại, người anh hùng đã tìm kiếm không một mối một đối thủ có thể đấu với mình một trận - anh không mang vũ khí nào cả: mọi kỹ năng kiếm thuật của anh đã hòa vào trong tâm hồn và tâm trí anh qua những tháng năm tập luyện miệt mài, và anh ta có thể tạo ra một thanh kiếm chỉ bằng cách duỗi cánh tay của mình ra. Vào lúc này, những kẻ thù của anh không có chiến lược hoặc mưu mẹo nào để đấu với anh, vì anh đã đạt đến trạng thái không cần gì nữa rồi. Vì anh chiến đấu mà không có bất kỳ chiến lược hoặc mưu mẹo nào, đối thủ của anh đều thua cuộc, không thể đoán được anh sẽ làm gì, và bất lực không thể đánh bại được anh.

Trong văn hóa Trung Quốc, trạng thái cao nhất mà ai cũng có thể đạt đến là trạng thái tinh thông. Điều mà Khổng Tử gọi là “tri thiên mệnh” đạt được thông qua những năm tháng học tập và luyện tập miệt mài, hấp thụ mọi chân lý và cuối cùng thông qua chúng đạt đến sự hài hòa cao nhất. Và chỉ khi ấy bạn mới sẵn sàng đạt đến trạng thái cao hơn nữa.

Khổng Tử nói rằng: “Sáu mươi tuổi thì hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được”. Nhưng điều này có nghĩa là gì? Như ta đã thấy, một sự “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được” là năng lực biết lắng nghe mọi điều, bất kể những điều ấy thuộc loại nào, và khi xem xét bất kỳ vấn đề nào cũng luôn đứng trên quan điểm của người đang nói những điều ấy.

Tuy nhiên, trong cuộc sống thực, chúng ta thường gặp những điều không như ý muốn và nghe những điều mình không muốn nghe. Làm sao ta có thể thực sự đạt đến việc “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được”?

Một khi bạn có sự hiểu biết thấu đáo về thiên mệnh và có một sức mạnh kiên định nội tâm, bạn sẽ đạt đến trạng thái mà Khổng Tử mô tả là “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được”. Bạn sẽ đạt đến năng lực cao nhất có thể khi biết tôn trọng người khác, bạn có thể hiểu lập luận đằng sau mọi vấn đề, bạn có thể nghe mọi điều bằng một tinh thần cởi mở, biết đặt mình vào vị trí của người khác, để hiểu những điều họ nói.

“Tri thiên mệnh” là thái độ kiên định theo đuổi một mục đích mà chúng ta có thể dùng để ứng đối với thế giới bên ngoài.

Có một thành ngữ Trung Quốc thường được dùng để mô tả điều này đại ý là “buồn cho đời và tiếc cho người”. Nói khác đi, qua việc hiểu những động cơ và ham muốn của mọi người, bạn sẽ đạt đến một sự hiểu biết và khoan dung nhiều hơn.

Khi chúng ta nhìn lối sống của những người khác bằng hệ thống giá trị của riêng mình, chúng ta có thể

bị sốc; nhưng nếu chúng ta biết điều gì đã đưa người ấy đến chỗ đứng hiện tại thì có lẽ chúng ta sẽ hiểu họ hơn.

Châm ngôn cổ có câu: “Hai đám mây chỉ có thể hội tụ để tạo ra mưa khi chúng gặp nhau ở cùng một độ cao”.

Vậy, ai là người “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được”? Họ là những người, dù đám mây của họ ở 5.000 hay 500 mét độ cao, họ cũng luôn ý thức về nơi người khác đang đứng. Đây là cách mà Khổng Tử đã áp dụng với mọi học trò của mình, giúp cho mỗi bài học phù hợp với từng học trò.

Những người muốn đạt đến tầm “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được” phải để lòng mình rộng mở để gặp gỡ những tinh thần khác ở nhiều độ cao khác nhau; chứ không bám vào những chuẩn mực bất biến của riêng mình và ngoan cố bảo vệ chúng.

Sau khi đã có đủ kiến thức và được tôi luyện qua những trải nghiệm cuộc sống, mọi sự học hỏi và lao động vất vả của ta sẽ mang lại cho ta sự tinh thông thật sự. Trạng thái “hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được” của Khổng Tử là sự hội tụ những quy tắc của thế giới bên ngoài vào bên trong tâm hồn ta.

Có lần tôi đọc được câu chuyện sau:

Ngày xưa, trong một ngôi đền có một bức tượng Phật được khắc từ đá granite hết sức tinh xảo. Hàng ngày đều có nhiều người đến khấn vái, cầu nguyện. Những bậc thang dẫn đến bức tượng Phật cũng được cắt gọt từ cùng loại đá đã làm ra bức tượng ấy.

Đến một ngày nọ, những bậc thang trở nên bất mãn và đưa ra lời phản kháng rằng: “Chúng ta vốn là anh em, cùng sinh ra từ một tảng đá. Có gì mà họ có quyền chà đạp lên chúng tôi mà lại cúi đầu trước anh? Anh có gì hay nào?”.

“Hiểu thông, thấu đáo những gì nghe được” là một sự cảm thông với thế giới và với mọi người trong thế giới ấy, tức là thái độ thấu hiểu và khoan dung.

Phiên đá tạo nên bức tượng Phật điềm tĩnh trả lời: “Đó là vì anh chỉ phải chịu bốn nhát dao là đã có hình dáng như ngày nay rồi, nhưng tôi đã phải chịu mười ngàn nhát cắt và đục thì mới trở thành một bức tượng Phật”.

Hãy nhìn vào trạng thái của cuộc đời con người mà Khổng Tử đã nói, chúng ta càng đi xa trong cuộc đời, chúng ta càng có nhiều hơn cái mà Ngài nhấn mạnh là nội tâm, và chúng ta càng trở nên điềm tĩnh, thư thái hơn. Nhưng trước khi bạn có thể đạt đến trạng thái điềm tĩnh này, bạn phải được trui rèn và phải bị biến đổi hàng trăm, hàng ngàn lần.

Chúng ta nên xem sự tiến bộ của cuộc đời con người từ tuổi mười lăm đến tuổi bảy mươi mà Khổng Tử đã nói như một tấm gương nâng đỡ cho ta, trong đó chúng ta có thể kiểm thảo bản thân mình tại mỗi giai đoạn khác nhau của cuộc đời mình. Thông qua đó, chúng ta sẽ có thể thấy liệu tinh thần của

riêng ta có vững hay không, chúng ta có dân bớt đi sự nghi hoặc hay không, chúng ta có bắt đầu gặt hái được những chân lý lớn lao của thế giới hay không, chúng ta có thể tỏ ra hiểu biết và cảm thông với những thất bại của người khác không, hoặc chúng ta có thể đi theo khao khát của tâm hồn mình không. Nếu vào tuổi hai mươi hoặc ba mươi, chúng ta có thể đạt đến, vượt kế hoạch, trạng thái mà chúng ta sẽ có ở tuổi bốn mươi, năm mươi, và đã xây dựng được một hệ thống các giá trị rõ ràng và sáng sủa, có khả năng biến những áp lực của xã hội lên ta thành một sức mạnh linh động cho phép ta phục hồi lại, và nếu chúng ta có khả năng đạt đến sự điềm tĩnh, vững vàng của khao khát tâm hồn mà ta đang theo đuổi nhưng không đi quá ranh giới... thì chúng ta có thể chắc chắn nói rằng mình đã sống một cuộc sống thật sự có ý nghĩa.

Các nhà khoa học có lần đã tiến hành một thí nghiệm sau:

Để đạt được một sự đo lường chính xác khả năng chịu đựng của quả bí ngô, họ đặt một vật nặng lên mấy quả bí - trong hạn mức cao nhất mà mỗi quả có thể chịu đựng được.

Trong số quả bí ngô được thí nghiệm có một quả đặc biệt chịu được nhiều áp lực nhất. Từ một vài gram một ngày cho đến mười gram cho ngày tiếp theo, đến hàng trăm gram, rồi cuối cùng là hàng kilogram. Khi quả bí ngô ấy lớn, nó chịu được một sức nặng hàng trăm kilogram đặt lên nó.

Kết thúc cuộc thí nghiệm, các nhà khoa học cắt trái bí ngô ấy và các trái khác ra để xem có gì khác thường giữa chúng.

Họ cắt những trái bí ngô khác rất dễ dàng ngay nhát dao đầu tiên, nhưng đến trái bí ngô đặc biệt kia thì con dao cứ nảy ngược trở lại, cuối cùng họ phải dùng một cưa gỗ để cắt nó. Ruột của nó cứng như một thân cây trưởng thành!

Đây là thí nghiệm gì? Nó là một thí nghiệm về cuộc đời, một bức chân dung về tất cả chúng ta trong môi trường hiện đại mà chúng ta đang sống và về sức mạnh linh động trong tâm hồn ta.

Học về Luận Ngữ của Khổng Tử, về bất kỳ kinh điển nào, về mọi kinh nghiệm của những bậc hiền nhân, những nhà thông thái xưa, sau cùng đều có một mục đích thiết yếu là làm cho cuộc sống của ta có ý nghĩa hơn dưới ánh sáng hiển minh của họ. Nhờ đó, ta có thể rút ngắn con đường ta phải đi, giúp ta bắt đầu suy nghĩ và cảm nhận, phát triển lòng nhân ái và sự bao dung như người quân tử càng sớm càng tốt. Chúng ta sẽ có khả năng sống tốt với những tiêu chuẩn công bằng xã hội của bậc quân tử, có khả năng đứng dậy với sự kiêu hãnh, cân bằng về nội tâm và những bổn phận xã hội, bổn phận nghề nghiệp của ta.

Tôi tin rằng điều quan trọng nhất về những bậc hiền nhân là cách họ mô tả cuộc du hành lớn của đời người bằng ngôn ngữ giản dị - cách mà con cái, cháu chắt và những hậu duệ sau này của họ đã thực hành, từ thế hệ này qua thế hệ khác, dù có ý thức hay không, dù khổ đau hay vui sướng. Theo con đường này, tâm hồn của một dân tộc đã được thành hình.

Dù bạn ở đâu, bạn cũng có thể để sức mạnh tinh thần của các kinh điển xưa hòa quyện với những luật

lệ và các quy tắc đương đại, để nó trở thành một thành tố không thể thiếu trong cuộc sống của bạn, để mỗi người có thể xây dựng cho mình một cuộc sống có giá trị. Đây chắc chắn là ý nghĩa tối hậu mà tư tưởng của Khổng Tử mang đến cho chúng ta trong cuộc sống hôm nay.



VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ VU ĐAN



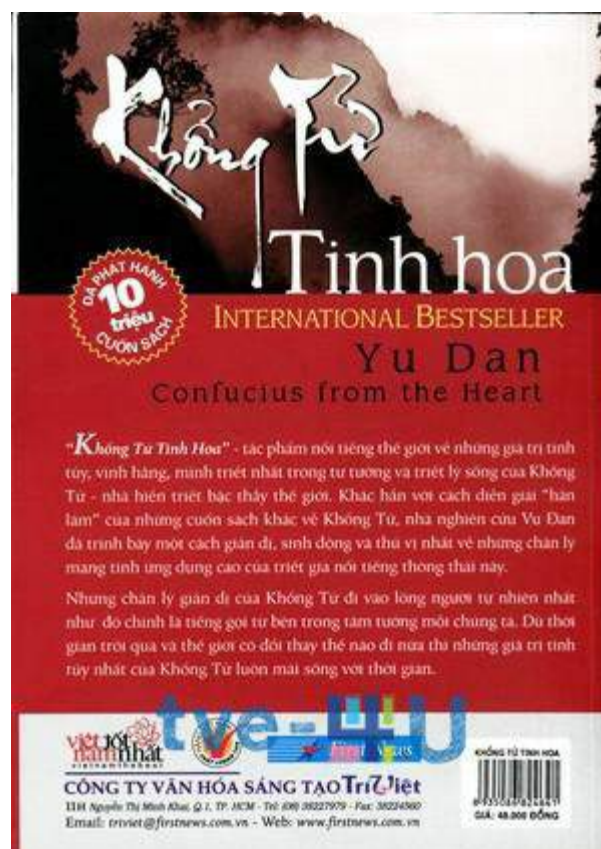
Tác giả Vu Đan là người Bắc Kinh, thạc sĩ văn học cổ điển Trung Quốc, tiến sĩ ngành điện ảnh-truyền hình; hiện là giáo sư, trợ lý giám đốc Viện Nghệ thuật và Truyền thông, Chủ nhiệm Khoa Điện ảnh và Truyền hình của Trường Đại học Bắc Kinh.

Bà dạy các môn: văn học cổ điển Trung Quốc, khái luận môn điện ảnh-truyền hình và trào lưu tư tưởng lý luận truyền hình. Bà nổi tiếng giỏi dàn dựng và viết bài cho các chương trình điện ảnh-truyền hình. Vu Đan từng được tặng các danh hiệu Giảng dạy ưu tú của thành phố Bắc Kinh.

Sinh ra trong một gia đình có cha là nhà nghiên cứu văn học cổ Trung Quốc, từ năm lên 4 tuổi, Vu Đan bắt đầu nghiền đọc sách, đọc cả Luận Ngữ của Khổng Tử; 8 tuổi, đọc Hồng Lâu Mộng và tiểu thuyết của Balzac...

Trong dịp lễ Quốc khánh Trung Quốc năm 2006, Vu Đan xuất hiện trong chương trình Diễn đàn trăm nhà của Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc, thuyết trình 7 buổi liền về chủ đề Thu hoạch từ việc đọc sách Luận Ngữ, được hàng trăm triệu người xem hoan nghênh. Cuối tháng 11, các bài nói này được in thành sách. Ngay trong tuần lễ đầu tiên, 600 nghìn cuốn đã bán hết veo; chỉ trong vài tháng, con số đã nâng lên 3 triệu bản, và đến nay đã là hơn 10 triệu bản trên toàn thế giới. Thật là một hiện tượng hiếm có, nhất là đối với quyển sách bàn về tư tưởng của một triết gia sống cách nay hơn 2.500 năm như Khổng Tử!

Sau thành công đặc biệt từ các bài giảng và quyển sách về Khổng Tử, bà thực hiện một loạt bài giảng khác về triết học của Trang Tử, sau đó cũng trở thành sách bán chạy nhất tại Trung Quốc với hơn 1 triệu bản trong lần in đầu tiên.



[1] Một số câu dịch Luận Ngữ trong quyển sách này được chúng tôi trích lại hoặc dựa trên bản dịch Tứ Thư (trọn bộ): Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Đoàn Trung Còn dịch, NXB Thuận Hóa, 2006. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn dịch giả Đoàn Trung Còn.

[2] 1 trượng = 3,33 mét.

[3] GNP (Viết tắt của từ Gross National Product): Tổng sản lượng quốc gia, là chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế của một nước. Nó được tính theo tổng giá trị bằng tiền của các sản phẩm cuối cùng và dịch vụ mà công dân của một nước làm ra trong một khoảng thời gian nào đó, thông thường là một năm tài chính, không kể làm ra ở đâu (trong hay ngoài nước).

[4] Đào Tiềm (365 - 427): Hiệu là Uyên Minh, sống đời Đông Tấn, là một trong những nhà thơ lớn của Trung Quốc. Ông nổi tiếng là một con người trong sạch, vui thú với cuộc sống điền viên, được người đời ngợi khen gọi ông là “Tĩnh tiết tiên sinh”.

[5] Theo hệ đo lường Trung Hoa: 1 dặm = 500 mét.

[6] Thương: Tên của Tử Hạ, một học trò giỏi của Khổng Tử.

[7] Phu Tử: Cách gọi tôn kính của các học trò đối với Khổng Tử.

[8] Tagore tên đầy đủ là Rabindranath Tagore (1861 - 1941): Nhà thơ, triết gia Bà La Môn và nhà dân tộc chủ nghĩa Ấn Độ, được trao Giải Nobel Văn học năm 1913, trở thành người châu Á đầu tiên

đoạt giải Nobel.

[9]

Tô Thúc hiệu Đông Pha cư sĩ nên còn gọi là Tô Đông Pha (1037 - 1101): Nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời Tống. Ông được mệnh danh là một trong Bát đại gia Đường Tống.

[10]

Hàn Tín (? - 196 TCN): Một danh tướng của Hán Cao Tổ Lưu Bang thời Hán Sở tranh hùng, ông có công rất lớn giúp Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ lập nên nhà Hán kéo dài 400 năm.

[11]

Ronin là những samurai không còn chủ tướng trong thời kỳ phong kiến ở Nhật Bản. Một samurai mất chủ tướng do chủ của ông ta bị chết, bị mất quyền lực, hoặc chỉ do mất đi sự tin tưởng của chủ tướng. Từ ronin nghĩa là “con người trôi dạt” (lãng nhân). Thuật ngữ này bắt đầu có từ thời kỳ Nara và Heian.

[12]

Nguyên văn: “non-loving behaviour”.

[13]

Đỗ Phủ (712 - 770): Được mệnh danh “thi Thánh” của Trung Quốc, là tác giả nổi bật thời nhà Đường, cùng với Lý Bạch, ông được xem là một trong hai nhà thơ vĩ đại nhất Trung Quốc.

[14]

Phạm Trọng Yên (989 - 1052): Nhà văn, nhà thơ, nhà chính trị, nhà quân sự thời Bắc Tống, nguyên văn đoạn được tác giả Vu Đan trích ở đây lấy từ tác phẩm “Nhạc Dương Lâu Ký” của Phạm Trọng Yên: “cư miếu đường chi cao, tắc ưu kỳ dân; xứ giang hồ chi viễn, tắc ưu kỳ quân. Thị tiên diệc ưu, thối diệc ưu; nhiên tắc hà thì nhi lạc gia? Kỳ tất viết: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc dư”. (Dịch nghĩa: Ở miếu đường trên cao, tất lo cho dân; ở sông nước ngoài xa, tất lo cho vua. Dù tiên cũng lo, lui cũng lo; vậy thì vui được khi nào đây? Tất nói là: Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ vậy).

[15]

Tiểu tướng: Quan phụ giúp việc tể lễ.

[16]

Tăng Tử tên thật là Tăng Sâm (505 - 435 TCN), tự Tử Dư, là con trai của Tăng Điểm. Tăng Sâm nhỏ hơn Khổng Tử 46 tuổi, nhưng là một học trò xuất sắc của Khổng Tử, được người đời kính trọng tôn xưng là Tăng Tử.

[17]

Thời Xuân Thu ở nước Sở có người họ Hòa tìm được ngọc quý, mang dâng Sở Lệ Vương. Lệ Vương cho là ngọc giả, bèn chặt chân Hòa trị tội lừa dối. Sở Vũ Vương lên ngôi, Hòa lại mang dâng, Vũ Vương cũng không tin và chặt nốt chân kia của Hòa. Tới đời Sở Văn Vương, Hòa vẫn mang dâng lần nữa. Văn Vương nhận ra là ngọc quý, bèn trọng thưởng Hòa. Từ đó ngọc quý được gọi là ngọc họ Hòa nước Sở.

[18]

Thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

[19]

Bản dịch của Hoàng Tạo, Trương Như.

[20]

Bản dịch của Trần Trọng San.

[21]

Bản dịch của Khương Hữu Dụng.

[22]

Lục kinh: Sáu bộ kinh sách cổ điển của Trung Quốc, gồm: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu, Kinh Nhạc. Sau này Kinh Nhạc bị thất lạc nên các bộ sách kinh điển này thường được gọi là Ngũ kinh.

[23]

Tứ Thư: Bốn tác phẩm kinh điển của Nho học Trung Hoa, gồm: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Cùng với Ngũ Kinh, Tứ Thư hợp thành bộ 9 bộ sách chủ yếu của Nho giáo, thường gọi tắt là “Tứ Thư, Ngũ Kinh”.